

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT
ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 42/2025/QĐ-UBND

Hà Nội, ngày 15 tháng 7 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành bộ định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ sự nghiệp công sử dụng
ngân sách nhà nước lĩnh vực Công Thương thành phố Hà Nội**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Tờ trình số 6628/TTr-SCT ngày 30 tháng 12 năm 2024, Văn bản số 3557/SCT-TTKC ngày 03 tháng 7 năm 2025 về việc phê duyệt Quyết định ban hành bộ định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước lĩnh vực Công Thương thành phố Hà Nội.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này 83 bộ định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước lĩnh vực Công Thương, gồm:

1. Tổ chức thông tin, tuyên truyền trên báo giấy, báo điện tử, truyền thanh, truyền hình, ấn phẩm, tờ rơi, tờ gấp và các hình thức phổ biến thông tin khác về hoạt động điện lực, sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả (được quy định tại Phụ lục số 01).
2. Tổ chức đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, hội nghị, hội thảo có trưng bày giới thiệu trang thiết bị công nghệ tiết kiệm năng lượng cho các cơ sở sử dụng năng lượng: sản xuất công nghiệp, công trình xây dựng, hộ gia đình (được quy định tại Phụ lục số 02).
3. Tổ chức cuộc thi, xét chọn công nhận danh hiệu về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả cho các cơ sở sử dụng năng lượng trong sản xuất công nghiệp, công trình xây dựng, hộ gia đình (được quy định tại Phụ lục số 03).
4. Xây dựng các mô hình hiệu quả năng lượng cho các cơ sở sử dụng năng lượng (được quy định tại Phụ lục số 04).
5. Hỗ trợ kỹ thuật kiểm toán năng lượng, đánh giá hiệu quả năng lượng theo Quy chuẩn Việt Nam cho các cơ sở sử dụng năng lượng: sản xuất công nghiệp, công trình xây dựng, giao thông vận tải (được quy định tại Phụ lục số 05).
6. Hỗ trợ kỹ thuật xây dựng mô hình quản lý năng lượng cho các cơ sở sử dụng năng lượng trong: sản xuất công nghiệp, công trình xây dựng, giao thông vận tải (được quy định tại Phụ lục số 06).
7. Hỗ trợ đánh giá hiệu quả áp dụng trang thiết bị, công nghệ tiết kiệm năng lượng cho các cơ sở sử dụng năng lượng trong sản xuất công nghiệp, công trình xây dựng, giao thông vận tải và hộ gia đình (được quy định tại Phụ lục số 07).
8. Hỗ trợ kỹ thuật áp dụng các công cụ phần mềm tính toán, mô phỏng hiệu quả năng lượng cho các cơ sở sản xuất công nghiệp và công trình xây dựng (được quy định tại Phụ lục số 08).
9. Hỗ trợ kỹ thuật, tổ chức cho các cơ sở sử dụng năng lượng trong sản xuất công nghiệp, công trình xây dựng tham gia đánh giá, công nhận cơ sở, công trình xây dựng sử dụng năng lượng Xanh theo Tiêu chí của Thành phố (được quy định tại Phụ lục số 09).
10. Tổ chức hội chợ triển lãm trong nước về thúc đẩy thị trường sản phẩm, trang thiết bị, công nghệ tiết kiệm năng lượng (được quy định tại Phụ lục số 10).

11. Tổ chức, tham gia hội chợ triển lãm tại nước ngoài về sản phẩm công nghệ tiết kiệm năng lượng (được quy định tại Phụ lục số 11).

12. Cung cấp thông tin phục vụ công tác xử lý sự cố hóa chất (được quy định tại Phụ lục số 12).

13. Cập nhật danh mục hóa chất nguy hiểm; danh mục hóa chất cấm phải xây dựng kế hoạch, biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất (được quy định tại Phụ lục số 13).

14. Xây dựng và vận hành cơ sở dữ liệu hóa chất, danh mục hóa chất (được quy định tại Phụ lục số 14).

15. Xây dựng, quản lý hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu trong và ngoài nước phục vụ công tác quản lý nhà nước về cạnh tranh, chống bán phá giá, trợ cấp, tự vệ, kỹ năng điều hành cạnh tranh, về điều tra viên vụ việc cạnh tranh (được quy định tại Phụ lục số 15).

16. Tuyên truyền, phổ biến, phát hành các ấn phẩm tuyên truyền, giới thiệu về quản lý cạnh tranh, phòng vệ thương mại. (được quy định tại Phụ lục số 16).

17. Thực hiện khảo sát, thu thập, phân tích thông tin về lĩnh vực cạnh tranh phòng vệ thương mại (được quy định tại Phụ lục số 17).

18. Đào tạo, tuyên truyền, phổ biến xã hội hóa về thương mại điện tử (được quy định tại Phụ lục số 18).

19. Xây dựng mô hình, giải pháp thí điểm đẩy mạnh phát triển thương mại điện tử (được quy định tại Phụ lục số 19).

20. Tổ chức thông tin, tuyên truyền trên báo giấy, báo điện tử, truyền thanh, truyền hình, ấn phẩm, tờ rơi, tờ gấp và các hình thức phổ biến thông tin khác về các nội dung của hoạt động khuyến công, xúc tiến thương mại (được quy định tại Phụ lục số 20).

21. Tổ chức đào tạo nghề, truyền nghề và nâng cao tay nghề ngắn hạn cho người lao động của các cơ sở công nghiệp nông thôn (được quy định tại Phụ lục số 21).

22. Tổ chức các lớp tập huấn nâng cao năng lực cho các cơ sở công nghiệp nông thôn (được quy định tại Phụ lục số 22).

23. Tổ chức các khóa đào tạo khởi sự quản trị doanh nghiệp cho các tổ chức cá nhân là đối tượng thuộc chương trình khuyến công (được quy định tại Phụ lục số 23).

24. Tổ chức hội nghị, hội thảo, diễn đàn trong nước về khuyến công kết hợp trưng bày và giới thiệu sản phẩm cho các cơ sở công nghiệp nông thôn (được quy định tại Phụ lục số 24).

25. Tổ chức cuộc thi thiết kế mẫu sản phẩm thủ công mỹ nghệ mới cho các tổ chức, cá nhân thuộc chương trình khuyến công (được quy định tại Phụ lục số 25).

26. Xây dựng, tài liệu tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ làm công tác khuyến công (được quy định tại Phụ lục số 26).

27. Hỗ trợ xây dựng mô hình trình diễn để phổ biến công nghệ mới, sản xuất sản phẩm mới cho cơ sở công nghiệp nông thôn; mô hình đang hoạt động hiệu quả của cơ sở công nghiệp nông thôn để phổ biến tuyên truyền, nhân rộng cho các tổ chức, cá nhân khác học tập áp dụng (được quy định tại Phụ lục số 27).

28. Hỗ trợ ứng dụng, đầu tư dây chuyền công nghệ, máy móc, thiết bị tiên tiến, hiện đại vào sản xuất công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp cho các cơ sở công nghiệp nông thôn (được quy định tại Phụ lục số 28).

29. Tổ chức, tham gia hội chợ, triển lãm hàng công nghiệp nông thôn tại thành phố Hà Nội và các tỉnh, thành phố trong nước (được quy định tại Phụ lục số 29).

30. Tổ chức đoàn doanh nghiệp nước ngoài vào Hà Nội giao dịch mua hàng tại hội chợ thuộc chương trình khuyến công (được quy định tại Phụ lục số 30).

31. Tổ chức, tham gia hội chợ, triển lãm tại nước ngoài cho đối tượng thuộc chương trình khuyến công, xúc tiến thương mại (được quy định tại Phụ lục số 31).

32. Tổ chức bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp thành phố cho các cơ sở công nghiệp nông thôn (được quy định tại Phụ lục số 32).

33. Hỗ trợ xây dựng, đăng ký nhãn hiệu cho cơ sở công nghiệp nông thôn (được quy định tại Phụ lục số 33).

34. Hỗ trợ xây dựng phòng trưng bày, giới thiệu quảng bá sản phẩm cho cơ sở công nghiệp nông thôn (được quy định tại Phụ lục số 34).

35. Hỗ trợ thuê tư vấn, trợ giúp trong các lĩnh vực: Lập dự án đầu tư; Marketing; Thiết kế mẫu mã sản phẩm; quản lý sản xuất, tài chính, kế toán, nhân lực; ứng dụng công nghệ, thiết bị mới cho các cơ sở công nghiệp nông thôn (được quy định tại Phụ lục số 35).

36. Tổ chức đoàn tham quan, khảo sát học tập kinh nghiệm trong nước về tổ chức triển khai hoạt động khuyến công (được quy định tại Phụ lục số 36).

37. Cập nhật cơ sở dữ liệu và trang thông tin điện tử về khuyến công (được quy định tại Phụ lục số 37).

38. Thông tin thương mại xuất khẩu: xây dựng, phát hành, tổ chức phổ biến thông tin, cơ sở dữ liệu về sản phẩm, ngành hàng, thị trường; hướng dẫn, hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận, áp dụng và tuân thủ các quy định, tiêu chuẩn, điều kiện của các tổ chức nhập khẩu, cam kết quốc tế về sản phẩm xuất nhập khẩu (được quy định tại Phụ lục số 38).

39. Tuyên truyền, quảng bá xuất khẩu: tổ chức tuyên truyền, quảng bá sản phẩm, ngành hàng, chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận của Việt Nam ở nước ngoài; mời tổ chức, chuyên gia truyền thông nước ngoài vào Việt Nam sản xuất sản phẩm truyền thông quảng bá cho ngành hàng xuất khẩu của Hà Nội ở nước ngoài (được quy định tại Phụ lục số 39).

40. Hỗ trợ phát triển sản phẩm, nâng cao chất lượng sản phẩm: Đào tạo tập huấn, phổ biến kiến thức, nâng cao năng lực thiết kế, phát triển sản phẩm xuất khẩu; thuê chuyên gia tư vấn, hỗ trợ thực hiện thiết kế, phát triển sản phẩm; nâng cao năng lực xúc tiến thương mại, kỹ năng phát triển thị trường, tổ chức mạng lưới bán lẻ (được quy định tại Phụ lục số 40).

41. Tổ chức, tham gia Hội chợ, triển lãm quốc tế tại Việt Nam đối với sản phẩm xuất khẩu của Việt Nam; sản phẩm của doanh nghiệp nước ngoài có nhu cầu nhập khẩu từ Việt Nam; sản phẩm, nguyên liệu, thiết bị nhập khẩu phục vụ sản xuất hàng xuất khẩu, sản phẩm công nghệ, nguyên liệu đầu vào phục vụ các sản phẩm có lợi thế cạnh tranh do trong nước sản xuất (được quy định tại Phụ lục số 41).

42. Tổ chức đoàn giao dịch thương mại, hoạt động xúc tiến thương mại tổng hợp tại nước ngoài (tham gia Hội chợ, triển lãm và giao dịch thương mại tại nước ngoài) (được quy định tại Phụ lục số 42).

43. Tổ chức giao dịch thương mại tại Việt Nam: tổ chức đoàn doanh nghiệp nước ngoài vào giao dịch, mua hàng tại Hà Nội; kết nối giao thương giữa nhà cung cấp với các doanh nghiệp xuất khẩu; giao thương, kết nối cung cầu hàng hóa giữa nhà sản xuất và nhà phân phối (được quy định tại Phụ lục số 43).

44. Tổ chức, tham gia hội nghị quốc tế, hội chợ, triển lãm chuyên ngành, tổng hợp tại Hà Nội và các tỉnh, thành phố trong nước (được quy định tại Phụ lục số 44).

45. Tổ chức trưng bày, giới thiệu và xuất khẩu hàng hóa qua gian hàng chung trên sàn giao dịch thương mại điện tử (được quy định tại Phụ lục số 45).

46. Hỗ trợ phát triển, vận hành hạ tầng thương mại, logistic phục vụ hoạt động ngoại thương (được quy định tại Phụ lục số 46).

47. Tham gia Hội chợ triển lãm chuyên ngành, tổng hợp tại Hà Nội và các tỉnh thành phố trong nước (được quy định tại Phụ lục số 47).

48. Tổ chức Khu gian hàng thành phố Hà Nội trưng bày, quảng bá giới thiệu chung về thành tựu, sản phẩm tiêu biểu tại hội chợ triển lãm tại các tỉnh, thành phố trong nước (được quy định tại Phụ lục số 48).

49. Tổ chức chương trình xúc tiến thương mại thị trường trong nước tổng hợp: đưa hàng Việt về nông thôn, các huyện ngoại thành, khu công nghiệp, cụm công nghiệp; chương trình khuyến mại tập trung, tuần hàng Việt; giới thiệu, bình chọn hàng Việt Nam được người tiêu dùng yêu thích (được quy định tại Phụ lục số 49).

50. Điều tra khảo sát, nghiên cứu thị trường trong nước; xây dựng cơ sở dữ liệu các mặt hàng quan trọng thiết yếu; nghiên cứu phát triển hệ thống phân phối, cơ sở hạ tầng thương mại; phổ biến pháp luật, tập quán, thói quen mua sắm (được quy định tại Phụ lục số 50).

51. Tổ chức các hoạt động thông tin, tuyên truyền, kết nối, quảng bá, xúc tiến, giao thương thúc đẩy phát triển sản phẩm công nghiệp chủ lực (được quy định tại Phụ lục số 51).

52. Tổ chức tập huấn nâng cao năng lực cho các doanh nghiệp sản xuất sản phẩm công nghiệp chủ lực thành phố Hà Nội (được quy định tại Phụ lục số 52).

53. Tổ chức xét chọn sản phẩm công nghiệp chủ lực (được quy định tại Phụ lục số 53).

54. Tổ chức hội nghị, hội thảo, triển lãm trong nước và quốc tế về sản phẩm công nghiệp chủ lực (được quy định tại Phụ lục số 54).

55. Tổ chức lễ tôn vinh, trao danh hiệu cho các doanh nghiệp sản xuất sản phẩm công nghiệp chủ lực thành phố Hà Nội (được quy định tại Phụ lục số 55).

56. Hỗ trợ đánh giá năng lực cho doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ theo các tiêu chí của Thành phố (được quy định tại Phụ lục số 56).

57. Hỗ trợ kỹ thuật xây dựng và áp dụng hệ thống quản lý đáp ứng yêu cầu các chuỗi sản xuất toàn cầu trong quản trị doanh nghiệp cho doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ (được quy định tại Phụ lục số 57).

58. Tổ chức đoàn giao dịch, đầu tư về trang thiết bị công nghệ tại nước ngoài cho các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ (được quy định tại Phụ lục số 58).

59. Tổ chức, tham gia hội chợ, triển lãm sản phẩm công nghiệp hỗ trợ trong nước (được quy định tại Phụ lục số 59).

60. Hỗ trợ các doanh nghiệp quảng bá, đăng ký thương hiệu sản phẩm công nghiệp hỗ trợ (được quy định tại Phụ lục số 60).

61. Hỗ trợ đánh giá khả năng và nhu cầu áp dụng các tiêu chuẩn, hệ thống quản lý trong sản xuất cho các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ (được quy định tại Phụ lục số 61).

62. Tổ chức đánh giá, công nhận hệ thống quản trị sản xuất cho các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ (được quy định tại Phụ lục số 62).

63. Hỗ trợ đánh giá nhu cầu về nhân lực cho các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ (được quy định tại Phụ lục số 63).

64. Hỗ trợ nghiên cứu ứng dụng, sản xuất thử nghiệm, chuyển giao công nghệ cho các doanh nghiệp và các cơ sở nghiên cứu trong lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ (được quy định tại Phụ lục số 64).

65. Hỗ trợ hoàn thiện, đổi mới công nghệ và sản xuất thử nghiệm cho các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ (được quy định tại Phụ lục số 65).

66. Hỗ trợ tiếp nhận chuyển giao công nghệ tiên tiến, hiện đại cho các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ (được quy định tại Phụ lục số 66).

67. Hỗ trợ mua bản quyền, sáng chế, phần mềm cho các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ (được quy định tại Phụ lục số 67).

68. Hỗ trợ thuê chuyên gia nước ngoài và đào tạo nguồn nhân lực cho các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ (được quy định tại Phụ lục số 68).

69. Khảo sát, xây dựng và cập nhật cơ sở dữ liệu doanh nghiệp sản xuất sản phẩm hoàn chỉnh và sản phẩm công nghiệp hỗ trợ (được quy định tại Phụ lục số 69).

70. Nhập dữ liệu, tạo lập các trang siêu văn bản, tạo lập thông tin điện tử trên cơ sở các dữ liệu có sẵn, số hóa thông tin về công nghiệp hỗ trợ (được quy định tại Phụ lục số 70).

71. Mua cơ sở dữ liệu, cung cấp thông tin cung cầu về thị trường sản phẩm và chính sách về công nghiệp hỗ trợ (được quy định tại Phụ lục số 71).

72. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức về sản xuất và tiêu dùng bền vững thông qua các chuyên đề, chuyên mục trên báo chí, truyền hình, tờ rơi, tờ gấp và các hình thức phổ biến thông tin khác về các nội dung sản xuất tiêu dùng bền vững (được quy định tại Phụ lục số 72).

73. Tổ chức tập huấn, hội nghị, hội thảo nâng cao năng lực về sản xuất và tiêu dùng bền vững cho các cơ sở sản xuất, phân phối và tiêu dùng (được quy định tại Phụ lục số 73).

74. Hỗ trợ các doanh nghiệp tham gia hội chợ, triển lãm quốc tế tại nước ngoài thúc đẩy kết nối chuỗi sản xuất và tiêu dùng bền vững (được quy định tại Phụ lục số 74).

75. Hỗ trợ kỹ thuật triển khai mô hình kinh doanh xanh cho các doanh nghiệp phân phối – dịch vụ (được quy định tại Phụ lục số 75).

76. Tổ chức các hội chợ, chương trình chuỗi kết nối “Mạng lưới sản xuất và tiêu dùng bền vững” (được quy định tại Phụ lục số 76).

77. Xây dựng cơ sở dữ liệu về mạng lưới kết nối sản xuất và tiêu dùng bền vững (được quy định tại Phụ lục số 77).

78. Hỗ trợ kỹ thuật theo phương pháp tiếp cận vòng đời sản phẩm nhằm đổi mới, sáng tạo các mô hình sản xuất cho các cơ sở sản xuất thuộc khu công nghiệp, cụm công nghiệp (được quy định tại Phụ lục số 78).

79. Hỗ trợ kỹ thuật cho các doanh nghiệp thực hiện mô hình thực hành tái chế, tái sử dụng nguyên nhiên liệu áp dụng sản xuất và tiêu dùng bền vững để giảm phát thải cho các cơ sở sản xuất công nghiệp, kinh doanh thương mại và dịch vụ (được quy định tại Phụ lục số 79).

80. Xây dựng, ứng dụng, phổ biến công cụ hỗ trợ trong quản lý để áp dụng sản xuất và tiêu dùng bền vững cho các doanh nghiệp sản xuất và phân phối (được quy định tại Phụ lục số 80).

81. Hỗ trợ kỹ thuật đánh giá sản xuất sạch hơn cho các cơ sở sản xuất công nghiệp, kinh doanh thương mại, dịch vụ trong lĩnh vực công thương (được quy định tại Phụ lục số 81).

82. Hỗ trợ kỹ thuật triển khai mô hình kinh doanh xanh, kết nối lĩnh vực phân phối - dịch vụ bền vững (được quy định tại Phụ lục số 82).

83. Hỗ trợ kỹ thuật cho các doanh nghiệp thực hiện mô hình thực hành giảm thiểu tái chế trong sản xuất công nghiệp, kinh doanh thương mại và trong ngành dịch vụ (được quy định tại Phụ lục số 83).

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày 25/7/2025 và thay thế Quyết định số 40/2024/QĐ-UBND ngày 05/6/2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội ban hành một số bộ định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước lĩnh vực Công Thương thành phố Hà Nội.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố; Giám đốc các Sở: Công Thương, Tài chính; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Mạnh Quyền

PHỤ LỤC SỐ 01

ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

Tên dịch vụ: Tổ chức thông tin, tuyên truyền trên báo giấy, báo điện tử, truyền thanh, truyền hình, ấn phẩm, tờ rơi, tờ gấp và các hình thức phổ biến thông tin khác về hoạt động điện lực, sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả

(Ban hành kèm theo Quyết định số 42/2025/QĐ-UBND ngày 15 tháng 7 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội)

Hà Nội, 2025

MỤC LỤC**Trang****I. QUY ĐỊNH CHUNG**

1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng
2. Nội dung định mức kinh tế - kỹ thuật
3. Áp dụng định mức

II. QUY TRÌNH VÀ TIÊU CHÍ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ

1. Quy trình thực hiện dịch vụ
2. Tiêu chí chất lượng dịch vụ

III. ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

I. QUY ĐỊNH CHUNG

1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1.1. Phạm vi điều chỉnh:

Định mức kinh tế - kỹ thuật ban hành quy định quy trình, tiêu chí chất lượng dịch vụ, định mức kinh tế - kỹ thuật với các thành phần cơ bản: định mức lao động, định mức vật tư, định mức máy móc, thiết bị và các chi phí gián tiếp để hoàn thành một dịch vụ “Tổ chức thông tin, tuyên truyền trên báo giấy, báo điện tử, truyền thanh, truyền hình, ấn phẩm, tờ rơi, tờ gấp và các hình thức phổ biến thông tin khác về hoạt động điện lực, sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả” của các đơn vị cung ứng dịch vụ.

1.2. Đối tượng áp dụng:

a) Đối tượng áp dụng định mức kinh tế - kỹ thuật:

Các cơ quan, tổ chức, đơn vị có chức năng phục vụ quản lý nhà nước lĩnh vực công thương và cung cấp dịch vụ sự nghiệp công trong lĩnh vực công thương được giao theo quy định của pháp luật.

Các cơ quan, tổ chức khác có liên quan đến tổ chức thực hiện dịch vụ sự nghiệp công lĩnh vực công thương thành phố Hà Nội sử dụng ngân sách nhà nước.

b) Khuyến khích cơ quan, tổ chức không sử dụng ngân sách nhà nước áp dụng định mức kinh tế - kỹ thuật này.

2. Nội dung định mức kinh tế - kỹ thuật

Định mức kinh tế - kỹ thuật được xây dựng trên cơ sở quy trình và tiêu chí chất lượng dịch vụ đã quy định. Nội dung định mức kinh tế - kỹ thuật bao gồm các hao phí về lao động, máy móc, thiết bị, vật tư và chi phí gián tiếp để hoàn thành việc thực hiện một dịch vụ “Tổ chức thông tin, tuyên truyền trên báo giấy, báo điện tử, truyền thanh, truyền hình, ấn phẩm, tờ rơi, tờ gấp và các hình thức phổ biến thông tin khác về hoạt động điện lực, sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả”.

2.1. Định mức lao động

Định mức lao động là mức hao phí cần thiết tính bằng ngày công của các loại lao động trực tiếp (thực hiện) phù hợp yêu cầu, để hoàn thành một dịch vụ “Tổ chức thông tin, tuyên truyền trên báo giấy, báo điện tử, truyền thanh, truyền hình, ấn phẩm, tờ rơi, tờ gấp và các hình thức phổ biến thông tin khác về hoạt động điện

lực, sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả” theo quy trình và tiêu chí chất lượng dịch vụ đã quy định.

Mỗi công lao động tương ứng với 8 giờ làm việc; loại lao động yêu cầu được xếp ngạch trong bảng lương ban hành kèm theo Nghị định 204/2004/NĐ-CP ngày 24/12/2004 của Chính phủ và các quy định hiện hành khi có sự thay đổi về chính sách tiền lương thay thế Nghị định 204/2004/NĐ-CP của các cơ quan có thẩm quyền.

Trường hợp đơn vị, tổ chức thực hiện dịch vụ sự nghiệp công không có các chức danh lao động như trong bảng định mức thì có thể áp dụng lao động khác đảm bảo yêu cầu về trình độ lao động và kinh nghiệm của lao động tương đương với bậc lao động quy định trong bảng định mức.

2.2. Định mức máy móc, thiết bị

a) Định mức máy móc, thiết bị là mức hao phí cần thiết trực tiếp của các loại máy móc, thiết bị phù hợp yêu cầu để hoàn thành một sản phẩm dịch vụ “Tổ chức thông tin, tuyên truyền trên báo giấy, báo điện tử, truyền thanh, truyền hình, ấn phẩm, tờ rơi, tờ gấp và các hình thức phổ biến thông tin khác về hoạt động điện lực, sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả” theo quy trình và tiêu chí chất lượng dịch vụ đã quy định; Mức hao phí máy móc, thiết bị tính bằng ca máy, mỗi ca tương ứng với 8 giờ.

b) Khi xây dựng đơn giá: Giá ca máy được tính theo giá công bố của đơn vị có thẩm quyền tại thời điểm tính giá hoặc tính như sau:

Giá ca máy móc, thiết bị có sử dụng điện năng (hoặc nhiên liệu khác) được tính bao gồm chi phí khấu hao máy, chi phí điện năng (hoặc nhiên liệu khác) sử dụng máy tương ứng với công suất tiêu thụ của máy móc thiết bị.

Giá ca máy ô tô được tính theo giá thị trường tại thời điểm tính giá và phù hợp với quy định của pháp luật về dịch vụ thuê, mua ngoài.

2.3. Định mức vật tư

Định mức vật tư là mức hao phí cần thiết của nguyên liệu, vật liệu trực tiếp (bao gồm nguyên liệu, vật liệu, nhiên liệu, động lực, công cụ, dụng cụ tiêu hao và hao hụt), tính bằng số lượng và chủng loại các loại vật tư phù hợp yêu cầu để hoàn thành một sản phẩm dịch vụ “Tổ chức thông tin, tuyên truyền trên báo giấy, báo điện tử, truyền thanh, truyền hình, ấn phẩm, tờ rơi, tờ gấp và các hình thức phổ biến thông tin khác về hoạt động điện lực, sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả” theo quy trình và tiêu chí chất lượng dịch vụ đã quy định.

2.4. Chi phí gián tiếp

Là các chi phí gián tiếp, được quy định theo tỷ lệ phần trăm (%) của tổng các hao phí về lao động, máy móc, thiết bị và vật tư trong quá trình triển khai thực hiện hoàn thành một sản phẩm dịch vụ “Tổ chức thông tin, tuyên truyền trên báo giấy, báo điện tử, truyền thanh, truyền hình, ấn phẩm, tờ rơi, tờ gấp và các hình thức phổ biến thông tin khác về hoạt động điện lực, sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả”; bao gồm chi phí lao động, máy móc, thiết bị, vật tư gián tiếp (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ) và chi phí gián tiếp khác (nếu có).

Khi xây dựng đơn giá, chi phí gián tiếp được tính bằng tỷ lệ % nhân với tổng chi phí lao động, máy móc, thiết bị và vật tư theo quy định tại bảng định mức.

3. Áp dụng định mức

3.1. Định mức kinh tế - kỹ thuật công tác “Tổ chức thông tin, tuyên truyền trên báo giấy, báo điện tử, truyền thanh, truyền hình, ấn phẩm, tờ rơi, tờ gấp và các hình thức phổ biến thông tin khác về hoạt động điện lực, sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả” bao gồm các hao phí lao động, máy móc, thiết bị, vật tư và chi phí gián tiếp của đơn vị thực hiện tổ chức thông tin, tuyên truyền được áp dụng đối với quy mô 01 kế hoạch/01 nhiệm vụ tổ chức thông tin, tuyên truyền như sau:

a) Định mức tính bình quân 35 tin/bài sản xuất mới cho 01 kế hoạch trên báo in, báo điện tử; Trường hợp kế hoạch tăng (giảm) 01 tin/bài thì định mức nhân công và máy tính tăng (giảm) với hệ số $k = 0,01$ lần cho mỗi 01 tin/bài.

Tin tương đương với tin sâu (từ 200÷500 từ), bài tương đương bài phản ánh, bài nghiên cứu (từ 700÷1000 từ) theo các quy định tại Luật Báo chí và các văn bản hướng dẫn.

b) Định mức tính công tác tổ chức thông tin tuyên truyền trên truyền thanh/truyền hình cho 01 kế hoạch tuyên truyền tương đương thời lượng phát sóng 300 phút (hoặc quy đổi tương đương, ví dụ: 10 video sản xuất mới thời lượng 30 phút hoặc 30 video sản xuất mới thời lượng 10 phút). Trường hợp thời lượng phát sóng nhiều hơn hoặc ít hơn thì định mức nhân công và máy tính tăng (giảm) với hệ số $k=0,02$ lần cho mỗi 10 phút thời lượng.

c) Định mức tính công tác tổ chức thông tin tuyên truyền bằng xuất bản phẩm (tờ rơi, tờ gấp, sách, sổ tay, cẩm nang, kỷ yếu) cho 01 kế hoạch tuyên truyền tính cho 20 địa điểm cần bàn giao xuất bản phẩm tuyên truyền. Trường hợp địa điểm

bàn giao nhiều hơn hoặc ít hơn thì hao phí nhân công chuyên viên loại A1 bậc 3/9 được cộng hoặc trừ đi 0,5 công và hao phí Ô tô chở hàng <0,5 tấn được cộng hoặc trừ đi 0,5 ca cho mỗi 01 điểm bàn giao.

Xuất bản phẩm là tờ rơi, tờ gấp: 01 tờ A4 in 2 mặt 4 màu rõ nét, theo các quy định tại Luật Báo chí, Luật xuất bản và các văn bản hướng dẫn.

Xuất bản phẩm dạng sách, sổ tay, kỷ yếu: Sách khổ A5 (từ 40÷100 trang, kích thước 15cmx22cm), in 4 màu rõ nét, theo các quy định tại Luật Báo chí, Luật xuất bản và các văn bản hướng dẫn.

d) Định mức tổ chức thông tin, tuyên truyền bằng hình thức phát video tuyên truyền tại địa điểm công cộng (phát trên fanpage website, lễ khai mạc hội trợ và các nền tảng Internet khác) thì áp dụng như định mức tổ chức thông tin, tuyên truyền trên truyền thanh/truyền hình.

e) Sản phẩm, tác phẩm báo chí, xuất bản phẩm đáp ứng các Quy định về báo chí, xuất bản, in, phát hành, phát thanh, truyền hình, thông tin điện tử của cơ quan có thẩm quyền.

3.2. Định mức chưa bao gồm các hao phí, chi phí của: thành viên thẩm định, thành viên hội đồng kiểm tra, giám sát của cấp có thẩm quyền (nếu có); chi phí tiền thưởng theo quy định của cấp có thẩm quyền; cán bộ tham gia của đơn vị/doanh nghiệp được hỗ trợ; chi phí thuê ngoài như: thuê tư vấn đấu thầu, thuê đơn vị/cơ quan báo chí xây dựng bản thảo, nhuận bút, dịch, biên tập, thiết kế, chế bản, in ấn, phát sóng, đăng tải và các nội dung khác (nếu có)

3.3. Khi xây dựng đơn giá (phương án giá), các chi phí quy định tại mục 3.2, khoản 3, phần I của phụ lục này sẽ được xác định theo khối lượng được cấp có thẩm quyền phê duyệt, quy định của cấp có thẩm quyền về chế độ tiền thưởng, quy định của Luật đấu thầu và các quy định có liên quan về mua sắm dịch vụ/hàng hóa, quy định về công tác phí, quy định về hội nghị hội thảo và các quy định hiện hành khác có liên quan.

II. QUY TRÌNH VÀ TIÊU CHÍ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ

1. Quy trình thực hiện dịch vụ

Dịch vụ “Tổ chức thông tin, tuyên truyền trên báo giấy, báo điện tử, truyền thanh, truyền hình, ấn phẩm, tờ rơi, tờ gấp và các hình thức phổ biến thông tin khác về hoạt động điện lực, sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả” thực hiện theo quy trình sau:

TT	Quy trình thực hiện dịch vụ
Bước 1	Tiếp nhận yêu cầu thực hiện kế hoạch/nhiệm vụ thông tin, tuyên truyền về hoạt động điện lực, sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; phân công cho các thành viên thực hiện nhiệm vụ.
Bước 2	Xây dựng kế hoạch tổ chức thông tin, tuyên truyền về hoạt động điện lực, sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả
Bước 3	Phê duyệt kế hoạch tổ chức thông tin, tuyên truyền về hoạt động điện lực, sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả
Bước 4	Xây dựng dự toán chi phí tổ chức thông tin, tuyên truyền về hoạt động điện lực, sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả (nếu có)
Bước 5	Phê duyệt dự toán chi phí tổ chức thông tin, tuyên truyền về hoạt động điện lực, sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả (nếu có)
Bước 6	Tổ chức lựa chọn đơn vị cung cấp dịch vụ tuyên truyền
Bước 7	Ký hợp đồng với đơn vị thực hiện thông tin, tuyên truyền
Bước 8	Hỗ trợ, Cung cấp thông tin cho đơn vị cung cấp dịch vụ tuyên truyền
8.1	Liên hệ đơn vị cung cấp dịch vụ, cung cấp tài liệu, hình ảnh, đầu mối, (đối với ấn phẩm thì cung cấp thông tin, hình ảnh, tổng hợp nội dung, yêu cầu thiết kế sách/kỷ yếu/sổ tay... tuyên truyền (từ 40÷100 trang), tờ rời tờ gấp thì cung cấp thông tin hình ảnh nội dung, yêu cầu thiết kế của 2 trang A4)
8.2	Dẫn, giới thiệu đơn vị cung cấp dịch vụ tuyên truyền đến địa điểm cần tuyên truyền để viết bài, quay phim, ghi hình, phỏng vấn và các nội dung khác (nếu có)
Bước 9	Tiếp nhận, kiểm tra sản phẩm tuyên truyền do đơn vị cung cấp dịch vụ tuyên truyền gửi đến
Bước 10	Duyệt nội dung sản phẩm tuyên truyền do đơn vị cung cấp dịch vụ tuyên truyền gửi đến
Bước 11	Theo dõi việc thực hiện tuyên truyền
Bước 12	Tiếp nhận sản phẩm tuyên truyền
12.1	Đối với sản phẩm là tin/bài/video: Lưu trữ trên đĩa CD/USB, đăng tải lên trang website hoặc các nền tảng Internet khác (tin, bài lưu bản giấy, đường link)
12.2	Đối với ấn phẩm là Tờ rời, tờ gấp, sách, sổ tay: nhận bàn giao sản phẩm in ấn, kiểm đếm, lập biên bản nghiệm thu; Lập và duyệt danh sách đối tượng tuyên truyền.

TT	Quy trình thực hiện dịch vụ
12.3	Bàn giao cho bộ phận thực hiện tuyên truyền hoặc đơn vị đối tác và đơn vị liên quan để phối hợp tuyên truyền
Bước 13	Thanh quyết toán
13.1	Nghiệm thu khối lượng sản phẩm với đơn vị cung cấp dịch vụ tuyên truyền
13.2	Tổng hợp hồ sơ, chứng từ liên quan
13.3	Bàn giao hồ sơ, chứng từ cho bộ phận kế toán
13.4	Lưu hồ sơ

2. Tiêu chí chất lượng dịch vụ

Dịch vụ “Tổ chức thông tin, tuyên truyền trên báo giấy, báo điện tử, truyền thanh, truyền hình, ấn phẩm, tờ rơi, tờ gấp và các hình thức phổ biến thông tin khác về hoạt động điện lực, sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả” bao gồm các tiêu chí chất lượng sau:

TT	TÊN TIÊU CHÍ	YÊU CẦU ĐÁP ỨNG	PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA
1	Tiêu chí đối với chức năng, nhiệm vụ của đơn vị cung cấp dịch vụ	Có đăng ký kinh doanh/Quyết định/ Giấy phép hành nghề về lĩnh vực điện lực, tiết kiệm năng lượng, hiệu quả theo quy định.	Đối chiếu đăng ký kinh doanh/ Quyết định/ Giấy phép hành nghề của đơn vị
		Có kinh nghiệm hoạt động trong lĩnh vực tổ chức thông tin, tuyên truyền trên báo giấy, báo điện tử, truyền thanh, truyền hình, ấn phẩm, tờ rơi, tờ gấp và các hình thức phổ biến thông tin khác về hoạt động điện lực, sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.	Đối chiếu các nhiệm vụ/hợp đồng/dự án đơn vị đã thực hiện có tính chất tương tự
2	Tiêu chí về kế hoạch thông tin tuyên truyền	Nội dung kế hoạch phù hợp với chương trình, kế hoạch về lĩnh vực điện lực, sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả đã được phê duyệt.	Đối chiếu nội dung thông tin, tuyên truyền trong chương trình, kế hoạch đã được phê duyệt.

TT	TÊN TIÊU CHÍ	YÊU CẦU ĐÁP ỨNG	PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA
		Nội dung kế hoạch hàng năm có tính khả thi, được cấp có thẩm quyền phê duyệt	Đối chiếu nội dung thông tin tuyên truyền trong kế hoạch đã được phê duyệt
3	Tiêu chí về nội dung thông tin, tuyên truyền	Phù hợp với nội dung thông tin, tuyên truyền trong các chương trình, kế hoạch về lĩnh vực điện lực, sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả đã được phê duyệt.	Đối chiếu với nội dung thông tin, tuyên truyền trong kế hoạch đã được phê duyệt.
		Phù hợp với đối tượng thông tin, tuyên truyền	Đối chiếu với nội dung thông tin, tuyên truyền đã được phê duyệt.
4	Tiêu chí về hình thức thông tin, tuyên truyền	Phù hợp với yêu cầu thông tin tuyên truyền được duyệt, gồm một hoặc nhiều hình thức: + Thông qua các cơ quan báo chí: báo giấy, báo điện tử, đài truyền hình, đài phát thanh; + Thông qua các ấn phẩm: sách, sổ tay, cẩm nang, bộ tài liệu, tờ rơi, tờ gấp; + Thông qua địa điểm công cộng (phát trên fanpage, website, các sự kiện và các nền tảng Internet khác).	Đối chiếu với nội dung thông tin, tuyên truyền đã được phê duyệt.
5	Tiêu chí về sản phẩm thông tin, tuyên truyền	Số lượng sản phẩm phải đáp ứng yêu cầu thông tin, tuyên truyền đã được phê duyệt.	Đối chiếu yêu cầu của nội dung thông tin, tuyên truyền đã được phê duyệt.
		Sản phẩm phải có xác nhận về việc đã thực hiện thông tin tuyên truyền: + Đối với sản phẩm được đăng trên báo giấy, báo điện tử: có bài đăng của các cơ quan báo chí;	- Đối chiếu yêu cầu của nội dung, đối tượng thông tin, tuyên truyền đã được phê duyệt.

TT	TÊN TIÊU CHÍ	YÊU CẦU ĐÁP ỨNG	PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA
		+ Đối với sản phẩm phát thanh, phát trên truyền hình: sản phẩm phải có xác nhận của cơ quan phát thanh, truyền hình; + Tờ rơi, tờ gấp, sách, sổ tay: được phê duyệt bởi cấp có thẩm quyền và có hồ sơ bàn giao sản phẩm tuyên truyền	- Kiểm tra tình trạng xác nhận về việc đã thực hiện thông tin tuyên truyền.

III. ĐỊNH MỨC KINH TẾ -KỸ THUẬT

Định mức kinh tế - kỹ thuật thực hiện dịch vụ “Tổ chức thông tin, tuyên truyền trên báo giấy, báo điện tử, truyền thanh, truyền hình, ấn phẩm, tờ rơi, tờ gấp và các hình thức phổ biến thông tin khác về hoạt động điện lực, sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả” như sau:

3.1. Trường hợp tổ chức thông tin, tuyên truyền trên báo giấy, báo điện tử

Đơn vị tính: 01 kế hoạch tuyên truyền trên báo giấy (báo in), báo điện tử

Mã hiệu	Thành phần hao phí	Đơn vị tính	Trị số định mức
01.01			
1	Định mức lao động		
	Chuyên viên loại A2.1 bậc 2/8	Công	6,563
	Chuyên viên loại A1 bậc 5/9	Công	20,563
	Chuyên viên loại A1 bậc 3/9	Công	51,760
2	Định mức máy móc, thiết bị		
	Máy tính để bàn	Ca	58,417
	Máy tính xách tay	Ca	10,000
	Máy in A4 đen trắng	Ca	0,057
	Máy điện thoại di động	Ca	0,625
	Máy chiếu	Ca	9,250
3	Định mức vật tư		

Mã hiệu	Thành phần hao phí	Đơn vị tính	Trị số định mức
	Giấy in A4	Ram	1,766
	Mực in A4 đen	hộp	0,20
	Mực in A4 màu	hộp	
	Đĩa CD	cái	-
4	Chi phí gián tiếp	%	18%

3.2. Trường hợp tổ chức thông tin, tuyên truyền trên truyền thanh, truyền hình

Đơn vị tính: 01 kế hoạch tuyên truyền trên truyền thanh, truyền hình

Mã hiệu	Thành phần hao phí	Đơn vị tính	Trị số định mức
01.02	1. Định mức trực tiếp		
	1.1 Định mức lao động		
	Chuyên viên loại A2.1 bậc 2/8	Công	5,938
	Chuyên viên loại A1 bậc 5/9	Công	20,313
	Chuyên viên loại A1 bậc 3/9	Công	65,406
	1.2 Định mức máy móc, thiết bị		
	Máy tính để bàn	Ca	55,188
	Máy tính xách tay	Ca	10,000
	Máy in A4 đen trắng	Ca	0,057
	Máy điện thoại di động	Ca	15,625
	Máy chiếu	Ca	8,000
	Máy ảnh	Ca	15,000
	Ô tô 4 chỗ	Ca	15,000
	1.3 Định mức vật tư		
	Giấy in A4	Ram	1,766
	Mực in A4 đen	hộp	0,20
	Mực in A4 màu	hộp	
	Đĩa CD	cái	1,00
	2. Định mức chi phí gián tiếp	%	18%

3.3. Trường hợp tổ chức thông tin, tuyên truyền trên ấn phẩm dạng sách

Đơn vị tính: 01 ấn phẩm dạng sách (tập san, kỷ yếu, cẩm nang, sổ tay...)

Mã hiệu	Thành phần hao phí	Đơn vị tính	Trị số định mức
01.03			
1	Định mức lao động		
	Chuyên viên loại A2.1 bậc 2/8	Công	2,688
	Chuyên viên loại A1 bậc 5/9	Công	18,813
	Chuyên viên loại A1 bậc 3/9	Công	77,531
2	Định mức máy móc, thiết bị		
	Máy tính để bàn	Ca	67,583
	Máy tính xách tay	Ca	10,000
	Máy in A4 đen trắng	Ca	0,064
	Máy in A4 màu	Ca	0,005
	Máy điện thoại di động	Ca	0,625
	Máy chiếu	Ca	6,500
	Ô tô chở hàng <0,5 tấn	Ca	10,000
3	Định mức vật tư		
	Giấy in A4	Ram	1,966
	Mực in A4 đen	hộp	0,22
	Mực in A4 màu	hộp	0,018
	Đĩa CD	cái	
4	Chi phí gián tiếp	%	18%

3.4. Trường hợp tổ chức thông tin, tuyên truyền trên ấn phẩm dạng tờ rơi, tờ gấp

Đơn vị tính: 01 ấn phẩm dạng là tờ rơi, tờ gấp, catalog (tính 1 tờ A4)

Mã hiệu	Thành phần hao phí	Đơn vị tính	Trị số định mức
01.04			
1	Định mức lao động		
	Chuyên viên loại A2.1 bậc 2/8	Công	1,938
	Chuyên viên loại A1 bậc 5/9	Công	9,688
	Chuyên viên loại A1 bậc 3/9	Công	38,781
2	Định mức máy móc, thiết bị		
	Máy tính để bàn	Ca	26,458
	Máy tính xách tay	Ca	5,000
	Máy in A4 đen trắng	Ca	0,062
	Máy in A4 màu	Ca	0,001
	Máy điện thoại di động	Ca	0,625
	Máy chiếu	Ca	0,375
	Ô tô chở hàng <0,5 tấn	Ca	10,000
3	Định mức vật tư		
	Giấy in A4	Ram	1,894
	Mực in A4 đen	hộp	0,21
	Mực in A4 màu	hộp	0,002
	Đĩa CD	cái	
4	Định mức chi phí gián tiếp	%	18%

PHỤ LỤC SỐ 02**ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT**

Tên dịch vụ: Tổ chức đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, hội nghị, hội thảo có trưng bày giới thiệu trang thiết bị công nghệ tiết kiệm năng lượng cho các cơ sở sử dụng năng lượng: sản xuất công nghiệp, công trình xây dựng, hộ gia đình.

(Ban hành kèm theo Quyết định số 42/2025/QĐ-UBND ngày 15 tháng 7 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội)

Hà Nội, 2025

MỤC LỤC

Trang

I. QUY ĐỊNH CHUNG

1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng
2. Nội dung định mức kinh tế - kỹ thuật
3. Áp dụng định mức

II. QUY TRÌNH VÀ TIÊU CHÍ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ

1. Quy trình thực hiện dịch vụ
2. Tiêu chí chất lượng dịch vụ

III. ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

I. QUY ĐỊNH CHUNG

1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1.1. Phạm vi điều chỉnh:

Định mức kinh tế - kỹ thuật ban hành quy định quy trình, tiêu chí chất lượng dịch vụ, định mức kinh tế - kỹ thuật với các thành phần cơ bản: định mức lao động, định mức vật tư, định mức máy móc, thiết bị và các chi phí gián tiếp để hoàn thành một dịch vụ “Tổ chức đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, hội nghị, hội thảo có trưng bày giới thiệu trang thiết bị công nghệ tiết kiệm năng lượng cho các cơ sở sử dụng năng lượng: sản xuất công nghiệp, công trình xây dựng, hộ gia đình” của các đơn vị cung ứng dịch vụ.

1.2. Đối tượng áp dụng:

a) Đối tượng áp dụng định mức kinh tế - kỹ thuật:

Các cơ quan, tổ chức, đơn vị có chức năng phục vụ quản lý nhà nước lĩnh vực công thương và cung cấp dịch vụ sự nghiệp công trong lĩnh vực công thương được giao theo quy định của pháp luật.

Các cơ quan, tổ chức khác có liên quan đến tổ chức thực hiện dịch vụ sự nghiệp công lĩnh vực công thương thành phố Hà Nội sử dụng ngân sách nhà nước.

b) Khuyến khích cơ quan, tổ chức không sử dụng ngân sách nhà nước áp dụng định mức kinh tế - kỹ thuật này.

2. Nội dung định mức kinh tế - kỹ thuật

Định mức kinh tế - kỹ thuật được xây dựng trên cơ sở quy trình và tiêu chí chất lượng dịch vụ đã quy định. Nội dung định mức kinh tế - kỹ thuật bao gồm các hao phí về lao động, máy móc, thiết bị, vật tư và chi phí gián tiếp để hoàn thành việc thực hiện một dịch vụ “Tổ chức đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, hội nghị, hội thảo có trưng bày giới thiệu trang thiết bị công nghệ tiết kiệm năng lượng cho các cơ sở sử dụng năng lượng: sản xuất công nghiệp, công trình xây dựng, hộ gia đình”.

2.1. Định mức lao động

Định mức lao động là mức hao phí cần thiết tính bằng ngày công của các loại lao động trực tiếp (thực hiện) phù hợp yêu cầu, để hoàn thành một dịch vụ “Tổ chức đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, hội nghị, hội thảo có trưng bày giới thiệu trang thiết bị công nghệ tiết kiệm năng lượng cho các cơ sở sử dụng năng lượng: sản xuất công nghiệp, công trình xây dựng, hộ gia đình.” theo quy trình và tiêu chí chất lượng dịch vụ đã quy định.

Mỗi công lao động tương ứng với 8 giờ làm việc; loại lao động yêu cầu được xếp ngạch trong bảng lương ban hành kèm theo Nghị định 204/2004/NĐ-CP ngày 24/12/2004 của Chính phủ và các quy định hiện hành khi có sự thay đổi về chính sách tiền lương thay thế Nghị định 204/2004/NĐ-CP của các cơ quan có thẩm quyền.

Trường hợp đơn vị, tổ chức thực hiện dịch vụ sự nghiệp công không có các chức danh lao động như trong bảng định mức thì có thể áp dụng lao động khác đảm bảo yêu cầu về trình độ lao động và kinh nghiệm của lao động tương đương với bậc lao động quy định trong bảng định mức.

2.2. Định mức máy móc, thiết bị

a) Định mức máy móc, thiết bị là mức hao phí cần thiết trực tiếp của các loại máy móc, thiết bị phù hợp yêu cầu để hoàn thành một sản phẩm dịch vụ “Tổ chức đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, hội nghị, hội thảo có trưng bày giới thiệu trang thiết bị công nghệ tiết kiệm năng lượng cho các cơ sở sử dụng năng lượng: sản xuất công nghiệp, công trình xây dựng, hộ gia đình.” theo quy trình và tiêu chí chất lượng dịch vụ đã quy định; Mức hao phí máy móc, thiết bị tính bằng ca máy, mỗi ca tương ứng với 8 giờ.

b) Khi xây dựng đơn giá: Giá ca máy móc, thiết bị được tính theo giá công bố của đơn vị có thẩm quyền tại thời điểm tính giá hoặc tính như sau:

Giá ca máy móc, thiết bị có sử dụng điện năng (hoặc nhiên liệu khác) được tính bao gồm chi phí khấu hao máy, chi phí điện năng (hoặc nhiên liệu khác) sử dụng máy tương ứng với công suất tiêu thụ của máy móc thiết bị.

Giá ca máy ô tô được tính theo giá thị trường tại thời điểm tính giá và phù hợp với quy định của pháp luật về dịch vụ thuê, mua ngoài.

2.3. Định mức vật tư

Định mức vật tư là mức hao phí cần thiết của nguyên liệu, vật liệu trực tiếp (bao gồm nguyên liệu, vật liệu, nhiên liệu, động lực, công cụ, dụng cụ tiêu hao và hao hụt), tính bằng số lượng và chủng loại các loại vật tư phù hợp yêu cầu để hoàn thành một sản phẩm dịch vụ “Tổ chức đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, hội nghị, hội thảo có trưng bày giới thiệu trang thiết bị công nghệ tiết kiệm năng lượng cho các cơ sở sử dụng năng lượng: sản xuất công nghiệp, công trình xây dựng, hộ gia đình” theo tiêu chí chất lượng và quy trình thực hiện dịch vụ đã quy định.

2.4. Chi phí gián tiếp

Là các chi phí gián tiếp, được quy định theo tỷ lệ phần trăm (%) của tổng các hao phí về lao động, máy móc, thiết bị và vật tư trong quá trình triển khai thực hiện hoàn thành một sản phẩm dịch vụ “Tổ chức đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, hội nghị, hội thảo có trưng bày giới thiệu trang thiết bị công nghệ tiết kiệm năng lượng cho các cơ sở sử dụng năng lượng: sản xuất công nghiệp, công trình xây dựng, hộ gia đình” bao gồm chi phí lao động, máy móc, thiết bị, vật tư gián tiếp (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ) và chi phí gián tiếp khác (nếu có).

Khi xây dựng đơn giá, chi phí gián tiếp được tính bằng tỷ lệ % nhân với tổng chi phí lao động, máy móc, thiết bị và vật tư theo quy định tại bảng định mức.

3. Áp dụng định mức

3.1. Dịch vụ “Tổ chức đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả cho các cơ sở sử dụng năng lượng.

a) Định mức kinh tế - kỹ thuật công tác tổ chức đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả cho các cơ sở sử dụng năng lượng bao gồm các hao phí lao động, máy móc, thiết bị, vật tư và chi phí gián tiếp của đơn vị thực hiện tổ chức lớp đào tạo, tập huấn được áp dụng đối với quy mô 01 chương trình đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả cho các cơ sở sử dụng năng lượng. Tiêu chuẩn tính định mức là 02 ngày (mỗi ngày gồm 02 buổi) với quy mô $100 \div 250$ học viên tham gia.

b) Trường hợp tăng/giảm 01 buổi đào tạo, tập huấn, thì định mức lao động và định mức Máy tính xách tay được cộng/trừ với hệ số tăng/giảm là 01 công/ca.

3.2. Dịch vụ “Tổ chức hội nghị, hội thảo nâng cao năng lực về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả cho các cơ sở sử dụng năng lượng”.

a) Định mức kinh tế - kỹ thuật công tác tổ chức hội nghị, hội thảo về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả cho các cơ sở sử dụng năng lượng bao gồm các hao phí lao động, máy móc, thiết bị, vật tư và chi phí gián tiếp của đơn vị thực hiện tổ chức hội nghị, hội thảo được áp dụng đối với quy mô 01 chương trình hội nghị, hội thảo. Tiêu chuẩn tính định mức là 01 ngày (gồm 02 buổi) với quy mô là $100 \div 250$ khách mời tham gia.

b) Trường hợp tăng/giảm 01 buổi hội nghị, hội thảo, định mức lao động và định mức Máy tính xách tay được cộng/trừ với hệ số tăng/giảm là 01 công/ca.

3.3. Dịch vụ “Tổ chức hội nghị, hội thảo, diễn đàn có trưng bày giới thiệu trang thiết bị công nghệ tiết kiệm năng lượng cho các cơ sở sử dụng năng lượng”.

3.3.1. Định mức kinh tế - kỹ thuật công tác tổ chức hội nghị, hội thảo có trưng bày giới thiệu trang thiết bị công nghệ tiết kiệm năng lượng cho các cơ sở sử dụng năng lượng bao gồm các hao phí lao động, máy móc, thiết bị, vật tư và chi phí gián tiếp của đơn vị thực hiện tổ chức hội nghị, hội thảo, diễn đàn được áp dụng đối với quy mô 01 chương trình hội nghị, hội thảo, diễn đàn. Tiêu chuẩn tính định mức là 01 ngày (tương đương với 02 buổi) với quy mô là 100÷250 khách mời tham gia.

Trường hợp tăng/giảm 01 buổi hội nghị, hội thảo, diễn đàn định mức lao động và định mức Máy tính xách tay được cộng/trừ với hệ số tăng/giảm là 02 công/ca.

3.3.2. Định mức kinh tế - kỹ thuật công tác tổ chức nội dung khu gian hàng trưng bày giới thiệu sản phẩm bao gồm các hao phí lao động, máy móc, thiết bị, vật tư và chi phí gián tiếp của đơn vị thực hiện tổ chức khu gian hàng được áp dụng đối với quy mô 01 chương trình hội nghị, hội thảo, diễn đàn; tiêu chuẩn tính định mức là 20 gian hàng tiêu chuẩn: diện tích 9m² (3m x 3m), cao 2,5m.

a) Trường hợp kích thước gian hàng thực tế khác kích thước gian hàng tiêu chuẩn thì số lượng gian hàng được xác định bằng cách quy đổi tương đương về gian hàng tiêu chuẩn có diện tích 9m².

Ví dụ: Khu trưng bày có diện tích 90m² sẽ tương đương 10 gian hàng tiêu chuẩn.

b) Trường hợp tăng 05 gian hàng, định mức (vật tư, nhân công, máy móc, thiết bị sử dụng) được nhân với hệ số tăng là 1,05.

c) Trường hợp giảm 05 gian hàng, định mức (vật tư, nhân công, máy móc, thiết bị sử dụng) được nhân với hệ số giảm là 0,95.

d) Trường hợp số gian hàng tăng/giảm với bước nhảy khác 5, định mức (Vật tư, nhân công, máy móc, thiết bị sử dụng) được nhân với hệ số tăng/giảm theo công thức nội suy 2 chiều sau:

$$A = a_1 + (a_2 - a_1) \times (B - b_1) : (b_2 - b_1)$$

Trong đó:

A: Hệ số các thành phần hao phí (vật tư, nhân công, máy móc, thiết bị sử dụng) tương ứng với số gian hàng B.

B: Số gian hàng cần xác định hệ số.

b₁: Số gian hàng tại cận dưới liền kề với gian hàng B.

b_2 : Số gian hàng tại cận trên liền kề với gian hàng B.

a_1 : Định mức các thành phần hao phí tại cận dưới b_1 .

a_2 : Định mức các thành phần hao phí tại cận trên b_2 .

e) Trường hợp tổ chức khu gian hàng tại các tỉnh thành phố không thuộc Hà Nội, định mức xe ô tô 07 chỗ sẽ được cộng thêm hệ số, cụ thể:

Các tỉnh thành phố miền Bắc: Định mức xe ô tô 07 chỗ sẽ được cộng thêm hệ số tăng là 2 ca;

Các tỉnh thành phố miền Trung: Định mức xe ô tô 07 chỗ sẽ được cộng thêm hệ số tăng là 4 ca;

Các tỉnh thành phố miền Nam: Định mức xe ô tô 07 chỗ sẽ được cộng thêm hệ số tăng là 8 ca.

3.4. Định mức chưa bao gồm hao phí, chi phí sau:

a) Chi phí gian hàng tiêu chuẩn làm cơ sở xây dựng đơn giá với các hạng mục cơ bản của 01 gian hàng như sau: diện tích là $9m^2$ ($3m \times 3m$), cao 2,5m; Khung gian hàng hợp kim nhôm; 02 đèn chiếu sáng led 60W; 01 ổ điện; Biển gian hàng khung sắt hộp in bạt hiflex; 01 bàn (gồm khăn trải bàn) và 02 ghế có váy quây; 01 sọt đựng rác; Hệ thống điều hòa làm mát (nếu có); Thảm trải sàn; Vách ngăn cadivi khung nhôm; Chi phí điện, nước, vệ sinh, an ninh, PCCC, vận chuyển lắp đặt tháo dỡ.

b) Chi phí trang trí làm cơ sở xây dựng đơn giá gồm các hạng mục cơ bản như sau: Thuê hội trường, dàn dựng, trang trí hội trường (Sân khấu, Bục phát biểu; biển chỉ dẫn, biển tên đại biểu, hoa tươi); hệ thống khung không gian treo thiết bị âm thanh, ánh sáng; thiết bị họp trực tuyến (nếu có); hệ thống dịch (nếu có); giải khát giữa giờ; tài liệu đại biểu; giấy mời và phong bì gửi kèm; in ấn $300 m^2$ pano, phướn, băng rôn; 20 standy; 01 cổng; 01 khu vực đăng ký; 01 khu vực checkin; $500 m^2$ thảm trải sàn; 10 chậu cây cảnh trang trí; các tiểu cảnh trang trí (nếu có); hệ thống bục kệ: 10 chiếc; 01 khu đón tiếp đại biểu VIP; Bàn, ghế phục vụ khách VIP (nếu có); 01 khu vực hội nghị, hội thảo, diễn đàn (sân khấu, âm thanh, ánh sáng, màn hình LED, khu vực đại biểu và khách mời, chương trình sự kiện); 01 khu trưng bày các sản phẩm tiêu biểu (nếu có); 01 khu vực giao thương (nếu có).

c) Chi phí tuyên truyền, quảng bá làm cơ sở xây dựng đơn giá gồm các hạng mục cơ bản như sau: 15 tin tuyên truyền trên báo điện tử, trang thông tin điện tử; 10 lượt tuyên truyền trên truyền thanh, truyền hình; in ấn 200 bộ form mời, 500 tờ

roi thông tin chương trình; xây dựng 02 TVC quảng bá các hoạt động của chương trình đăng trên fanpage, website chương trình; 01 phóng sự có thời lượng 10 phút về chương trình.

d) Các chi phí hợp lý, hợp lệ khác làm cơ sở xây dựng đơn giá gồm: thành viên thẩm định, thành viên hội đồng kiểm tra, giám sát của cấp có thẩm quyền (nếu có); chi phí tiền thưởng theo quy định của cấp có thẩm quyền; cán bộ tham gia của đơn vị/doanh nghiệp được nhận hỗ trợ; chi phí thuê, mua ngoài như: tư vấn thiết kế, mặt bằng, tiêu hủy vật tư và các chi phí khác (nếu có).

3.5. Khi xây dựng đơn giá (phương án giá), các chi phí quy định tại điểm 3.4, khoản 3, phần I của phụ lục này sẽ được xác định theo khối lượng được cấp có thẩm quyền phê duyệt, quy định của cấp có thẩm quyền về chế độ tiền thưởng, quy định của Luật đấu thầu và các quy định có liên quan về mua sắm dịch vụ/hàng hóa, quy định về công tác phí, quy định về hội nghị hội thảo và các quy định hiện hành khác có liên quan.

II. QUY TRÌNH VÀ TIÊU CHÍ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ

1. Quy trình thực hiện dịch vụ

Dịch vụ “Tổ chức đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, hội nghị, hội thảo có trưng bày giới thiệu trang thiết bị công nghệ tiết kiệm năng lượng cho các cơ sở sử dụng năng lượng: sản xuất công nghiệp, công trình xây dựng, hộ gia đình” thực hiện theo quy trình sau:

1.1. Dịch vụ “Tổ chức đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả cho các cơ sở sử dụng năng lượng”

STT	Quy trình thực hiện dịch vụ
Bước 1	Tiếp nhận yêu cầu tổ chức đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; phân công cho các thành viên thực hiện nhiệm vụ
Bước 2	Xây dựng kế hoạch, dự toán kinh phí (nếu có) tổ chức đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả
2.1	Phát hành văn bản gửi các đơn vị liên quan đăng ký nhu cầu
2.2	Tổng hợp nhu cầu các đơn vị tham gia đào tạo, tập huấn
2.3	Xây dựng kế hoạch, dự toán kinh phí (nếu có) tổ chức đào tạo, tập huấn
Bước 3	Phê duyệt kế hoạch, dự toán kinh phí (nếu có) tổ chức đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả

STT	Quy trình thực hiện dịch vụ
Bước 4	Tổ chức lựa chọn đơn vị cung cấp dịch vụ phục vụ đào tạo, tập huấn
Bước 5	Ký hợp đồng với đơn vị cung cấp dịch vụ đào tạo, tập huấn
Bước 6	Chuẩn bị tổ chức đào tạo, tập huấn
6.1	Thuê chuyên gia giảng dạy (nếu có)
6.1.1	<i>Liên hệ mời chuyên gia</i>
6.1.2	<i>Xây dựng hợp đồng thuê chuyên gia đào tạo, tập huấn</i>
6.1.3	<i>Ký kết hợp đồng thuê chuyên gia đào tạo, tập huấn</i>
6.1.4	<i>Kiểm soát nội dung báo cáo trình bày của chuyên gia thuê ngoài</i>
6.2	Biên soạn và phê duyệt tài liệu chương trình đào tạo, tập huấn
6.3	Lập giấy mời và chương trình đào tạo, tập huấn kèm theo; Duyệt giấy mời
6.4	Lập và phê duyệt danh sách khách mời; Gửi giấy mời đến các đơn vị có liên quan
6.5	Xây dựng nội dung backdrop, bandroll, phướn, pano, standee; Giám sát công tác trang trí hội trường
6.6	Xây dựng bài phát biểu khai mạc và bế mạc lớp đào tạo, tập huấn
6.7	Kiểm tra công tác chuẩn bị và nhận bàn giao đối với đơn vị cung cấp dịch vụ
Bước 7	Tổ chức đào tạo, tập huấn
7.1	Đón tiếp học viên, giảng viên, khách mời
7.2	Tổ chức khai mạc
7.3	Thực hiện đào tạo, tập huấn theo chương trình
7.4	Giám sát công tác tháo dỡ, thu dọn hiện trường, bàn giao hội trường
Bước 8	Báo cáo kết quả thực hiện (nếu có)
Bước 9	Thanh quyết toán
9.1	Nghiệm thu khối lượng sản phẩm với đơn vị cung cấp dịch vụ
9.2	Tổng hợp hồ sơ, chứng từ liên quan
9.3	Bàn giao hồ sơ, chứng từ cho bộ phận kế toán
9.4	Lưu hồ sơ

1.2. Dịch vụ “Tổ chức hội nghị, hội thảo nâng cao năng lực về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả cho các cơ sở sử dụng năng lượng”

STT	Quy trình thực hiện dịch vụ
Bước 1	Tiếp nhận yêu cầu tổ chức hội nghị, hội thảo nâng cao năng lực về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; phân công cho các thành viên thực hiện nhiệm vụ.
Bước 2	Xây dựng kế hoạch, dự toán kinh phí (nếu có) tổ chức hội nghị, hội thảo nâng cao năng lực về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả
2.1	Phát hành văn bản gửi các đơn vị liên quan đăng ký nhu cầu
2.2	Tổng hợp nhu cầu các đơn vị tham gia hội nghị, hội thảo
2.3	Xây dựng kế hoạch, dự toán kinh phí (nếu có) tổ chức hội nghị, hội thảo
Bước 3	Phê duyệt kế hoạch, dự toán kinh phí (nếu có) tổ chức hội nghị, hội thảo nâng cao năng lực về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả
Bước 4	Tổ chức lựa chọn đơn vị cung cấp dịch vụ phục vụ hội nghị, hội thảo
Bước 5	Ký hợp đồng với đơn vị cung cấp dịch vụ hội nghị, hội thảo
Bước 6	Chuẩn bị tổ chức hội nghị, hội thảo
6.1	Thuê chuyên gia trình bày (nếu có)
6.1.1	<i>Liên hệ mời chuyên gia</i>
6.1.2	<i>Xây dựng hợp đồng thuê chuyên gia trình bày tại hội nghị, hội thảo</i>
6.1.3	<i>Ký kết hợp đồng thuê chuyên gia trình bày tại hội nghị, hội thảo</i>
6.1.4	<i>Kiểm soát nội dung báo cáo trình bày của chuyên gia thuê ngoài</i>
6.2	Biên soạn và phê duyệt tài liệu chương trình hội nghị, hội thảo
6.3	Lập giấy mời và chương trình hội nghị, hội thảo kèm theo; Duyệt giấy mời
6.4	Lập và phê duyệt danh sách khách mời; gửi giấy mời đến các đơn vị có liên quan
6.5	Xây dựng nội dung backdrop, băng rôn, phướn, pano, standee; Giám sát công tác trang trí hội trường.
6.6	Xây dựng bài phát biểu khai mạc và bế mạc lớp hội nghị, hội thảo
6.7	Kiểm tra công tác chuẩn bị và nhận bàn giao đối với đơn vị cung cấp dịch vụ
Bước 7	Tổ chức hội nghị, hội thảo

STT	Quy trình thực hiện dịch vụ
7.1	Đón tiếp đại biểu, chuyên gia, khách mời
7.2	Tổ chức khai mạc
7.3	Thực hiện tổ chức hội nghị, hội thảo theo chương trình
7.4	Giám sát công tác tháo dỡ, thu dọn hiện trường, bàn giao hội trường
Bước 8	Báo cáo kết quả thực hiện (nếu có)
Bước 9	Thanh quyết toán
9.1	Nghiệm thu khối lượng sản phẩm với đơn vị cung cấp dịch vụ
9.2	Tổng hợp hồ sơ, chứng từ liên quan
9.3	Bàn giao hồ sơ, chứng từ cho bộ phận kế toán
9.4	Lưu hồ sơ

1.3. Dịch vụ “Tổ chức hội nghị, hội thảo có trưng bày giới thiệu trang thiết bị công nghệ tiết kiệm năng lượng cho các cơ sở sử dụng năng lượng”

STT	Quy trình thực hiện dịch vụ
Bước 1	Tiếp nhận yêu cầu tổ chức hội nghị, hội thảo có trưng bày giới thiệu trang thiết bị công nghệ tiết kiệm năng lượng; phân công cho các thành viên thực hiện nhiệm vụ.
Bước 2	Xây dựng kế hoạch tổ chức hội nghị, hội thảo có trưng bày giới thiệu trang thiết bị công nghệ tiết kiệm năng lượng
2.1	Phát hành văn bản gửi các đơn vị liên quan đăng ký nhu cầu
2.2	Tổng hợp nhu cầu các đơn vị tham gia chương trình
2.3	Xây dựng kế hoạch tổ chức chương trình
Bước 3	Phê duyệt kế hoạch tổ chức hội nghị, hội thảo có trưng bày giới thiệu trang thiết bị công nghệ tiết kiệm năng lượng
Bước 4	Làm việc với các đơn vị liên quan về: Mặt bằng, điện, nước, an ninh trật tự, bảo hiểm, vệ sinh, internet, dịch vụ chung, PCCC và các nội dung khác (nếu có)
Bước 5	Xây dựng dự toán chi phí thiết kế và dự toán các hạng mục của chương trình (nếu có)
Bước 6	Phê duyệt dự toán chi phí thiết kế và dự toán các hạng mục của chương trình (nếu có)
Bước 7	Lựa chọn, duyệt đơn vị tư vấn thiết kế (nếu có)

STT	Quy trình thực hiện dịch vụ
Bước 8	Chỉ đạo, giám sát, phê duyệt thiết kế các hạng mục của chương trình
8.1	Khảo sát mặt bằng, thiết kế (tổng thể, chi tiết) các hạng mục của chương trình
8.2	Phê duyệt thiết kế (tổng thể, chi tiết)
Bước 9	Nghiệm thu, thanh toán với đơn vị tư vấn thiết kế (nếu có)
Bước 10	Trình, duyệt dự toán tổng thể tổ chức chương trình (nếu có)
Bước 11	Tổ chức lựa chọn đơn vị cung cấp dịch vụ tổ chức chương trình
Bước 12	Ký hợp đồng với đơn vị cung cấp dịch vụ tổ chức chương trình
Bước 13	Quảng bá, tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng
13.1	Tổ chức lựa chọn đơn vị quảng bá, tuyên truyền (nếu có)
13.2	Ký hợp đồng với đơn vị quảng bá, tuyên truyền (nếu có)
13.3	Phối hợp, cung cấp thông tin, nội dung quảng bá tuyên truyền
13.4	Duyệt nội dung quảng bá, tuyên truyền
13.5	Theo dõi công tác quảng bá, tuyên truyền
Bước 14	Chuẩn bị nội dung tổ chức chương trình
14.1	Thuê chuyên gia trình bày tại chương trình (nếu có)
14.1.1	<i>Liên hệ mời chuyên gia</i>
14.1.2	<i>Xây dựng hợp đồng thuê chuyên gia</i>
14.1.3	<i>Ký kết hợp đồng thuê chuyên gia</i>
14.1.4	<i>Kiểm soát nội dung báo cáo trình bày của chuyên gia</i>
14.2	Biên soạn và phê duyệt tài liệu của chương trình
14.3	Lập giấy mời và chương trình hội nghị, hội thảo kèm theo; Duyệt giấy mời
14.4	Lập và duyệt danh sách khách mời; gửi giấy mời đến các đơn vị có liên quan
14.5	Mời, xác nhận các đơn vị tham gia trưng bày giới thiệu sản phẩm
14.5.1	<i>Xây dựng công văn/thư mời/phom mẫu, gửi cho các đơn vị đăng ký tham gia</i>
14.5.2	<i>Tổng hợp danh sách các đơn vị đăng ký tham gia</i>
14.5.3	<i>Duyệt danh sách các đơn vị tham gia</i>
14.5.4	<i>Rà soát, hướng dẫn các đơn vị được duyệt hoàn thiện hồ sơ tham gia trưng bày</i>

STT	Quy trình thực hiện dịch vụ
14.5.5	Sắp xếp vị trí gian hàng; thông báo vị trí gian hàng, nội quy tham gia chương trình cho các đơn vị tham gia
14.6	Xây dựng bài phát biểu khai mạc và bế mạc chương trình
14.7	Giám sát công tác thi công dàn dựng theo thiết kế được phê duyệt
14.8	Duyệt công tác thi công dàn dựng chương trình
Bước 15	Tổ chức Hội nghị, hội thảo có trưng bày giới thiệu trang thiết bị công nghệ tiết kiệm năng lượng
15.1	Đón tiếp đại biểu, chuyên gia, khách mời
15.2	Tổ chức khai mạc
15.3	Duy trì, điều phối các nội dung của chương trình
15.4	Kết nối giao thương (nếu có)
15.5	Giám sát công tác tháo dỡ, thu dọn hiện trường, bàn giao hội trường
Bước 16	Báo cáo kết quả thực hiện (nếu có)
Bước 17	Thanh quyết toán
17.1	Nghiệm thu khối lượng sản phẩm với đơn vị cung cấp dịch vụ
17.2	Tổng hợp hồ sơ, chứng từ liên quan
17.3	Bàn giao hồ sơ, chứng từ cho bộ phận kế toán
17.4	Lưu hồ sơ

2. Tiêu chí chất lượng dịch vụ

Dịch vụ “Tổ chức đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, hội nghị, hội thảo có trưng bày giới thiệu trang thiết bị công nghệ tiết kiệm năng lượng cho các cơ sở sử dụng năng lượng: sản xuất công nghiệp, công trình xây dựng, hộ gia đình” bao gồm các tiêu chí chất lượng sau:

2.1. Dịch vụ “Tổ chức đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả cho các cơ sở sử dụng năng lượng”

STT	Tên tiêu chí	Yêu cầu đáp ứng	Phương pháp kiểm tra
1	Tiêu chí đối với chức năng, nhiệm vụ của đơn vị cung cấp dịch vụ	Có đăng ký kinh doanh/Quyết định/ Giấy phép hành nghề về lĩnh vực điện lực, tiết kiệm năng lượng, hiệu quả.	Đối chiếu đăng ký kinh doanh/ Quyết định/ Giấy phép hành nghề của đơn vị

STT	Tên tiêu chí	Yêu cầu đáp ứng	Phương pháp kiểm tra
		Có kinh nghiệm hoạt động trong lĩnh vực tổ chức các lớp đào tạo, tập huấn, hội nghị, hội thảo nâng cao năng lực về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả hoặc lĩnh vực điện lực, tiết kiệm năng lượng, hiệu quả.	Đối chiếu các nhiệm vụ/hợp đồng/dự án đơn vị đã thực hiện có tính chất tương tự
2	Tiêu chí về xây dựng kế hoạch hàng năm	Nội dung kế hoạch phù hợp với chương trình, kế hoạch giai đoạn về lĩnh vực điện lực, tiết kiệm năng lượng, hiệu quả đã được phê duyệt.	Đối chiếu nội dung trong chương trình, kế hoạch giai đoạn đã được phê duyệt.
		Nội dung kế hoạch có tính khả thi, được cấp có thẩm quyền phê duyệt	Đối chiếu nội dung trong kế hoạch hàng năm đã được phê duyệt
3	Tiêu chí về nội dung đào tạo, tập huấn	Phù hợp với nội dung đào tạo, tập huấn trong các chương trình, kế hoạch về lĩnh vực điện lực, tiết kiệm năng lượng, hiệu quả đã được phê duyệt.	Đối chiếu với nội dung đào tạo, tập huấn trong kế hoạch hàng năm đã được phê duyệt.
		Phù hợp với đối tượng được đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực	Đối chiếu với nội dung đào tạo, tập huấn trong kế hoạch đã được phê duyệt.
4	Tiêu chí về thực hiện tổ chức đào tạo, tập huấn	Chuyên gia có kinh nghiệm trong lĩnh vực chuyên môn giảng dạy/trình bày tại khóa đào tạo, tập huấn	Đối chiếu với hồ sơ năng lực của chuyên gia
		Giấy mời/Giấy triệu tập học viên/đại biểu tham dự đào tạo, tập huấn được cấp có thẩm quyền phê duyệt	Kiểm tra tình trạng phê duyệt giấy mời/giấy triệu tập học viên/đại biểu
		Có xác nhận của học viên/đại biểu tham gia đào tạo, tập huấn	Kiểm tra tình trạng xác nhận của học viên/đại biểu tham gia đào tạo, tập huấn
		Có xác nhận của đơn vị cung cấp địa điểm tổ chức đào tạo, tập huấn	Kiểm tra tình trạng xác nhận của đơn vị cung cấp địa điểm đào tạo, tập huấn

2.2. Dịch vụ “Tổ chức hội nghị, hội thảo nâng cao năng lực về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả cho các cơ sở sử dụng năng lượng”

STT	Tên tiêu chí	Yêu cầu đáp ứng	Phương pháp kiểm tra
1	Tiêu chí đối với chức năng, nhiệm vụ của đơn vị cung cấp dịch vụ	Có đăng ký kinh doanh/Quyết định/ Giấy phép hành nghề về lĩnh vực điện lực, tiết kiệm năng lượng, hiệu quả.	Đối chiếu đăng ký kinh doanh/ Quyết định/ Giấy phép hành nghề của đơn vị
		Có kinh nghiệm hoạt động trong lĩnh vực tổ chức hội nghị, hội thảo nâng cao năng lực về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả cho các cơ sở sử dụng năng lượng hoặc lĩnh vực điện lực, tiết kiệm năng lượng, hiệu quả..	Đối chiếu các nhiệm vụ/hợp đồng/dự án đơn vị đã thực hiện có tính chất tương tự
2	Tiêu chí về kế hoạch tổ chức chương trình	Nội dung kế hoạch phù hợp với chương trình, kế hoạch giai đoạn về lĩnh vực điện lực, tiết kiệm năng lượng, hiệu quả đã được phê duyệt.	Đối chiếu nội dung kế hoạch giai đoạn đã được phê duyệt.
		Nội dung kế hoạch hàng năm có tính khả thi, được cấp có thẩm quyền phê duyệt	Đối chiếu nội dung kế hoạch đã được phê duyệt
3	Tiêu chí về thiết kế tổng thể chương trình	Thiết kế được cấp có thẩm quyền phê duyệt	Kiểm tra tình trạng phê duyệt thiết kế tổng thể của chương trình
4	Tiêu chí về quảng bá, tuyên truyền về chương trình	Nội dung quảng bá, tuyên truyền cần phù hợp với kế hoạch đã được phê duyệt.	Đối chiếu với nội dung quảng bá, tuyên truyền trong kế hoạch hàng năm đã được phê duyệt.
		Phù hợp với đối tượng thông tin, tuyên truyền	Đối chiếu với nội dung quảng bá, tuyên truyền đã được phê duyệt.

STT	Tên tiêu chí	Yêu cầu đáp ứng	Phương pháp kiểm tra
		Hình thức quảng bá, tuyên truyền về hội nghị, hội thảo nâng cao năng lực về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả cho các cơ sở sử dụng năng lượng cần phù hợp với yêu cầu thông tin tuyên truyền được duyệt, gồm một hoặc nhiều hình thức: + Thông qua các cơ quan báo chí: báo in, báo điện tử, đài truyền hình, đài phát thanh; + Thông qua các ấn phẩm: sách, sổ tay, cẩm nang, bộ tài liệu, tờ rơi, tờ gấp; + Thông qua địa điểm công cộng (phát trên fanpage, website, các sự kiện và các nền tảng Internet khác).	Đối chiếu với nội dung quảng bá, tuyên truyền đã được phê duyệt.
5	Tiêu chí về nội dung hội nghị, hội thảo, diễn đàn	Phù hợp với nội dung hội nghị, hội thảo, trong các chương trình, đã được phê duyệt.	Đối chiếu với nội dung hội nghị, hội thảo, diễn đàn trong kế hoạch hàng năm đã được phê duyệt.
		Phù hợp với đối tượng của hội nghị, hội thảo	Đối chiếu với nội dung hội nghị, hội thảo, diễn đàn trong kế hoạch đã được phê duyệt.
6	Tiêu chí về công tác tổ chức chương trình	Các hạng mục được thi công, dàn dựng phù hợp với thiết kế tổng thể đã được phê duyệt	Đối chiếu với thiết kế tổng thể đã được phê duyệt
		Chuyên gia có kinh nghiệm trong lĩnh vực chuyên môn trình bày tại hội nghị, hội thảo	Đối chiếu với hồ sơ năng lực của chuyên gia

STT	Tên tiêu chí	Yêu cầu đáp ứng	Phương pháp kiểm tra
		Giấy mời tham dự chương trình được cấp có thẩm quyền phê duyệt	Kiểm tra tình trạng phê duyệt của giấy mời tham dự chương trình
		Có xác nhận của đại biểu tham gia hội nghị, hội thảo	Kiểm tra tình trạng xác nhận của đại biểu

2.3. Dịch vụ “Tổ chức hội nghị, hội thảo có trưng bày giới thiệu trang thiết bị công nghệ tiết kiệm năng lượng cho các cơ sở sử dụng năng lượng”

STT	Tên tiêu chí	Yêu cầu đáp ứng	Phương pháp kiểm tra
		Có đăng ký kinh doanh/ Quyết định/ Giấy phép hành nghề về lĩnh vực điện lực, tiết kiệm năng lượng, hiệu quả.	Đối chiếu đăng ký kinh doanh/ Quyết định/ Giấy phép hành nghề của đơn vị
		Có kinh nghiệm hoạt động trong lĩnh vực tổ chức hội nghị, hội thảo có trưng bày giới thiệu trang thiết bị công nghệ tiết kiệm năng lượng cho các cơ sở sử dụng năng lượng hoặc lĩnh vực điện lực, tiết kiệm năng lượng, hiệu quả.	Đối chiếu các nhiệm vụ/hợp đồng/dự án đơn vị đã thực hiện có tính chất tương tự
2	Tiêu chí về kế hoạch tổ chức chương trình	Nội dung kế hoạch phù hợp với chương trình, kế hoạch giai đoạn về lĩnh vực điện lực, tiết kiệm năng lượng, hiệu quả đã được phê duyệt.	Đối chiếu nội dung kế hoạch giai đoạn đã được phê duyệt.
		Nội dung kế hoạch hàng năm có tính khả thi, được cấp có thẩm quyền phê duyệt	Đối chiếu nội dung kế hoạch đã được phê duyệt
3	Tiêu chí về thiết kế tổng thể chương trình	Thiết kế được cấp có thẩm quyền phê duyệt	Kiểm tra tình trạng phê duyệt thiết kế tổng thể của chương trình

STT	Tên tiêu chí	Yêu cầu đáp ứng	Phương pháp kiểm tra
4	Tiêu chí về quảng bá, tuyên truyền về chương trình	Nội dung quảng bá, tuyên truyền cân phù hợp với kế hoạch đã được phê duyệt.	Đối chiếu với nội dung quảng bá, tuyên truyền trong kế hoạch hàng năm đã được phê duyệt.
		Phù hợp với đối tượng thông tin, tuyên truyền	Đối chiếu với nội dung quảng bá, tuyên truyền đã được phê duyệt.
		Hình thức quảng bá, tuyên truyền về hội nghị, hội thảo, trong nước về lĩnh vực điện lực, tiết kiệm năng lượng, hiệu quả kết hợp trưng bày và giới thiệu sản phẩm cho các cơ sở sử dụng năng lượng về lĩnh vực điện lực, tiết kiệm năng lượng, hiệu quả cân phù hợp với yêu cầu thông tin tuyên truyền được duyệt, gồm một hoặc nhiều hình thức:	Đối chiếu với nội dung quảng bá, tuyên truyền đã được phê duyệt.
		+ Thông qua các cơ quan báo chí: báo giấy, báo điện tử, đài truyền hình, đài phát thanh;	
		+ Thông qua các ấn phẩm: sách, sổ tay, cẩm nang, bộ tài liệu, tờ rơi, tờ gấp;	
		+ Thông qua địa điểm công cộng (phát trên fanpage, website, các sự kiện và các nền tảng Internet khác).	
5	Tiêu chí về nội dung hội nghị, hội thảo có trưng bày giới thiệu trang thiết bị công nghệ tiết kiệm năng lượng	Phù hợp với nội dung hội nghị, hội thảo, trong các chương trình, đã được phê duyệt.	Đối chiếu với nội dung hội nghị, hội thảo, diễn đàn trong kế hoạch hàng năm đã được phê duyệt.
		Phù hợp với đối tượng của hội nghị, hội thảo	Đối chiếu với nội dung hội nghị, hội thảo, diễn đàn trong kế hoạch đã được phê duyệt.

STT	Tên tiêu chí	Yêu cầu đáp ứng	Phương pháp kiểm tra
6	Tiêu chí về công tác tổ chức chương trình	Các hạng mục được thi công, dàn dựng phù hợp với thiết kế tổng thể đã được phê duyệt	Đối chiếu với thiết kế tổng thể đã được phê duyệt
		Chuyên gia có kinh nghiệm trong lĩnh vực chuyên môn trình bày tại hội nghị, hội thảo	Đối chiếu với hồ sơ năng lực của chuyên gia
		Giấy mời tham dự chương trình được cấp có thẩm quyền phê duyệt	Kiểm tra tình trạng phê duyệt của giấy mời tham dự chương trình
		Danh sách các đơn vị tham gia trưng bày được cấp có thẩm quyền phê duyệt	Kiểm tra tình trạng phê duyệt của danh sách các đơn vị tham gia
7	Tiêu chí về hồ sơ sản phẩm	Thành phần, số lượng sản phẩm phải đáp ứng yêu cầu của nội dung kế hoạch đã được phê duyệt.	Đối chiếu yêu cầu của nội dung trong kế hoạch đã được phê duyệt.
		Hồ sơ các đơn vị tham gia trưng bày đáp ứng các yêu cầu:	Đối chiếu với hồ sơ tham gia trưng bày của các đơn vị
		+ Hồ sơ đăng ký tham gia (đơn đăng ký + đăng ký kinh doanh)	
		+ Hợp đồng tham gia chương trình	
		Có xác nhận của đại biểu tham gia nội dung hội nghị, hội thảo	Kiểm tra tình trạng xác nhận của đại biểu
		Sản phẩm quảng bá, tuyên truyền cần có xác nhận về việc đã thực hiện thông tin tuyên truyền:	Đối chiếu yêu cầu của nội dung, đối tượng quảng bá, tuyên truyền hội nghị, hội thảo, trong nước về lĩnh vực điện lực, tiết kiệm năng lượng, hiệu quả kết hợp trưng bày và giới thiệu sản phẩm cho các cơ
		+ Đối với sản phẩm được đăng trên báo giấy, báo điện tử: có bài đăng của các cơ quan báo chí;	

STT	Tên tiêu chí	Yêu cầu đáp ứng	Phương pháp kiểm tra
		+ Đối với sản phẩm phát thanh, phát trên truyền hình: sản phẩm phải có xác nhận của cơ quan phát thanh, truyền hình;	sở sử dụng năng lượng về lĩnh vực điện lực, tiết kiệm năng lượng đã được phê duyệt.
		+ Tờ rơi, tờ gấp, sách, sổ tay được phê duyệt bởi cấp có thẩm quyền và có hồ sơ bàn giao sản phẩm tuyên truyền	

III. ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

Định mức kinh tế - kỹ thuật thực hiện dịch vụ “Tổ chức đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, hội nghị, hội thảo có trưng bày giới thiệu trang thiết bị công nghệ tiết kiệm năng lượng cho các cơ sở sử dụng năng lượng: sản xuất công nghiệp, công trình xây dựng, hộ gia đình” như sau:

3.1. Dịch vụ “Tổ chức đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả cho các cơ sở sử dụng năng lượng”

Đơn vị tính: 1 chương trình

Mã hiệu	Thành phần hao phí	Đơn vị tính	Trị số định mức
02.01			
1	Định mức lao động		
	Chuyên viên loại A2.1 bậc 2/8	Công	3,9
	Chuyên viên loại A1 bậc 5/9	Công	4,55
	Chuyên viên loại A1 bậc 3/9	Công	50,86
2	Định mức máy móc, thiết bị		
	Máy tính để bàn	Ca	34,45
	Máy tính xách tay	Ca	20,15
	Máy in	Ca	0,65
	Máy điện thoại di động	Ca	1,3
	Máy chiếu	Ca	1,3
	Ô tô 07 chỗ ngồi	Ca	3

Mã hiệu	Thành phần hao phí	Đơn vị tính	Trị số định mức
3	Định mức vật tư		
	Giấy in A4	Ram	2,64
	Mực in	hộp	0,38
4	Chi phí gián tiếp	%	19%

3.2. Dịch vụ “Tổ chức hội nghị, hội thảo nâng cao năng lực về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả cho các cơ sở sử dụng năng lượng”

Đơn vị tính: 1 chương trình

Mã hiệu	Thành phần hao phí	Đơn vị tính	Trị số định mức
02.02			
1	Định mức lao động		
	Chuyên viên loại A2.1 bậc 2/8	Công	4,23
	Chuyên viên loại A1 bậc 5/9	Công	4,39
	Chuyên viên loại A1 bậc 3/9	Công	35,67
2	Định mức máy móc, thiết bị		
	Máy tính để bàn	Ca	33,31
	Máy tính xách tay	Ca	8,45
	Máy in	Ca	0,81
	Máy điện thoại di động	Ca	1,30
	Máy chiếu	Ca	1,30
	Ô tô 07 chỗ ngồi	Ca	2,00
3	Định mức vật tư		
	Giấy in A4	Ram	3,30
	Mực in	hộp	0,47
4	Chi phí gián tiếp	%	19%

3.3. Dịch vụ “Tổ chức hội nghị, hội thảo có trưng bày giới thiệu trang thiết bị công nghệ tiết kiệm năng lượng cho các cơ sở sử dụng năng lượng”

Đơn vị tính: 1 chương trình

Mã hiệu	Thành phần hao phí	Đơn vị tính	Trị số định mức
02.03			
1	Định mức lao động		
	Chuyên viên loại A2.1 bậc 2/8	Công	12,03
	Chuyên viên loại A1 bậc 5/9	Công	12,35
	Chuyên viên loại A1 bậc 3/9	Công	149,66
2	Định mức máy móc, thiết bị		
	Máy tính để bàn	Ca	135,53
	Máy tính xách tay	Ca	35,1
	Máy in	Ca	0,98
	Máy điện thoại di động	Ca	1,3
	Máy chiếu	Ca	1,3
	Ô tô 07 chỗ ngồi	Ca	10
3	Định mức vật tư		
	Giấy in A4	Ram	3,96
	Mực in	hộp	0,57
4	Chi phí gián tiếp	%	19%

PHỤ LỤC SỐ 03**ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT**

Tên dịch vụ: Tổ chức cuộc thi, xét chọn công nhận danh hiệu về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả cho các cơ sở sử dụng năng lượng trong sản xuất công nghiệp, công trình xây dựng, hộ gia đình.

(Ban hành kèm theo Quyết định số 42/2025/QĐ-UBND ngày 15 tháng 7 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội)

Hà Nội, 2025

MỤC LỤC

Trang

I. QUY ĐỊNH CHUNG

1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng
2. Nội dung định mức kinh tế - kỹ thuật
3. Áp dụng định mức

II. QUY TRÌNH VÀ TIÊU CHÍ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ

1. Quy trình thực hiện dịch vụ
2. Tiêu chí chất lượng dịch vụ

III. ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

I. QUY ĐỊNH CHUNG

1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1.1. Phạm vi điều chỉnh:

Định mức kinh tế - kỹ thuật ban hành quy định quy trình, tiêu chí chất lượng dịch vụ, định mức kinh tế - kỹ thuật với các thành phần cơ bản: định mức lao động, định mức vật tư, định mức máy móc, thiết bị và các chi phí gián tiếp để hoàn thành một dịch vụ “Tổ chức cuộc thi, xét chọn công nhận danh hiệu về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả cho các cơ sở sử dụng năng lượng trong sản xuất công nghiệp, công trình xây dựng, hộ gia đình” của các đơn vị cung ứng dịch vụ.

1.2. Đối tượng áp dụng:

a) Đối tượng áp dụng định mức kinh tế - kỹ thuật:

Các cơ quan, tổ chức, đơn vị có chức năng phục vụ quản lý nhà nước lĩnh vực công thương và cung cấp dịch vụ sự nghiệp công trong lĩnh vực công thương được giao theo quy định của pháp luật.

Các cơ quan, tổ chức khác có liên quan đến tổ chức thực hiện dịch vụ sự nghiệp công lĩnh vực công thương thành phố Hà Nội sử dụng ngân sách nhà nước.

b) Khuyến khích cơ quan, tổ chức không sử dụng ngân sách nhà nước áp dụng định mức kinh tế - kỹ thuật này.

2. Nội dung định mức kinh tế - kỹ thuật

Định mức kinh tế - kỹ thuật được xây dựng trên cơ sở quy trình và tiêu chí chất lượng dịch vụ đã quy định. Nội dung định mức kinh tế - kỹ thuật bao gồm các hao phí về lao động, máy móc, thiết bị, vật tư và chi phí gián tiếp để hoàn thành việc thực hiện một dịch vụ “Tổ chức cuộc thi, xét chọn công nhận danh hiệu về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả cho các cơ sở sử dụng năng lượng trong sản xuất công nghiệp, công trình xây dựng, hộ gia đình”.

2.1. Định mức lao động

Định mức lao động là mức hao phí cần thiết tính bằng ngày công của các loại lao động trực tiếp (thực hiện) phù hợp yêu cầu, để hoàn thành một dịch vụ “Tổ chức cuộc thi, xét chọn công nhận danh hiệu về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả cho các cơ sở sử dụng năng lượng trong sản xuất công nghiệp, công trình xây dựng, hộ gia đình” theo quy trình và tiêu chí chất lượng dịch vụ đã quy định.

Mỗi công lao động tương ứng với 8 giờ làm việc; loại lao động yêu cầu được xếp ngạch trong bảng lương ban hành kèm theo Nghị định 204/2004/NĐ-CP ngày 24/12/2004 của Chính phủ và các quy định hiện hành khi có sự thay đổi về chính sách tiền lương thay thế Nghị định 204/2004/NĐ-CP của các cơ quan có thẩm quyền.

Trường hợp đơn vị, tổ chức thực hiện dịch vụ sự nghiệp công không có các chức danh lao động như trong bảng định mức thì có thể áp dụng lao động khác đảm bảo yêu cầu về trình độ lao động và kinh nghiệm của lao động tương đương với bậc lao động qui định trong bảng định mức.

2.2. Định mức máy móc, thiết bị

a) Định mức máy móc, thiết bị là mức hao phí cần thiết trực tiếp của các loại máy móc, thiết bị phù hợp yêu cầu để hoàn thành một sản phẩm dịch vụ “Tổ chức cuộc thi, xét chọn công nhận danh hiệu về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả cho các cơ sở sử dụng năng lượng trong sản xuất công nghiệp, công trình xây dựng, hộ gia đình” theo quy trình và tiêu chí chất lượng dịch vụ đã quy định; Mức hao phí máy móc, thiết bị tính bằng ca máy, mỗi ca tương ứng với 8 giờ.

b) Khi xây dựng đơn giá: Giá ca máy móc, thiết bị được tính theo giá công bố của đơn vị có thẩm quyền tại thời điểm tính giá hoặc tính như sau:

Giá ca máy móc, thiết bị có sử dụng điện năng (hoặc nhiên liệu khác) được tính bao gồm chi phí khấu hao máy, chi phí điện năng (hoặc nhiên liệu khác) sử dụng máy tương ứng với công suất tiêu thụ của máy móc thiết bị.

Giá ca máy ô tô được tính theo giá thị trường tại thời điểm tính giá và phù hợp với quy định của pháp luật về dịch vụ thuê, mua ngoài.

2.3. Định mức vật tư

Định mức vật tư là mức hao phí cần thiết của nguyên liệu, vật liệu trực tiếp (bao gồm nguyên liệu, vật liệu, nhiên liệu, động lực, công cụ, dụng cụ,... tiêu hao và hao hụt), tính bằng số lượng và chủng loại các loại vật tư phù hợp yêu cầu để hoàn thành một sản phẩm dịch vụ “Tổ chức cuộc thi, xét chọn công nhận danh hiệu về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả cho các cơ sở sử dụng năng lượng trong sản xuất công nghiệp, công trình xây dựng, hộ gia đình” quy trình và tiêu chí chất lượng dịch vụ đã quy định.

2.4. Chi phí gián tiếp

Là các chi phí gián tiếp, được quy định theo tỷ lệ phần trăm (%) của tổng các hao phí về lao động, máy móc, thiết bị và vật tư trong quá trình triển khai thực hiện

hoàn thành một sản phẩm dịch vụ “Tổ chức cuộc thi, xét chọn công nhận danh hiệu về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả cho các cơ sở sử dụng năng lượng trong sản xuất công nghiệp, công trình xây dựng, hộ gia đình”; bao gồm chi phí lao động, máy móc, thiết bị, vật tư gián tiếp (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ) và chi phí gián tiếp khác (nếu có).

Khi xây dựng đơn giá, chi phí gián tiếp được tính bằng tỷ lệ % nhân với tổng chi phí lao động, máy móc, thiết bị và vật tư theo quy định tại bảng định mức.

3. Áp dụng định mức

3.1. Định mức kinh tế - kỹ thuật công tác “Tổ chức cuộc thi, xét chọn công nhận danh hiệu về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả cho các cơ sở sử dụng năng lượng trong sản xuất công nghiệp, công trình xây dựng, hộ gia đình” bao gồm các hao phí lao động, máy móc, thiết bị, vật tư và chi phí gián tiếp của đơn vị thực hiện đối với quy mô xét chọn công nhận danh hiệu cho 30 đơn vị/ doanh nghiệp sản xuất công nghiệp, công trình xây dựng hoặc cho 1050 hộ gia đình;

Trường hợp tổ chức cuộc thi, xét chọn công nhận danh hiệu đối với quy mô khác 30 đơn vị/ doanh nghiệp sản xuất công nghiệp thì định mức được nhân với hệ số $k = \text{số đơn vị thực tế} / 30$; đối với quy mô hộ gia đình thì định mức được nhân với hệ số $k = \text{số hộ gia đình thực tế} / 1050$.

Ví dụ tổ chức cuộc thi, xét chọn có quy mô 35 đơn vị, thì định mức được nhân với hệ số $k = 35/30 = 1,17$

Ví dụ tổ chức cuộc thi, xét chọn có quy mô 1250 hộ gia đình, thì định mức được nhân với hệ số $k = 1250/1050 = 1,19$

3.2. Định mức kinh tế - kỹ thuật công tác tổ chức thông tin, tuyên truyền bao gồm các hao phí lao động, máy móc, thiết bị, vật tư và chi phí gián tiếp của đơn vị thực hiện tổ chức thông tin, tuyên truyền được áp dụng đối với quy mô 01 kế hoạch/01 nhiệm vụ tổ chức thông tin, tuyên truyền như sau:

a) Định mức tính bình quân 35 tin/bài sản xuất mới cho 01 kế hoạch trên báo giấy, báo điện tử; Trường hợp kế hoạch tăng (giảm) 01 tin/bài thì định mức nhân công và máy tính tăng(giảm) với hệ số $k=0,01$ lần cho mỗi 01 tin/bài.

Tin tương đương với tin sâu (từ 200÷500 từ), bài tương đương bài phản ánh, bài nghiên cứu (từ 700÷1000 từ) theo các quy định tại Luật Báo chí và các văn bản hướng dẫn.

b) Định mức tính công tác tổ chức thông tin tuyên truyền trên truyền thanh/truyền hình cho 01 kế hoạch tuyên truyền tương đương thời lượng phát sóng 300 phút (hoặc quy đổi tương đương, ví dụ: 10 video sản xuất mới thời lượng 30 phút hoặc 30 video sản xuất mới thời lượng 10 phút). Trường hợp thời lượng phát sóng nhiều hơn hoặc ít hơn thì định mức nhân công và máy tính tăng (giảm) với hệ số $k=0,02$ lần cho mỗi 10 phút thời lượng.

c) Định mức tính công tác tổ chức thông tin tuyên truyền bằng xuất bản phẩm (tờ rơi, tờ gấp, sách, sổ tay, cẩm nang, kỷ yếu) cho 01 kế hoạch tuyên truyền tính cho 20 địa điểm cần bàn giao xuất bản phẩm tuyên truyền. Trường hợp địa điểm bàn giao nhiều hơn hoặc ít hơn thì hao phí nhân công chuyên viên loại A1 bậc 3/9 được cộng hoặc trừ đi 0,5 công và hao phí Ô tô chở hàng $<0,5$ tấn được cộng hoặc trừ đi 0,5 ca cho mỗi 01 điểm bàn giao.

Xuất bản phẩm là tờ rời, tờ gấp: 01 tờ A4 in 2 mặt 4 màu rõ nét, theo các quy định tại Luật Báo chí, Luật Xuất bản và các văn bản hướng dẫn.

Xuất bản phẩm dạng sách, sổ tay, kỷ yếu: Sách khổ A5 (15cmx22cm), in 4 màu rõ nét, theo các quy định tại Luật Báo chí, Luật xuất bản và các văn bản hướng dẫn.

d) Định mức công tác tổ chức thông tin, tuyên truyền bằng hình thức phát video tuyên truyền tại địa điểm công cộng (phát trên fanpage website, lễ khai mạc sự kiện và các nền tảng Internet khác) thì áp dụng như định mức tổ chức thông tin, tuyên truyền trên truyền thanh/truyền hình.

e) Sản phẩm, tác phẩm báo chí, xuất bản phẩm đáp ứng các Quy định về báo chí, xuất bản, in, phát hành, phát thanh, truyền hình, thông tin điện tử của cơ quan có thẩm quyền.

3.3. Định mức kinh tế - kỹ thuật công tác tổ chức hội nghị, hội thảo bao gồm các hao phí lao động, máy móc, thiết bị, vật tư và chi phí gián tiếp của đơn vị thực hiện tổ chức hội nghị, hội thảo, diễn đàn được áp dụng đối với quy mô 01 chương trình hội nghị, hội thảo, diễn đàn. Tiêu chuẩn tính định mức là 01 ngày (tương đương với 02 buổi) với quy mô là $100 \div 250$ khách mời tham gia.

a) Trường hợp tăng/giảm 01 buổi hội nghị, hội thảo, định mức lao động và định mức Máy tính xách tay được cộng/trừ với hệ số tăng/giảm là 01 công/ca.

b) Trường hợp 1 nội dung hội nghị, hội thảo nhưng được tổ chức ở nhiều điểm, thì từ điểm thứ 2 trở đi, định mức công tác tổ chức hội nghị, hội thảo được nhân với hệ số $k=0,68$.

3.4. Định mức chưa bao gồm các hao phí, chi phí của: Thuê hội trường; Khu vực đón tiếp đại biểu VIP (nếu có); Bàn, ghế phục vụ khách VIP (nếu có); Chi phí dàn dựng, trang trí hội trường (Sân khấu, Bục phát biểu; Pano, phướn, Backdrop. Standy, biển chỉ dẫn, biển tên đại biểu, hoa tươi, cây cảnh); Màn LED, trang thiết bị âm thanh, ánh sáng, hệ thống khung không gian treo thiết bị âm thanh, ánh sáng; thiết bị họp trực tuyến (nếu có); hệ thống dịch (nếu có); giải khát giữa giờ; tài liệu đại biểu; giấy mời và phong bì gửi kèm; Thành viên thẩm định, thành viên hội đồng kiểm tra, giám sát của cấp có thẩm quyền (nếu có), phiên dịch (nếu có), dẫn chương trình (nếu có); chi phí tiền thưởng theo quy định của cấp có thẩm quyền; cán bộ tham gia của đơn vị/doanh nghiệp được nhận hỗ trợ; thuê chuyên gia, thuê đơn vị/cơ quan báo chí xây dựng bản thảo, nhuận bút, dịch, biên tập, thiết kế, chế bản, in ấn, phát sóng, đăng tải và các chi phí thuê mua ngoài khác (nếu có).

3.5. Khi xây dựng đơn giá (phương án giá), các chi phí quy định tại điểm 3.4, khoản 3, phần I của phụ lục này sẽ được xác định theo khối lượng được cấp có thẩm quyền phê duyệt, quy định của cấp có thẩm quyền về chế độ tiền thưởng, quy định của Luật đấu thầu và các quy định có liên quan về mua sắm dịch vụ/hàng hóa, quy định về công tác phí, quy định về hội nghị hội thảo và các quy định hiện hành khác có liên quan.

II. QUY TRÌNH VÀ TIÊU CHÍ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ

1. Quy trình thực hiện dịch vụ

Dịch vụ “Tổ chức cuộc thi, xét chọn công nhận danh hiệu về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả cho các cơ sở sử dụng năng lượng trong sản xuất công nghiệp, công trình xây dựng, hộ gia đình” thực hiện theo quy trình sau:

TT	Quy trình thực hiện dịch vụ
Bước 1	Tiếp nhận yêu cầu tổ chức cuộc thi, xét chọn công nhận danh hiệu về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả cho các cơ sở sử dụng năng lượng trong sản xuất công nghiệp, công trình xây dựng, hộ gia đình; phân công cho các thành viên thực hiện nhiệm vụ.
Bước 2	Xây dựng kế hoạch chi tiết, dự toán kinh phí (nếu có) chuẩn bị thực hiện nhiệm vụ
Bước 3	Phê duyệt kế hoạch chi tiết, dự toán kinh phí (nếu có) thực hiện nhiệm vụ
Bước 4	Tổ chức lựa chọn đơn vị cung cấp dịch vụ

TT	Quy trình thực hiện dịch vụ
Bước 5	Xây dựng văn bản gửi các đơn vị liên quan
5.1	Xây dựng, trình phê duyệt văn bản gửi các đơn vị liên quan phối hợp triển khai nhiệm vụ
5.2	Gửi văn bản đến các đơn vị
5.3	Theo dõi, đôn đốc, hướng dẫn, giải thích các nội dung quy định cuộc thi, xét chọn
Bước 6	Tổ chức thông tin, tuyên truyền
6.1	Hỗ trợ, cung cấp tài liệu, thông tin, hình ảnh, nội dung, yêu cầu thiết kế sản phẩm cho đơn vị cung cấp dịch vụ tuyên truyền
6.2	Tiếp nhận, kiểm tra nội dung sản phẩm tuyên truyền do đơn vị cung cấp dịch vụ tuyên truyền gửi đến
6.3	Duyệt nội dung sản phẩm tuyên truyền do đơn vị cung cấp dịch vụ tuyên truyền gửi đến
6.4	Theo dõi việc thực hiện tuyên truyền
6.5	Tiếp nhận sản phẩm tuyên truyền
	Đối với sản phẩm là tin/bài/video: Lưu trữ trên đĩa CD/USB, đăng tải lên trang website hoặc các nền tảng Internet khác (tin, bài lưu bản giấy, đường link)
	Đối với ấn phẩm là Tờ rời, tờ gấp, sách, sổ tay: nhận bàn giao sản phẩm in ấn, kiểm đếm, lập biên bản nghiệm thu; Lập và duyệt danh sách đối tượng tuyên truyền.
	Bàn giao cho bộ phận thực hiện tuyên truyền hoặc đơn vị đối tác và đơn vị liên quan để phối hợp tuyên truyền
Bước 7	Tổ chức hội nghị, hội thảo tuyên truyền kỹ năng sử dụng thiết bị tiết kiệm điện, tiết kiệm năng lượng
7.1	Chuẩn bị tổ chức hội nghị, hội thảo
7.1.1	Thuê chuyên gia trình bày (nếu có)
-	<i>Liên hệ mời chuyên gia</i>
-	<i>Xây dựng hợp đồng thuê chuyên gia trình bày tại hội nghị, hội thảo</i>
-	<i>Ký kết hợp đồng thuê chuyên gia trình bày tại hội nghị, hội thảo</i>
-	<i>Kiểm soát nội dung báo cáo trình bày của chuyên gia thuê ngoài</i>

TT	Quy trình thực hiện dịch vụ
7.1.2	Biên soạn và phê duyệt tài liệu chương trình hội nghị, hội thảo
7.1.3	Lập giấy mời và chương trình hội nghị, hội thảo kèm theo; Duyệt giấy mời
7.1.4	Lập và phê duyệt danh sách khách mời; gửi giấy mời đến các đơn vị có liên quan
7.1.5	Xây dựng nội dung backdrop, băng rôn, phướn, pano, standee; Giám sát công tác trang trí hội trường.
7.1.6	Xây dựng bài phát biểu khai mạc và bế mạc hội nghị, hội thảo
7.1.7	Kiểm tra công tác chuẩn bị và nhận bàn giao đối với đơn vị cung cấp dịch vụ
7.2	Tổ chức hội nghị, hội thảo
7.2.1	Đón tiếp đại biểu, chuyên gia, khách mời
7.2.2	Tổ chức khai mạc
7.2.3	Thực hiện tổ chức hội nghị, hội thảo theo chương trình
7.2.4	Giám sát công tác tháo dỡ, thu dọn hiện trường, bàn giao hội trường
Bước 8	Đi khảo sát các doanh nghiệp (Áp dụng cho Tổ chức cuộc thi, xét chọn công nhận danh hiệu về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả cho các cơ sở sử dụng năng lượng trong sản xuất công nghiệp, công trình xây dựng)
Bước 9	Đánh giá sơ bộ các doanh nghiệp; lập Báo cáo đánh giá sơ bộ; Hỗ trợ doanh nghiệp hoàn thiện hồ sơ xét chọn (Áp dụng cho Tổ chức cuộc thi, xét chọn công nhận danh hiệu về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả cho các cơ sở sử dụng năng lượng trong sản xuất công nghiệp, công trình xây dựng)
9.1	Đánh giá sơ bộ các doanh nghiệp; lập Báo cáo đánh giá sơ bộ (Áp dụng cho Tổ chức cuộc thi, xét chọn công nhận danh hiệu về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả cho các cơ sở sử dụng năng lượng trong sản xuất công nghiệp, công trình xây dựng)
9.2	Hỗ trợ doanh nghiệp hoàn thiện hồ sơ dự thi, xét chọn (Áp dụng cho Doanh nghiệp tham gia 1 cuộc thi, xét chọn công nhận danh hiệu về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả cho các cơ sở sử dụng năng lượng trong sản xuất công nghiệp, công trình xây dựng)

TT	Quy trình thực hiện dịch vụ
Bước 10	Thành lập Hội đồng đánh giá các doanh nghiệp (Áp dụng cho Tổ chức cuộc thi, xét chọn công nhận danh hiệu về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả cho các cơ sở sử dụng năng lượng trong sản xuất công nghiệp, công trình xây dựng)
10.1	Tìm hiểu, nghiên cứu, liên hệ thành viên hội đồng dự kiến; Đề xuất thành viên hội đồng, làm công văn gửi các Sở, Ngành để cử thành viên tham gia Hội đồng, kiện toàn hội đồng xét chọn
10.2	Soạn thảo, phê duyệt quyết định thành lập hội đồng xét chọn
10.3	Làm công văn gửi các thành viên hội đồng xét chọn kèm tài liệu hồ sơ Doanh nghiệp đăng ký tham gia và dự thảo phiếu đánh giá
10.4	Gửi hồ sơ cho các thành viên hội đồng
10.5	Phối hợp, hỗ trợ, trả lời, trao đổi, giải thích, giải trình, tài liệu chứng minh với các thành viên Hội đồng xét chọn
10.6	Tiếp nhận, tổng hợp, giải trình phiếu đánh giá sơ bộ các thành viên Hội đồng
10.7	Soạn thảo, gửi công văn mời thành viên Hội đồng tham gia đánh giá chính thức
10.8	Tổ chức họp Hội đồng đánh giá chính thức
10.9	Hoàn thiện tờ trình, biên bản tài liệu, hồ sơ của Hội đồng đánh giá để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt
Bước 11	Xây dựng, trình phê duyệt văn bản gửi các đơn vị liên quan đề nghị lựa chọn danh sách công nhận về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.
Bước 12	Tiếp nhận danh sách đề nghị công nhận danh hiệu về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả của các đơn vị
Bước 13	Duyệt danh sách công nhận danh hiệu về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả
13.1	Xây dựng và trình duyệt quyết định công nhận danh hiệu về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả
13.2	Thiết kế, in ấn giấy chứng nhận cho các đơn vị được công nhận
Bước 14	Tổ chức trao giấy chứng nhận cho các đơn vị được công nhận
Bước 15	Thanh quyết toán

TT	Quy trình thực hiện dịch vụ
15.1	Nghiệm thu khối lượng sản phẩm với đơn vị cung cấp dịch vụ
15.2	Tổng hợp hồ sơ, chứng từ liên quan
15.3	Bàn giao hồ sơ, chứng từ cho bộ phận kế toán
15.4	Lưu hồ sơ

2. Tiêu chí chất lượng dịch vụ

Dịch vụ “Tổ chức cuộc thi, xét chọn công nhận danh hiệu về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả cho các cơ sở sử dụng năng lượng trong sản xuất công nghiệp, công trình xây dựng, hộ gia đình” bao gồm các tiêu chí chất lượng sau:

TT	TÊN TIÊU CHÍ	YÊU CẦU ĐÁP ỨNG	PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA
1	Tiêu chí đối với chức năng, nhiệm vụ của đơn vị cung cấp dịch vụ	- Có đăng ký kinh doanh/Quyết định/Giấy phép hành nghề về tổ chức xét chọn trong lĩnh vực năng lượng	Đối chiếu đăng ký kinh doanh/Quyết định/Giấy phép hành nghề của đơn vị
		- Có kinh nghiệm hoạt động trong lĩnh vực tổ chức xét chọn công nhận danh hiệu về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả	Đối chiếu các nhiệm vụ/hợp đồng/dự án đơn vị đã thực hiện có tính chất tương tự
2	Tiêu chí về xây dựng kế hoạch	- Nội dung kế hoạch phù hợp với chương trình, kế hoạch về tiết kiệm năng lượng và hiệu quả	Đối chiếu nội dung trong chương trình, kế hoạch đã được phê duyệt
		- Nội dung kế hoạch có tính khả thi, được cấp có thẩm quyền phê duyệt	Đối chiếu nội dung trong kế hoạch đã được phê duyệt
3	Tiêu chí về nội dung thông tin, tuyên truyền	Phù hợp với nội dung thông tin, tuyên truyền trong các chương trình, kế hoạch về lĩnh vực sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả đã được phê duyệt.	Đối chiếu với nội dung thông tin, tuyên truyền trong kế hoạch đã được phê duyệt.
		Phù hợp với đối tượng thông tin, tuyên truyền	Đối chiếu với nội dung thông tin, tuyên truyền đã được phê duyệt.

TT	TÊN TIÊU CHÍ	YÊU CẦU ĐÁP ỨNG	PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA
4	Tiêu chí về hình thức thông tin, tuyên truyền	Phù hợp với yêu cầu thông tin tuyên truyền được duyệt, gồm một hoặc nhiều hình thức: + Thông qua các cơ quan báo chí: báo giấy, báo điện tử, đài truyền hình, đài phát thanh; + Thông qua các ấn phẩm: sách, sổ tay, cẩm nang, bộ tài liệu, tờ rơi, tờ gấp; + Thông qua địa điểm công cộng (phát trên fanpage, website, các sự kiện và các nền tảng Internet khác).	Đối chiếu với nội dung thông tin, tuyên truyền đã được phê duyệt.
5	Tiêu chí về sản phẩm thông tin, tuyên truyền	Số lượng sản phẩm phải đáp ứng yêu cầu thông tin, tuyên truyền đã được phê duyệt.	Đối chiếu yêu cầu của nội dung thông tin, tuyên truyền đã được phê duyệt.
		Sản phẩm phải có xác nhận về việc đã thực hiện thông tin tuyên truyền: + Đối với sản phẩm được đăng trên báo giấy, báo điện tử: có bài đăng của các cơ quan báo chí; + Đối với sản phẩm phát thanh, phát trên truyền hình: sản phẩm phải có xác nhận của cơ quan phát thanh, truyền hình; + Tờ rơi, tờ gấp, sách, sổ tay: được phê duyệt bởi cấp có thẩm quyền và có hồ sơ bàn giao sản phẩm tuyên truyền	- Đối chiếu yêu cầu của nội dung, đối tượng thông tin, tuyên truyền đã được phê duyệt. - Kiểm tra tình trạng xác nhận về việc đã thực hiện thông tin tuyên truyền.
6	Tiêu chí về nội dung hội nghị, hội thảo	Phù hợp với nội dung hội nghị, hội thảo trong các chương trình, kế hoạch về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả đã được phê duyệt.	Đối chiếu với nội dung hội nghị, hội thảo trong kế hoạch đã được phê duyệt.

TT	TÊN TIÊU CHÍ	YÊU CẦU ĐÁP ỨNG	PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA
		Phù hợp với đối tượng tham dự hội nghị, hội thảo nâng cao năng lực	Đối chiếu với nội dung hội nghị, hội thảo trong kế hoạch đã được phê duyệt.
7	Tiêu chí về thực hiện tổ chức hội nghị, hội thảo	Chuyên gia có kinh nghiệm trong lĩnh vực chuyên môn trình bày tại khóa tập huấn, hội nghị, hội thảo	Đối chiếu với hồ sơ năng lực của chuyên gia
		Giấy mời đại biểu tham dự hội nghị, hội thảo được cấp có thẩm quyền phê duyệt	Kiểm tra tình trạng phê duyệt giấy mời đại biểu
		Có xác nhận của đại biểu tham gia hội nghị, hội thảo	Kiểm tra tình trạng xác nhận của đại biểu tham gia hội nghị, hội thảo
		Có xác nhận của đơn vị cung cấp địa điểm tổ chức hội nghị, hội thảo	Kiểm tra tình trạng xác nhận của đơn vị cung cấp địa điểm tổ chức hội nghị, hội thảo
8	Tiêu chí về tổ chức cuộc thi, xét chọn công nhận danh hiệu về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả	Danh sách các đơn vị được công nhận phù hợp với kế hoạch và được cấp có thẩm quyền phê duyệt	Đối chiếu với quyết định công nhận danh hiệu của cấp có thẩm quyền
		Số lượng danh hiệu được công nhận đảm bảo yêu cầu của kế hoạch đã được phê duyệt	Đối chiếu số lượng danh hiệu theo kế hoạch được phê duyệt

III. ĐỊNH MỨC KINH TẾ -KỸ THUẬT

Định mức kinh tế - kỹ thuật thực hiện dịch vụ “Tổ chức cuộc thi, xét chọn công nhận danh hiệu về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả cho các cơ sở sử dụng năng lượng trong sản xuất công nghiệp, công trình xây dựng, hộ gia đình” gồm các định mức tổ chức như sau:

3.1. Định mức tổ chức cuộc thi, xét chọn công nhân danh hiệu cho cơ sở sản xuất, công trình xây dựng:

Đơn vị tính: 01 kế hoạch/01 nhiệm vụ (30 cơ sở sản xuất, 30 công trình xây dựng).

Mã	Thành phần hao phí	Đơn vị tính	Trị số định mức
03.01			
1	Định mức lao động		
	Chuyên viên A2.1 bậc 2/8	Công	4,63
	Chuyên viên A1 bậc 3/9	Công	326,00
	Chuyên viên A1 bậc 5/9	Công	90,00
	Chuyên viên A1 bậc 6/9	Công	35,50
2	Định mức máy móc, thiết bị		
	Máy tính để bàn	Ca	172,63
	Máy tính xách tay	Ca	256,00
	Máy in A4 đen trắng	Ca	0,93
	Máy điện thoại di động	Ca	22,00
	Máy điện thoại để bàn	Ca	5,00
	Máy chiếu	Ca	11,00
	Máy ảnh	Ca	15,00
	Ô tô 4 chỗ	Ca	21,00
	Bộ máy đo chuyên dụng KTNL (Danh sách các máy đo kèm theo)	Ca	15,00
3	Định mức vật tư		
	Giấy in A4	Ram	29,34
	Mực in A4 đen trắng	Hộp	4,19
	Giấy in A4 bìa	Ram	0,03
	Phong bì A4	Cái	30,00
	Hộp đựng tài liệu	Cái	10,00
4	Chi phí gián tiếp		22%

3.2. Định mức hỗ trợ cho 1 doanh nghiệp/đơn vị hoàn thiện hồ sơ tham gia cuộc thi, xét chọn:

Đơn vị tính: 01 doanh nghiệp/đơn vị.

Mã	Thành phần hao phí	Đơn vị tính	Trị số định mức
03.02			
1	Định mức lao động		
	Chuyên viên A2.1 bậc 2/8	Công	0,02
	Chuyên viên A1 bậc 3/9	Công	14,70
	Chuyên viên A1 bậc 5/9	Công	3,02
	Chuyên viên A1 bậc 6/9	Công	0,55
2	Định mức máy móc, thiết bị		
	Máy tính để bàn	Ca	2,70
	Máy tính xách tay	Ca	15,53
	Máy in A4 đen trắng	Ca	0,09
	Máy điện thoại di động	Ca	0,50
	Máy điện thoại để bàn	Ca	-
	Máy chiếu	Ca	1,50
	Máy ảnh	Ca	0,50
	Ô tô 4 chỗ	Ca	0,50
	Bộ máy đo chuyên dụng KTNL (Danh sách các máy đo kèm theo)	Ca	0,50
3	Định mức vật tư		
	Giấy in A4	Ram	2,91
	Mực in A4 đen trắng	Hộp	0,42
	Giấy in A4 bìa	Ram	0,01
4	Chi phí gián tiếp		22%

3.3. Định mức tổ chức cuộc thi, xét chọn công nhận danh hiệu cho hộ gia đình:

Đơn vị tính: 01 kế hoạch/01 nhiệm vụ (1.050 hộ gia đình).

Mã	Thành phần hao phí	Đơn vị tính	Trị số định mức
03.03			
1	Định mức lao động		
	Chuyên viên A2.1 bậc 2/8	Công	3,50
	Chuyên viên A1 bậc 3/9	Công	159,00

Mã	Thành phần hao phí	Đơn vị tính	Trị số định mức
	Chuyên viên A1 bậc 5/9	Công	50,50
	Chuyên viên A1 bậc 6/9	Công	24,00
2	Định mức máy móc, thiết bị		
	Máy tính để bàn	Ca	198,50
	Máy tính xách tay	Ca	30,00
	Máy in A4 đen trắng	Ca	0,19
	Máy điện thoại di động	Ca	28,50
	Máy điện thoại để bàn	Ca	5,00
	Máy chiếu	Ca	1,00
	Máy ảnh	Ca	-
	Ô tô 4 chỗ	Ca	15,00
3	Định mức vật tư		
	Giấy in A4	Ram	5,89
	Mực in A4 đen trắng	Hộp	0,84
	Giấy in A4 bìa	Ram	0,03
	Phong bì A4	Cái	30,00
	Hộp đựng tài liệu	Cái	20,00
4	Chi phí gián tiếp		22%

3.4. Định mức tổ chức thông tin, tuyên truyền:

3.4.1. Trường hợp tổ chức thông tin, tuyên truyền trên báo giấy, báo điện tử

Đơn vị tính: 01 kế hoạch tuyên truyền trên báo giấy (báo in), báo điện tử

Mã hiệu	Thành phần hao phí	Đơn vị tính	Trị số định mức
03.04.01			
1	Định mức lao động		
	Chuyên viên loại A2.1 bậc 2/8	Công	6,563
	Chuyên viên loại A1 bậc 5/9	Công	20,563
	Chuyên viên loại A1 bậc 3/9	Công	51,760
2	Định mức máy móc, thiết bị		

	Máy tính để bàn	Ca	58,417
	Máy tính xách tay	Ca	10,000
	Máy in A4 đen trắng	Ca	0,057
	Máy điện thoại di động	Ca	0,625
	Máy chiếu	Ca	9,250
3	Định mức vật tư		
	Giấy in A4	Ram	1,766
	Mực in A4 đen	hộp	0,20
4	Chi phí gián tiếp	%	18%

3.4.2. Trường hợp tổ chức thông tin, tuyên truyền trên truyền thanh, truyền hình

Đơn vị tính: 01 kế hoạch tuyên truyền trên truyền thanh, truyền hình

Mã hiệu	Thành phần hao phí	Đơn vị tính	Trị số định mức
03.04.02			
1	Định mức lao động		
	Chuyên viên loại A2.1 bậc 2/8	Công	5,938
	Chuyên viên loại A1 bậc 5/9	Công	20,313
	Chuyên viên loại A1 bậc 3/9	Công	65,406
2	Định mức máy móc, thiết bị		
	Máy tính để bàn	Ca	55,188
	Máy tính xách tay	Ca	10,000
	Máy in A4 đen trắng	Ca	0,057
	Máy điện thoại di động	Ca	15,625
	Máy chiếu	Ca	8,000
	Máy ảnh	Ca	15,000
	Ô tô 4 chỗ	Ca	15,000
3	Định mức vật tư		
	Giấy in A4	Ram	1,766
	Mực in A4 đen	hộp	0,20
	Đĩa CD	cái	1,00
4	Chi phí gián tiếp	%	18%

3.4.3. Trường hợp tổ chức thông tin, tuyên truyền trên ấn phẩm dạng sách

Đơn vị tính: 01 ấn phẩm dạng sách (tập san, kỷ yếu, cẩm nang, sổ tay...)

Mã hiệu	Thành phần hao phí	Đơn vị tính	Trị số định mức
03.04.03			
1	Định mức lao động		
	Chuyên viên loại A2.1 bậc 2/8	Công	2,688
	Chuyên viên loại A1 bậc 5/9	Công	18,813
	Chuyên viên loại A1 bậc 3/9	Công	77,531
2	Định mức máy móc, thiết bị		
	Máy tính để bàn	Ca	67,583
	Máy tính xách tay	Ca	10,000
	Máy in A4 đen trắng	Ca	0,064
	Máy in A4 màu	Ca	0,005
	Máy điện thoại di động	Ca	0,625
	Máy chiếu	Ca	6,500
	Ô tô chở hàng <0,5 tấn	Ca	10,000
3	Định mức vật tư		
	Giấy in A4	Ram	1,966
	Mực in A4 đen	hộp	0,22
	Mực in A4 màu	hộp	0,018
4	Chi phí gián tiếp	%	18%

3.4.4. Trường hợp tổ chức thông tin, tuyên truyền trên ấn phẩm dạng tờ rơi, tờ gấp

Đơn vị tính: 01 ấn phẩm ấn phẩm dạng là tờ rơi, tờ gấp, catalog (tính 1 tờ A4)

Mã hiệu	Thành phần hao phí	Đơn vị tính	Trị số định mức
03.04.04			
1	Định mức lao động		
	Chuyên viên loại A2.1 bậc 2/8	Công	1,938
	Chuyên viên loại A1 bậc 5/9	Công	9,688
	Chuyên viên loại A1 bậc 3/9	Công	38,781

2	Định mức máy móc, thiết bị		
	Máy tính để bàn	Ca	26,458
	Máy tính xách tay	Ca	5,000
	Máy in A4 đen trắng	Ca	0,062
	Máy in A4 màu	Ca	0,001
	Máy điện thoại di động	Ca	0,625
	Máy chiếu	Ca	0,375
	Ô tô chở hàng <0,5 tấn	Ca	10,000
3	Định mức vật tư		
	Giấy in A4	Ram	1,894
	Mực in A4 đen	hộp	0,21
	Mực in A4 màu	hộp	0,002
4	Định mức chi phí gián tiếp	%	18%

3.5. Định mức tổ chức hội nghị, hội thảo

Đơn vị tính: 1 chương trình

Mã hiệu	Thành phần hao phí	Đơn vị tính	Trị số định mức
03.05			
1	Định mức lao động		
	Chuyên viên loại A1 bậc 3/9	Công	30,9
	Chuyên viên loại A1 bậc 5/9	Công	4,2
	Chuyên viên loại A2.1 bậc 2/8	Công	2,9
2	Định mức máy móc, thiết bị		
	Máy tính để bàn	Ca	34,2
	Máy tính xách tay	Ca	2,0
	Máy in	Ca	0,5
	Ô tô 07 chỗ ngồi	Ca	3
2	Định mức vật tư		
	Giấy in A4	Ram	2,3
	Mực in đen	Hộp	0,3
	Phong bì khổ A4	Cái	300
4	Chi phí gián tiếp	%	19%

PHỤ LỤC SỐ 04

ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

**Tên dịch vụ: Xây dựng các mô hình hiệu quả năng lượng cho
các cơ sở sử dụng năng lượng**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 42/2025/QĐ-UBND ngày 15 tháng 7 năm 2025
của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội)*

Hà Nội, 2025

MỤC LỤC**Trang****I. QUY ĐỊNH CHUNG**

1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng
2. Nội dung định mức kinh tế - kỹ thuật
3. Áp dụng định mức

II. QUY TRÌNH VÀ TIÊU CHÍ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ

1. Quy trình thực hiện dịch vụ
2. Tiêu chí chất lượng dịch vụ

III. ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

I. QUY ĐỊNH CHUNG

1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1.1. Phạm vi điều chỉnh:

Định mức kinh tế - kỹ thuật ban hành quy định quy trình, tiêu chí chất lượng dịch vụ, định mức kinh tế - kỹ thuật với các thành phần cơ bản: định mức lao động, định mức vật tư, định mức máy móc, thiết bị và các chi phí gián tiếp để hoàn thành một dịch vụ “Xây dựng các mô hình hiệu quả năng lượng cho các cơ sở sử dụng năng lượng” của các đơn vị cung ứng dịch vụ.

1.2. Đối tượng áp dụng:

a) Đối tượng áp dụng định mức kinh tế - kỹ thuật:

Các cơ quan, tổ chức, đơn vị có chức năng phục vụ quản lý nhà nước lĩnh vực công thương và cung cấp dịch vụ sự nghiệp công trong lĩnh vực công thương được giao theo quy định của pháp luật.

Các cơ quan, tổ chức khác có liên quan đến tổ chức thực hiện dịch vụ sự nghiệp công lĩnh vực công thương thành phố Hà Nội sử dụng ngân sách nhà nước.

b) Khuyến khích cơ quan, tổ chức không sử dụng ngân sách nhà nước áp dụng định mức kinh tế - kỹ thuật này.

2. Nội dung định mức kinh tế - kỹ thuật

Định mức kinh tế - kỹ thuật được xây dựng trên cơ sở quy trình và tiêu chí chất lượng dịch vụ đã quy định. Nội dung định mức kinh tế - kỹ thuật bao gồm các hao phí về lao động, máy móc, thiết bị, vật tư và chi phí gián tiếp để hoàn thành việc thực hiện một dịch vụ “Xây dựng các mô hình hiệu quả năng lượng cho các cơ sở sử dụng năng lượng”.

2.1. Định mức lao động

Định mức lao động là mức hao phí cần thiết tính bằng ngày công của các loại lao động trực tiếp (thực hiện) phù hợp yêu cầu, để hoàn thành một dịch vụ “Xây dựng các mô hình hiệu quả năng lượng cho các cơ sở sử dụng năng lượng” theo quy trình và tiêu chí chất lượng dịch vụ đã quy định.

Mỗi công lao động tương ứng với 8 giờ làm việc; loại lao động yêu cầu được xếp ngạch trong bảng lương ban hành kèm theo Nghị định 204/2004/NĐ-CP ngày 24/12/2004 của Chính phủ và các quy định hiện hành khi có sự thay đổi về chính sách tiền lương thay thế Nghị định 204/2004/NĐ-CP của các cơ quan có thẩm quyền.

Trường hợp đơn vị, tổ chức thực hiện dịch vụ sự nghiệp công không có các chức danh lao động như trong bảng định mức thì có thể áp dụng lao động khác đảm bảo yêu cầu về trình độ lao động và kinh nghiệm của lao động tương đương với bậc lao động qui định trong bảng định mức.

2.2. Định mức máy móc, thiết bị

a) Định mức máy móc, thiết bị là mức hao phí cần thiết trực tiếp của các loại máy móc, thiết bị phù hợp yêu cầu để hoàn thành một sản phẩm dịch vụ “Xây dựng các mô hình hiệu quả năng lượng cho các cơ sở sử dụng năng lượng” theo quy trình và tiêu chí chất lượng dịch vụ đã quy định; Mức hao phí máy móc, thiết bị tính bằng ca máy, mỗi ca tương ứng với 8 giờ.

b) Khi xây dựng đơn giá: Giá ca máy móc, thiết bị được tính theo giá công bố của đơn vị có thẩm quyền tại thời điểm tính giá hoặc tính như sau:

Giá ca máy móc, thiết bị có sử dụng điện năng (hoặc nhiên liệu khác) được tính bao gồm chi phí khấu hao máy, chi phí điện năng (hoặc nhiên liệu khác) sử dụng máy tương ứng với công suất tiêu thụ của máy móc thiết bị.

Giá ca máy ô tô được tính theo giá thị trường tại thời điểm tính giá và phù hợp với quy định của pháp luật về dịch vụ thuê, mua ngoài.

2.3. Định mức vật tư

Định mức vật tư là mức hao phí cần thiết của nguyên liệu, vật liệu trực tiếp (bao gồm nguyên liệu, vật liệu, nhiên liệu, động lực, công cụ, dụng cụ tiêu hao và hao hụt), tính bằng số lượng và chủng loại các loại vật tư phù hợp yêu cầu để hoàn thành một sản phẩm dịch vụ “Xây dựng các mô hình hiệu quả năng lượng cho các cơ sở sử dụng năng lượng” quy trình và tiêu chí chất lượng dịch vụ đã quy định.

2.4. Chi phí gián tiếp

Là các chi phí gián tiếp, được quy định theo tỷ lệ phần trăm (%) của tổng các hao phí về lao động, máy móc, thiết bị và vật tư trong quá trình triển khai thực hiện hoàn thành một sản phẩm dịch vụ “Xây dựng các mô hình hiệu quả năng lượng cho các cơ sở sử dụng năng lượng”; bao gồm chi phí lao động, máy móc, thiết bị, vật tư gián tiếp (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ) và chi phí gián tiếp khác (nếu có).

Khi xây dựng đơn giá, chi phí gián tiếp được tính bằng tỷ lệ % nhân với tổng chi phí lao động, máy móc, thiết bị và vật tư theo quy định tại bảng định mức.

3. Áp dụng định mức

3.1. Định mức kinh tế - kỹ thuật công tác tổ chức hỗ trợ xây dựng mô hình hiệu quả năng lượng bao gồm các hao phí (lao động, máy móc, thiết bị, vật tư và chi phí gián tiếp) của đơn vị thực hiện dịch vụ, được áp dụng đối với quy mô 01 kế hoạch/01 nhiệm vụ tổ chức hỗ trợ tính định mức là 30 doanh nghiệp/đơn vị.

a) Trường hợp quy mô tăng 01 doanh nghiệp/đơn vị để thực hiện hỗ trợ thì định mức lao động và định mức máy móc, thiết bị được nhân với hệ số tăng là $k=1+(1 \times 0,025)$.

Ví dụ nếu tăng 02 doanh nghiệp/đơn vị thì định mức lao động và định mức máy móc thiết bị được nhân với hệ số tăng là $k=1+(2 \times 0,025) = 1,05$.

b) Trường hợp quy mô giảm 01 doanh nghiệp/đơn vị để thực hiện hỗ trợ thì định mức lao động và định mức máy móc, thiết bị được nhân với hệ số giảm là $k=1-(1 \times 0,025)$.

Ví dụ giảm 03 cơ sở sản xuất thì định mức lao động và định mức máy móc thiết bị được nhân với hệ số giảm là $k=1-(3 \times 0,025)=0,925$.

3.2. Định mức chưa bao gồm hao phí, chi phí của: thành viên thẩm định, thành viên hội đồng kiểm tra, giám sát của cấp có thẩm quyền (nếu có); chi phí tiền thưởng theo quy định của cấp có thẩm quyền; cán bộ tham gia của đơn vị/doanh nghiệp được hỗ trợ; chi phí thuê, mua ngoài.

3.3. Khi xây dựng đơn giá (phương án giá), các chi phí quy định tại điểm 3.2, khoản 3, phần I của phụ lục này sẽ được xác định theo khối lượng được cấp có thẩm quyền phê duyệt, quy định của cấp có thẩm quyền về chế độ tiền thưởng, quy định của Luật đấu thầu và các quy định có liên quan về mua sắm dịch vụ/hàng hóa, quy định về công tác phí, quy định về hội nghị hội thảo và các quy định hiện hành khác có liên quan.

II. QUY TRÌNH VÀ TIÊU CHÍ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ

1. Quy trình thực hiện dịch vụ

Dịch vụ “Xây dựng các mô hình hiệu quả năng lượng cho các cơ sở sử dụng năng lượng” thực hiện theo quy trình sau:

TT	Quy trình thực hiện dịch vụ
Bước 1	Tiếp nhận nhiệm vụ
1.1	Tiếp nhận kế hoạch sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt
1.2	Tổ chức họp phân tích yêu cầu giao chỉ tiêu, nội dung, hình thức, thời gian thực hiện để xây dựng kế hoạch chi tiết thực hiện nhiệm vụ
1.3	Xây dựng kế hoạch chi tiết, dự toán kinh phí (nếu có) chuẩn bị thực hiện nhiệm vụ
1.4	Trình cấp có thẩm quyền phê duyệt kế hoạch chi tiết, dự toán kinh phí (nếu có) thực hiện nhiệm vụ
Bước 2	Thành lập tổ chuyên gia thực hiện nhiệm vụ
Bước 3	Khảo sát, thu thập nội bộ dữ liệu về hiện trạng quản lý và sử dụng năng lượng các đơn vị trong nhiệm vụ
Bước 4	Phân tích, đánh giá hiện trạng quản lý và sử dụng năng lượng các đơn vị trong nhiệm vụ
Bước 5	Lựa chọn danh sách các cơ sở thực hiện xây dựng mô hình hiệu quả năng lượng cho các cơ sở sử dụng năng lượng
5.1	Lựa chọn danh sách các cơ sở thực hiện xây dựng mô hình hiệu quả năng lượng cho các cơ sở sử dụng năng lượng đáp ứng nhiệm vụ được giao
Bước 6	Phê duyệt danh sách các cơ sở thực hiện xây dựng mô hình hiệu quả năng lượng cho các cơ sở sử dụng năng lượng
Bước 7	Xây dựng văn bản gửi các đơn vị liên quan
7.1	Xây dựng, trình phê duyệt văn bản gửi các đơn vị liên quan phối hợp triển khai nhiệm vụ
7.2	Gửi văn bản đến các đơn vị
Bước 8	Xây dựng và phê duyệt kế hoạch thực hiện với cơ sở, doanh nghiệp
8.1	Làm việc với cơ sở được lựa chọn, thu thập thông tin của doanh nghiệp (Quy mô sản xuất, hệ thống thiết bị...)
8.2	Xây dựng và phê duyệt kế hoạch
Bước 9	Họp triển khai tại cơ sở
Bước 10	Thu thập dữ liệu sẵn có tại cơ sở
Bước 11	Họp rà soát dữ liệu sẵn có tại cơ sở

TT	Quy trình thực hiện dịch vụ
Bước 12	Khảo sát hiện trạng quy trình sản xuất, thiết bị sử dụng năng lượng
Bước 13	Họp thảo luận kết quả khảo sát
Bước 14	Thực hiện đo kiểm chi tiết tại cơ sở
Bước 15	Họp đoàn khảo sát rà soát kết quả đo kiểm tại cơ sở
Bước 16	Báo cáo sơ bộ kết quả khảo sát, đo kiểm tại cơ sở
Bước 17	Tổng hợp, phân tích các dữ liệu sẵn có của cơ sở
Bước 18	Tổng hợp, phân tích các kết quả đo kiểm tại cơ sở
Bước 19	Họp thảo luận kết quả phân tích dữ liệu thu thập
Bước 20	Nghiên cứu đề xuất xây dựng mô hình hiệu quả năng lượng
20.1	Phân tích, lựa chọn mô hình
20.2	Lập phương án thi công lắp đặt
20.3	Phân tích hiệu quả kinh tế - kỹ thuật của mô hình
Bước 21	Họp thảo luận kết quả phân tích hiệu quả mô hình
Bước 22	Xây dựng hướng dẫn sử dụng/hướng dẫn kỹ thuật
Bước 23	Tổng hợp, xây dựng báo cáo đánh giá hiệu quả xây dựng các mô hình
Bước 24	Duyệt báo cáo đánh giá hiệu quả xây dựng các mô hình cấp tổ chuyên gia
Bước 25	Duyệt báo cáo đánh giá hiệu quả xây dựng các mô hình cấp đơn vị
Bước 26	Tổ chức hội nghị thống nhất báo cáo mô hình với cơ sở được hỗ trợ
Bước 27	In báo cáo, xác nhận báo cáo và biên bản kết thúc công việc
Bước 28	Thanh quyết toán
28.1	Tổng hợp hồ sơ, chứng từ liên quan
28.2	Bàn giao hồ sơ, chứng từ cho bộ phận kế toán
28.3	Lưu hồ sơ

2. Tiêu chí chất lượng dịch vụ

Dịch vụ “Xây dựng các mô hình hiệu quả năng lượng cho các cơ sở sử dụng năng lượng” bao gồm các tiêu chí chất lượng sau:

TT	TÊN TIÊU CHÍ	YÊU CẦU ĐÁP ỨNG	PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA
1	Tiêu chí đối với chức năng, nhiệm vụ của đơn vị cung cấp dịch vụ	- Có đăng ký kinh doanh/Quyết định/ Giấy phép hành nghề về lĩnh vực sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả theo quy định	Đối chiếu đăng ký kinh doanh/Quyết định/Giấy phép hành nghề của đơn vị
		- Có kinh nghiệm hoạt động trong lĩnh vực kiểm toán năng lượng/xây dựng mô hình quản lý năng lượng cho các cơ sở sử dụng năng lượng	Đối chiếu các nhiệm vụ/hợp đồng/dự án đơn vị đã thực hiện có tính chất tương tự
		- Có đội ngũ chuyên gia được cấp chứng nhận/chứng chỉ kiểm toán viên năng lượng/người quản lý năng lượng được cấp có thẩm quyền phê duyệt	Đối chiếu hồ sơ nhân sự của đơn vị
		- Có trang thiết bị đo chuyên dụng để đánh giá hiệu suất sử dụng năng lượng	Đối chiếu hồ sơ trang thiết bị của đơn vị
2	Tiêu chí về xây dựng kế hoạch	- Nội dung kế hoạch xây dựng mô hình hiệu quả năng lượng cần phù hợp với chương trình, kế hoạch về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả đã được phê duyệt	Đối chiếu nội dung trong chương trình, kế hoạch đã được phê duyệt
		- Nội dung kế hoạch xây dựng mô hình hiệu quả năng lượng có tính khả thi, được cấp có thẩm quyền phê duyệt	Đối chiếu nội dung trong kế hoạch đã được phê duyệt
3	Tiêu chí về lựa chọn cơ sở được hỗ trợ xây dựng các mô hình hiệu quả năng lượng	- Danh sách các cơ sở được lựa chọn hỗ trợ thực hiện xây dựng mô hình năng lượng hiệu quả phải đáp ứng các yêu cầu theo kế hoạch đã được duyệt	Đối chiếu với nội dung trong kế hoạch được phê duyệt

TT	TÊN TIÊU CHÍ	YÊU CẦU ĐÁP ỨNG	PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA
4	Tiêu chí về thực hiện hỗ trợ xây dựng các mô hình hiệu quả năng lượng	- Nội dung thực hiện cần đánh giá được thực trạng của cơ sở và đề xuất được mô hình giúp cơ sở nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng	Đối chiếu với xác nhận của cơ sở được hỗ trợ về nội dung thực hiện
		- Báo cáo được xác nhận (ký, đóng dấu) của cơ sở được hỗ trợ	Kiểm tra tình trạng xác nhận của cơ sở được hỗ trợ
5	Tiêu chí về kết quả thực hiện dịch vụ	- Cơ sở được hỗ trợ cần cam kết về việc sẽ áp dụng mô hình năng lượng hiệu quả để nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng	Kiểm tra, đối chiếu cam kết của cơ sở được hỗ trợ

III. ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

Định mức kinh tế - kỹ thuật thực hiện dịch vụ “Xây dựng các mô hình hiệu quả năng lượng cho các cơ sở sử dụng năng lượng” như sau:

3.1. Định mức kinh tế-kỹ thuật đối với công tác tổ chức hỗ trợ xây dựng mô hình hiệu quả năng lượng

Đơn vị tính: 01 kế hoạch/ 01 nhiệm vụ (quy mô 30 doanh nghiệp/đơn vị)

Mã	Thành phần hao phí	Đơn vị tính	Trị số định mức
04.01			
1	Định mức lao động		
	Chuyên viên loại A2.1 bậc 2/8	Công	6,25
	Chuyên viên loại A1 bậc 3/9	Công	126,38
	Chuyên viên loại A1 bậc 5/9	Công	8,13
2	Định mức máy móc, thiết bị		
	Máy tính để bàn	Ca	137,50
	Máy tính xách tay	Ca	2,00
	Máy in A4 đen trắng	Ca	0,48

	Máy điện thoại di động	Ca	15,00
	Máy chiếu	Ca	0,50
	Ô tô 4 chỗ	Ca	7,50
3	Định mức vật tư		
	Giấy in A4	Ram	2,59
	Mực in A4 đen trắng	Hộp	0,329
4	Chi phí gián tiếp	%	21%

3.2. Định mức kinh tế-kỹ thuật đối với công tác xây dựng mô hình hiệu quả năng lượng

Đơn vị tính: 01 doanh nghiệp/đơn vị

Mã	Thành phần hao phí	Đơn vị tính	Trị số định mức
04.02			
1	Định mức lao động		
	Chuyên viên loại A2.1 bậc 2/8	Công	3,25
	Chuyên viên loại A1 bậc 3/9	Công	98,00
	Chuyên viên loại A1 bậc 5/9	Công	35,50
2	Định mức máy móc, thiết bị		
	Máy tính để bàn	Ca	72,75
	Máy tính xách tay	Ca	62,50
	Máy in A4 đen trắng	Ca	1,54
	Máy điện thoại di động	Ca	13,83
	Máy chiếu	Ca	2,50
	Máy ảnh	Ca	3,00
	Ô tô 7 chỗ	Ca	14,17
	Bộ máy đo chuyên dụng (Danh sách các máy đo kèm theo)	Ca	9,00
3	Định mức vật tư		
	Giấy in A4	Ram	7,77
	Mực in A4 đen trắng	Hộp	1,056
	Pin 9V	Cái	15,400
4	Chi phí gián tiếp	%	21%

Ghi chú: Bộ máy đo chuyên dụng gồm danh sách các máy đo như sau:

- + Đồng hồ ampe kìm
- + Đồng hồ đa năng
- + Thiết bị phân tích điện năng
- + Thiết bị đo nhiệt độ hồng ngoại
- + Thiết bị đo độ rọi lux kế (độ chiếu sáng)
- + Đo nồng độ CO_2
- + Máy phân tích khí thải
- + Thiết bị đo độ ẩm, nhiệt độ, tốc độ gió
- + Thiết bị đo lưu lượng bằng siêu âm
- + Máy chụp hình Hồng ngoại
- + Máy đo cách nhiệt SHGC

PHỤ LỤC SỐ 05**ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT**

Tên dịch vụ: Hỗ trợ kỹ thuật kiểm toán năng lượng, đánh giá hiệu quả năng lượng theo Quy chuẩn Việt Nam cho các cơ sở sử dụng năng lượng: sản xuất công nghiệp, công trình xây dựng, giao thông vận tải...

(Ban hành kèm theo Quyết định số 42/2025/QĐ-UBND ngày 15 tháng 7 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội)

Hà Nội, 2025

MỤC LỤC

Trang

I. QUY ĐỊNH CHUNG

1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng
2. Nội dung định mức kinh tế - kỹ thuật
3. Áp dụng định mức

II. QUY TRÌNH VÀ TIÊU CHÍ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ

1. Quy trình thực hiện dịch vụ
2. Tiêu chí chất lượng dịch vụ

III. ĐỊNH MỨC KT-KT THỰC HIỆN DỊCH VỤ

I. QUY ĐỊNH CHUNG

1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1.1. Phạm vi điều chỉnh:

Định mức kinh tế - kỹ thuật ban hành quy định quy trình, tiêu chí chất lượng dịch vụ, định mức kinh tế - kỹ thuật với các thành phần cơ bản: định mức lao động, định mức vật tư, định mức máy móc, thiết bị và các chi phí gián tiếp để hoàn thành một dịch vụ “Hỗ trợ kỹ thuật kiểm toán năng lượng, đánh giá hiệu quả năng lượng theo Quy chuẩn Việt Nam cho các cơ sở sử dụng năng lượng: sản xuất công nghiệp, công trình xây dựng, giao thông vận tải...” của các đơn vị cung ứng dịch vụ.

1.2. Đối tượng áp dụng:

a) Đối tượng áp dụng định mức kinh tế - kỹ thuật:

Các cơ quan, tổ chức, đơn vị có chức năng phục vụ quản lý nhà nước lĩnh vực công thương và cung cấp dịch vụ sự nghiệp công trong lĩnh vực công thương được giao theo quy định của pháp luật.

Các cơ quan, tổ chức khác có liên quan đến tổ chức thực hiện dịch vụ sự nghiệp công lĩnh vực công thương thành phố Hà Nội sử dụng ngân sách nhà nước.

b) Khuyến khích cơ quan, tổ chức không sử dụng ngân sách nhà nước áp dụng định mức kinh tế - kỹ thuật này.

2. Nội dung định mức kinh tế - kỹ thuật

Định mức kinh tế - kỹ thuật được xây dựng trên cơ sở quy trình và tiêu chí chất lượng dịch vụ đã quy định. Nội dung định mức kinh tế - kỹ thuật bao gồm các hao phí về lao động, máy móc, thiết bị, vật tư và chi phí gián tiếp để hoàn thành việc thực hiện một dịch vụ “Hỗ trợ kỹ thuật kiểm toán năng lượng, đánh giá hiệu quả năng lượng theo Quy chuẩn Việt Nam cho các cơ sở sử dụng năng lượng: sản xuất công nghiệp, công trình xây dựng, giao thông vận tải...”.

2.1. Định mức lao động

Định mức lao động là mức hao phí cần thiết tính bằng ngày công của các loại lao động trực tiếp (thực hiện) phù hợp yêu cầu, để hoàn thành một dịch vụ “Hỗ trợ kỹ thuật kiểm toán năng lượng, đánh giá hiệu quả năng lượng theo Quy chuẩn Việt Nam cho các cơ sở sử dụng năng lượng: sản xuất công nghiệp, công trình xây dựng, giao thông vận tải...” theo quy trình và tiêu chí chất lượng dịch vụ đã quy định.

Mỗi công lao động tương ứng với 8 giờ làm việc; loại lao động yêu cầu được xếp ngạch trong bảng lương ban hành kèm theo Nghị định 204/2004/NĐ-CP ngày 24/12/2004 của Chính phủ và các quy định hiện hành khi có sự thay đổi về chính sách tiền lương thay thế Nghị định 204/2004/NĐ-CP của các cơ quan có thẩm quyền.

Trường hợp đơn vị, tổ chức thực hiện dịch vụ sự nghiệp công không có các chức danh lao động như trong bảng định mức thì có thể áp dụng lao động khác đảm bảo yêu cầu về trình độ lao động và kinh nghiệm của lao động tương đương với bậc lao động qui định trong bảng định mức.

2.2. Định mức máy móc, thiết bị

a) Định mức máy móc, thiết bị là mức hao phí cần thiết trực tiếp của các loại máy móc, thiết bị phù hợp yêu cầu để hoàn thành một sản phẩm dịch vụ “Hỗ trợ kỹ thuật kiểm toán năng lượng, đánh giá hiệu quả năng lượng theo Quy chuẩn Việt Nam cho các cơ sở sử dụng năng lượng: sản xuất công nghiệp, công trình xây dựng, giao thông vận tải...” theo quy trình và tiêu chí chất lượng dịch vụ đã quy định; Mức hao phí máy móc, thiết bị tính bằng ca máy, mỗi ca tương ứng với 8 giờ.

b) Khi xây dựng đơn giá: Giá ca máy móc, thiết bị được tính theo giá công bố của đơn vị có thẩm quyền tại thời điểm tính giá hoặc tính như sau:

Giá ca máy móc, thiết bị có sử dụng điện năng (hoặc nhiên liệu khác) được tính bao gồm chi phí khấu hao máy, chi phí điện năng (hoặc nhiên liệu khác) sử dụng máy tương ứng với công suất tiêu thụ của máy móc thiết bị.

Giá ca máy ô tô được tính theo giá thị trường tại thời điểm tính giá và phù hợp với quy định của pháp luật về dịch vụ thuê, mua ngoài.

2.3. Định mức vật tư

Định mức vật tư là mức hao phí cần thiết của nguyên liệu, vật liệu trực tiếp (bao gồm nguyên liệu, vật liệu, nhiên liệu, động lực, công cụ, dụng cụ tiêu hao và hao hụt), tính bằng số lượng và chủng loại các loại vật tư phù hợp yêu cầu để hoàn thành một sản phẩm dịch vụ “Hỗ trợ kỹ thuật kiểm toán năng lượng, đánh giá hiệu quả năng lượng theo Quy chuẩn Việt Nam cho các cơ sở sử dụng năng lượng: sản xuất công nghiệp, công trình xây dựng, giao thông vận tải...” theo quy trình và tiêu chí chất lượng dịch vụ đã quy định.

2.4. Chi phí gián tiếp

Là các chi phí gián tiếp, được quy định theo tỷ lệ phần trăm (%) của tổng các hao phí về lao động, máy móc, thiết bị và vật tư trong quá trình triển khai thực hiện hoàn thành một sản phẩm dịch vụ “Hỗ trợ kỹ thuật kiểm toán năng lượng, đánh giá hiệu quả năng lượng theo Quy chuẩn Việt Nam cho các cơ sở sử dụng năng lượng: sản xuất công nghiệp, công trình xây dựng, giao thông vận tải...”; bao gồm chi phí lao động, máy móc, thiết bị, vật tư gián tiếp (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ) và chi phí gián tiếp khác (nếu có).

Khi xây dựng đơn giá, chi phí gián tiếp được tính bằng tỷ lệ % nhân với tổng chi phí lao động, máy móc, thiết bị và vật tư theo quy định tại bảng định mức.

3. Áp dụng định mức

3.1. Định mức kinh tế - kỹ thuật công tác tổ chức hỗ trợ kỹ thuật kiểm toán năng lượng, đánh giá hiệu quả năng lượng bao gồm các hao phí (lao động, máy móc, thiết bị, vật tư và chi phí gián tiếp) của đơn vị thực hiện dịch vụ, được áp dụng đối với quy mô 01 kế hoạch/01 nhiệm vụ tổ chức hỗ trợ kỹ thuật kiểm toán năng lượng, đánh giá hiệu quả năng lượng tính định mức là 30 cơ sở (30 doanh nghiệp/đơn vị/cơ sở sử dụng năng lượng trong sản xuất công nghiệp, công trình xây dựng, giao thông vận tải, ...).

a) Trường hợp tăng 01 cơ sở để thực hiện hỗ trợ kỹ thuật kiểm toán năng lượng, đánh giá hiệu quả năng lượng thì định mức lao động và định mức máy móc, thiết bị được nhân với hệ số tăng là $k=1+(1 \times 0,025)$.

Ví dụ nếu tăng 02 cơ sở sản xuất thì định mức lao động và định mức máy móc thiết bị được nhân với hệ số tăng là $k=1+(2 \times 0,025) = 1,05$.

b) Trường hợp giảm 01 cơ sở để thực hiện hỗ trợ kỹ thuật kiểm toán năng lượng và đánh giá hiệu quả năng lượng thì định mức lao động và định mức máy móc, thiết bị được nhân với hệ số giảm là $k=1 - (1 \times 0,025)$.

Ví dụ giảm 03 cơ sở sản xuất thì định mức lao động và định mức máy móc thiết bị được nhân với hệ số giảm là $k=1 - (3 \times 0,025) = 0,925$.

3.2. Định mức kinh tế - kỹ thuật công tác thực hiện kiểm toán năng lượng, đánh giá hiệu quả năng lượng bao gồm các hao phí (lao động, máy móc, thiết bị, vật tư và chi phí gián tiếp) của đơn vị thực hiện dịch vụ cho 01 cơ sở (01 doanh nghiệp/01 đơn vị/cơ sở sử dụng năng lượng trong sản xuất công nghiệp, công trình xây dựng, giao thông vận tải, ...).

3.3. Định mức chưa bao gồm hao phí, chi phí của: thành viên thẩm định, thành viên hội đồng kiểm tra, giám sát của cấp có thẩm quyền (nếu có); chi phí tiền thưởng theo quy định của cấp có thẩm quyền; cán bộ tham gia của đơn vị/doanh nghiệp được hỗ trợ; chi phí thuê, mua ngoài.

3.4. Khi xây dựng đơn giá (phương án giá), các chi phí quy định tại mục 3.3, khoản 3, phần I của phụ lục này sẽ được xác định theo khối lượng được cấp có thẩm quyền phê duyệt, quy định của cấp có thẩm quyền về chế độ tiền thưởng, quy định của Luật đấu thầu và các quy định có liên quan về mua sắm dịch vụ/hàng hóa, quy định về công tác phí, quy định về hội nghị hội thảo và các quy định hiện hành khác có liên quan.

II. QUY TRÌNH VÀ TIÊU CHÍ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ

1. Quy trình thực hiện dịch vụ

Dịch vụ “Hỗ trợ kỹ thuật kiểm toán năng lượng, đánh giá hiệu quả năng lượng theo Quy chuẩn Việt Nam cho các cơ sở sử dụng năng lượng: sản xuất công nghiệp, công trình xây dựng, giao thông vận tải...” thực hiện theo quy trình sau:

TT	Quy trình thực hiện dịch vụ
Bước 1	Tiếp nhận nhiệm vụ Hỗ trợ kỹ thuật kiểm toán năng lượng, đánh giá hiệu quả năng lượng
1.1	Tiếp nhận kế hoạch Hỗ trợ kỹ thuật kiểm toán năng lượng, đánh giá hiệu quả năng lượng sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt
1.2	Xây dựng kế hoạch chi tiết, dự toán kinh phí (nếu có) hỗ trợ kỹ thuật kiểm toán năng lượng, đánh giá hiệu quả năng lượng
1.3	Trình cấp có thẩm quyền phê duyệt kế hoạch chi tiết, dự toán kinh phí (nếu có) thực hiện nhiệm vụ
Bước 2	Thành lập đoàn Kiểm toán năng lượng, đánh giá hiệu quả năng lượng (gọi tắt là KTNL)
2.1	Thành lập đoàn KTNL, quyết định phê duyệt danh sách đoàn KTNL
Bước 3	Thu thập dữ liệu về hiện trạng quản lý và sử dụng năng lượng của các đơn vị
Bước 4	Phân tích, đánh giá hiện trạng quản lý và sử dụng năng lượng của các đơn vị
Bước 5	Lựa chọn danh sách các cơ sở thực hiện KTNL

TT	Quy trình thực hiện dịch vụ
5.1	Lựa chọn danh sách các cơ sở thực hiện KTNL đáp ứng nhiệm vụ được giao
Bước 6	Phê duyệt danh sách các cơ sở thực hiện KTNL
Bước 7	Làm việc với cơ sở được lựa chọn, thu thập thông tin của doanh nghiệp (quy mô sản xuất, hệ thống thiết bị và các thông tin khác liên quan), Xây dựng kế hoạch KTNL
Bước 8	Họp khai mạc tại cơ sở
Bước 9	Thu thập dữ liệu sẵn có tại cơ sở
Bước 10	Họp rà soát dữ liệu sẵn có tại cơ sở
Bước 11	Khảo sát hiện trạng quy trình sản xuất, thiết bị sử dụng năng lượng
Bước 12	Họp thảo luận kết quả khảo sát
Bước 13	Thực hiện đo kiểm chi tiết tại cơ sở
Bước 14	Họp đoàn khảo sát rà soát kết quả đo kiểm tại cơ sở
Bước 15	Báo cáo sơ bộ kết quả khảo sát, đo kiểm tại cơ sở
Bước 16	Tổng hợp, phân tích các dữ liệu sẵn có của cơ sở
Bước 17	Tổng hợp, phân tích các kết quả đo kiểm tại cơ sở
Bước 18	Họp thảo luận kết quả phân tích dữ liệu thu thập
Bước 19	Đề xuất, phân tích hiệu quả kinh tế - kỹ thuật các giải pháp quản lý
Bước 20	Đề xuất, phân tích hiệu quả kinh tế - kỹ thuật các giải pháp kỹ thuật
Bước 21	Họp thảo luận kết quả phân tích hiệu quả kinh tế - kỹ thuật
Bước 22	Tổng hợp, xây dựng báo cáo KTNL
Bước 23	Duyệt báo cáo kết quả KTNL cấp tổ chuyên gia
Bước 24	Duyệt báo cáo kết quả KTNL cấp đơn vị
Bước 25	Tổ chức hội nghị thống nhất báo cáo kết quả KTNL với cơ sở được kiểm toán
Bước 26	In báo cáo KTNL, xác nhận báo cáo KTNL và biên bản kết thúc công việc
Bước 27	Thanh quyết toán
27.1	Tổng hợp hồ sơ, chứng từ liên quan
27.2	Bàn giao hồ sơ, chứng từ cho bộ phận kế toán
27.3	Lưu hồ sơ

2. Tiêu chí chất lượng dịch vụ

Dịch vụ “Hỗ trợ kỹ thuật kiểm toán năng lượng, đánh giá hiệu quả năng lượng theo Quy chuẩn Việt Nam cho các cơ sở sử dụng năng lượng: sản xuất công nghiệp, công trình xây dựng, giao thông vận tải...” bao gồm các tiêu chí chất lượng sau:

TT	TÊN TIÊU CHÍ	YÊU CẦU ĐÁP ỨNG	PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA
1	Tiêu chí đối với chức năng, nhiệm vụ của đơn vị cung cấp dịch vụ	Có đăng ký kinh doanh/Quyết định chức năng nhiệm vụ/ Giấy phép hành nghề về lĩnh vực kiểm toán năng lượng/đánh giá hiệu quả năng lượng theo quy định.	Đối chiếu đăng ký kinh doanh/ Quyết định/ Giấy phép hành nghề của đơn vị
		Có kinh nghiệm hoạt động trong lĩnh vực kiểm toán năng lượng, đánh giá hiệu quả năng lượng theo quy chuẩn Việt Nam cho các cơ sở sử dụng năng lượng.	Đối chiếu các nhiệm vụ/hợp đồng/dự án đơn vị đã thực hiện có tính chất tương tự
		Có đội ngũ kiểm toán viên năng lượng được cấp chứng chỉ theo quy định	Đối chiếu hồ sơ nhân sự của đơn vị
		Có trang thiết bị phục vụ kiểm toán năng lượng theo quy định	Đối chiếu hồ sơ trang thiết bị của đơn vị
2	Tiêu chí về xây dựng kế hoạch	Nội dung kế hoạch kiểm toán năng lượng, đánh giá hiệu quả năng lượng theo Quy chuẩn Việt Nam cần phù hợp với chương trình, kế hoạch về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả đã được phê duyệt.	Đối chiếu với nội dung trong chương trình, kế hoạch đã được phê duyệt.
		Nội dung kế hoạch kiểm toán năng lượng, đánh giá hiệu quả năng lượng theo Quy chuẩn Việt Nam có tính khả thi, được cấp có thẩm quyền phê duyệt	Đối chiếu với nội dung trong kế hoạch được phê duyệt

TT	TÊN TIÊU CHÍ	YÊU CẦU ĐÁP ỨNG	PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA
3	Tiêu chí về lựa chọn đơn vị được hỗ trợ kỹ thuật	Danh sách các đơn vị được lựa chọn hỗ trợ thực hiện kiểm toán năng lượng, đánh giá hiệu quả năng lượng phải đáp ứng các yêu cầu theo kế hoạch đã được duyệt.	Đối chiếu với nội dung trong kế hoạch được phê duyệt
4	Tiêu chí về thực hiện hỗ trợ kỹ thuật	Nội dung thực hiện đáp ứng quy trình, yêu cầu theo quy định của các cấp có thẩm quyền	Đối chiếu với quy định của cơ quan có thẩm quyền, xác nhận của cơ sở được hỗ trợ về nội dung thực hiện.
		Bố cục báo cáo cần tuân thủ theo các quy định của cơ quan có thẩm quyền	Đối chiếu với quy định của cơ quan có thẩm quyền
		Báo cáo được xác nhận (ký, đóng dấu) của đơn vị được hỗ trợ	Kiểm tra tình trạng xác nhận của cơ sở được hỗ trợ
5	Tiêu chí về kết quả thực hiện dịch vụ	Cơ sở được hỗ trợ cam kết về việc sẽ triển khai áp dụng giải pháp đã trình bày trong báo cáo để nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng	Kiểm tra, đối chiếu cam kết của cơ sở được hỗ trợ

III. ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

Định mức kinh tế - kỹ thuật thực hiện dịch “Hỗ trợ kỹ thuật kiểm toán năng lượng, đánh giá hiệu quả năng lượng theo Quy chuẩn Việt Nam cho các cơ sở sử dụng năng lượng: sản xuất công nghiệp, công trình xây dựng, giao thông vận tải...” như sau:

1. Định mức kinh tế - kỹ thuật đối với công tác tổ chức hỗ trợ kỹ thuật kiểm toán năng lượng, đánh giá hiệu quả năng lượng

Đơn vị tính: 01 kế hoạch/ 01 nhiệm vụ

Mã	Thành phần hao phí	Đơn vị tính	Trị số định mức
05.01.00			
1	Định mức lao động		
	Chuyên viên chính A2.1 bậc 2/8	Công	5,500
	Chuyên viên A1 bậc 6/9	Công	22,000
	Chuyên viên A1 bậc 5/9	Công	14,000
	Chuyên viên A1 bậc 3/9	Công	195,500
2	Định mức máy móc, thiết bị		
	Máy tính để bàn	Ca	142,000
	Máy tính xách tay	Ca	90,000
	Máy in A4 đen trắng	Ca	0,021
	Máy chiếu	Ca	0,500
	Ô tô 4 chỗ	Ca	15,000
	Bộ máy đo chuyên dụng KTNL (Danh sách các máy đo kèm theo)	Ca	-
	Máy điện thoại di động	Ca	15,000
3	Định mức vật tư		
	Giấy in A4	Ram	0,66
	Mực in A4 đen	hộp	0,073
	Pin 9v	cái	-
4	Định mức chi phí gián tiếp	%	21%

2. Định mức kinh tế - kỹ thuật đối với công tác thực hiện hỗ trợ kỹ thuật kiểm toán năng lượng, đánh giá hiệu quả năng lượng

Đơn vị tính: 01 cơ sở

Mã hiệu	Thành phần hao phí	Đơn vị tính	Trị số định mức			
			Mức tiêu thụ NL<160T OE hoặc diện tích sàn <2500m2	Mức tiêu thụ NL<320TO E hoặc diện tích sàn <5000m2	Mức tiêu thụ NL<500TO E hoặc diện tích sàn <10000m2	Mức tiêu thụ NL<1.000 TOE hoặc diện tích sàn >1.0000m2
05.02.00						
1	Định mức lao động					
	Chuyên viên chính A2.1 bậc 2/8	Công	0,750	0,750	0,750	0,750
	Chuyên viên A1 bậc 6/9	Công	3,500	3,500	3,500	3,500
	Chuyên viên A1 bậc 5/9	Công	18,000	27,500	41,000	47,000
	Chuyên viên A1 bậc 3/9	Công	54,500	83,000	128,000	156,000
2	Định mức máy móc, thiết bị					
	Máy tính để bàn	Ca	32,500	40,500	63,500	82,500
	Máy tính xách tay	Ca	41,500	67,500	98,000	119,000
	Máy in A4 đen trắng	Ca	0,371	0,372	0,372	0,372
	Máy chiếu	Ca	2,000	2,000	2,500	2,500
	Ô tô 7 chỗ	Ca	7,500	11,500	14,500	18,500
	Bộ máy đo chuyên dụng (Danh sách các máy đo kèm theo)	Ca	3,000	4,000	5,000	7,000
	Máy điện thoại di động	Ca	7,500	11,500	14,500	18,500

Mã hiệu	Thành phần hao phí	Đơn vị tính	Trị số định mức			
			Mức tiêu thụ NL<160T OE hoặc diện tích sàn <2500m2	Mức tiêu thụ NL<320TO E hoặc diện tích sàn <5000m2	Mức tiêu thụ NL<500TO E hoặc diện tích sàn <10000m2	Mức tiêu thụ NL<1.000 TOE hoặc diện tích sàn >1.0000m2
3	Định mức vật tư					
	Giấy in A4	Ram	11,40	11,42	11,11	11,42
	Mực in A4 đen	hộp	1,266	1,268	1,234	1,268
	Pin 9v	cái	15	22	22	22
4	Chi phí gián tiếp	%	21%	21%	21%	21%
			2	3	4	5

Ghi chú: Bộ máy đo chuyên dụng gồm danh sách các máy đo như sau:

- + Đồng hồ ampe kìm
- + Đồng hồ đa năng
- + Thiết bị phân tích điện năng
- + Thiết bị đo nhiệt độ hồng ngoại
- + Thiết bị đo độ rọi lux kế (độ chiếu sáng)
- + Đo nồng độ CO₂
- + Máy phân tích khí thải
- + Thiết bị đo độ ẩm, nhiệt độ, tốc độ gió
- + Thiết bị đo lưu lượng bằng siêu âm
- + Máy chụp hình Hồng ngoại
- + Máy đo cách nhiệt SHGC

PHỤ LỤC SỐ 06**ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT**

**Tên dịch vụ: Hỗ trợ kỹ thuật xây dựng mô hình quản lý năng lượng
cho các cơ sở sử dụng năng lượng trong: sản xuất công nghiệp,
công trình xây dựng, giao thông vận tải,...**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 42/2025/QĐ-UBND ngày 15 tháng 7 năm 2025
của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội)*

Hà Nội, 2025

MỤC LỤC

Trang

I. QUY ĐỊNH CHUNG

1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng
2. Nội dung định mức kinh tế - kỹ thuật
3. Áp dụng định mức

II. QUY TRÌNH VÀ TIÊU CHÍ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ

1. Quy trình thực hiện dịch vụ
2. Tiêu chí chất lượng dịch vụ

III. ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

I. QUY ĐỊNH CHUNG

1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1.1. Phạm vi điều chỉnh:

Định mức kinh tế - kỹ thuật ban hành quy định quy trình, tiêu chí chất lượng dịch vụ, định mức kinh tế - kỹ thuật với các thành phần cơ bản: định mức lao động, định mức vật tư, định mức máy móc, thiết bị và các chi phí gián tiếp để hoàn thành một dịch vụ “Hỗ trợ kỹ thuật xây dựng mô hình quản lý năng lượng cho các cơ sở sử dụng năng lượng trong: sản xuất công nghiệp, công trình xây dựng, giao thông vận tải,...” của các đơn vị cung ứng dịch vụ.

1.2. Đối tượng áp dụng:

a) Đối tượng áp dụng định mức kinh tế - kỹ thuật:

Các cơ quan, tổ chức, đơn vị có chức năng phục vụ quản lý nhà nước lĩnh vực công thương và cung cấp dịch vụ sự nghiệp công trong lĩnh vực công thương được giao theo quy định của pháp luật.

Các cơ quan, tổ chức khác có liên quan đến tổ chức thực hiện dịch vụ sự nghiệp công lĩnh vực công thương thành phố Hà Nội sử dụng ngân sách nhà nước.

b) Khuyến khích cơ quan, tổ chức không sử dụng ngân sách nhà nước áp dụng định mức kinh tế - kỹ thuật này.

2. Nội dung định mức kinh tế - kỹ thuật

Định mức kinh tế - kỹ thuật được xây dựng trên cơ sở quy trình và tiêu chí chất lượng dịch vụ đã quy định. Nội dung định mức kinh tế - kỹ thuật bao gồm các hao phí về lao động, máy móc, thiết bị, vật tư và chi phí gián tiếp để hoàn thành việc thực hiện một dịch vụ “Hỗ trợ kỹ thuật xây dựng mô hình quản lý năng lượng cho các cơ sở sử dụng năng lượng trong: sản xuất công nghiệp, công trình xây dựng, giao thông vận tải,...”.

2.1. Định mức lao động

Định mức lao động là mức hao phí cần thiết tính bằng ngày công của các loại lao động trực tiếp (thực hiện) phù hợp yêu cầu, để hoàn thành một dịch vụ “Hỗ trợ kỹ thuật xây dựng mô hình quản lý năng lượng cho các cơ sở sử dụng năng lượng trong: sản xuất công nghiệp, công trình xây dựng, giao thông vận tải,...” theo quy trình và tiêu chí chất lượng dịch vụ đã quy định.

Mỗi công lao động tương ứng với 8 giờ làm việc; loại lao động yêu cầu được xếp ngạch trong bảng lương ban hành kèm theo Nghị định 204/2004/NĐ-CP ngày 24/12/2004 của Chính phủ và các quy định hiện hành khi có sự thay đổi về chính sách tiền lương thay thế Nghị định 204/2004/NĐ-CP của các cơ quan có thẩm quyền.

Trường hợp đơn vị, tổ chức thực hiện dịch vụ sự nghiệp công không có các chức danh lao động như trong bảng định mức thì có thể áp dụng lao động khác đảm bảo yêu cầu về trình độ lao động và kinh nghiệm của lao động tương đương với bậc lao động qui định trong bảng định mức.

2.2. Định mức máy móc, thiết bị

a) Định mức máy móc, thiết bị là mức hao phí cần thiết trực tiếp của các loại máy móc, thiết bị phù hợp yêu cầu để hoàn thành một sản phẩm dịch vụ “Hỗ trợ kỹ thuật xây dựng mô hình quản lý năng lượng cho các cơ sở sử dụng năng lượng trong: sản xuất công nghiệp, công trình xây dựng, giao thông vận tải...” theo quy trình và tiêu chí chất lượng dịch vụ đã quy định; Mức hao phí máy móc, thiết bị tính bằng ca máy, mỗi ca tương ứng với 8 giờ.

b) Khi xây dựng đơn giá: Giá ca máy móc, thiết bị được tính theo giá công bố của đơn vị có thẩm quyền tại thời điểm tính giá hoặc tính như sau:

Giá ca máy móc, thiết bị có sử dụng điện năng (hoặc nhiên liệu khác) được tính bao gồm chi phí khấu hao máy, chi phí điện năng (hoặc nhiên liệu khác) sử dụng máy tương ứng với công suất tiêu thụ của máy móc thiết bị.

Giá ca máy ô tô được tính theo giá thị trường tại thời điểm tính giá và phù hợp với quy định của pháp luật về dịch vụ thuê, mua ngoài.

2.3. Định mức vật tư

Định mức vật tư là mức hao phí cần thiết của nguyên liệu, vật liệu trực tiếp (bao gồm nguyên liệu, vật liệu, nhiên liệu, động lực, công cụ, dụng cụ tiêu hao và hao hụt), tính bằng số lượng và chủng loại các loại vật tư phù hợp yêu cầu để hoàn thành một sản phẩm dịch vụ “Hỗ trợ kỹ thuật xây dựng mô hình quản lý năng lượng cho các cơ sở sử dụng năng lượng trong: sản xuất công nghiệp, công trình xây dựng, giao thông vận tải...” quy trình và tiêu chí chất lượng dịch vụ đã quy định.

2.4. Chi phí gián tiếp

Là các chi phí gián tiếp, được quy định theo tỷ lệ phần trăm (%) của tổng các hao phí về lao động, máy móc, thiết bị và vật tư trong quá trình triển khai thực hiện

hoàn thành một sản phẩm dịch vụ “Hỗ trợ kỹ thuật xây dựng mô hình quản lý năng lượng cho các cơ sở sử dụng năng lượng trong: sản xuất công nghiệp, công trình xây dựng, giao thông vận tải,...”; bao gồm chi phí lao động, máy móc, thiết bị, vật tư gián tiếp (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ) và chi phí gián tiếp khác (nếu có).

Khi xây dựng đơn giá, chi phí gián tiếp được tính bằng tỷ lệ % nhân với tổng chi phí lao động, máy móc, thiết bị và vật tư theo quy định tại bảng định mức.

3. Áp dụng định mức

3.1. Định mức kinh tế - kỹ thuật công tác tổ chức hỗ trợ kỹ thuật xây dựng mô hình quản lý năng lượng bao gồm các hao phí (lao động, máy móc, thiết bị, vật tư và chi phí gián tiếp) của đơn vị thực hiện đối với quy mô 01 kế hoạch/01 nhiệm vụ tổ chức hỗ trợ kỹ thuật xây dựng mô hình quản lý năng lượng là 30 cơ sở (30 doanh nghiệp/đơn vị/cơ sở sử dụng năng lượng trong sản xuất công nghiệp, công trình xây dựng, giao thông vận tải, ...).

a) Trường hợp tăng 01 cơ sở để thực hiện hỗ trợ kỹ thuật xây dựng mô hình quản lý năng lượng thì định mức lao động và định mức máy móc, thiết bị được nhân với hệ số tăng là $k=1+(1 \times 0,03)$.

Ví dụ nếu tăng 02 cơ sở sản xuất thì định mức lao động và định mức máy móc thiết bị được nhân với hệ số tăng là $k=1+(2 \times 0,03) = 1,06$.

b) Trường hợp giảm 01 cơ sở để thực hiện hỗ trợ kỹ thuật xây dựng mô hình quản lý năng lượng thì định mức lao động và định mức máy móc thiết bị được nhân với hệ số giảm là $k=1 - (1 \times 0,03)$.

Ví dụ nếu giảm 03 cơ sở sản xuất thì định mức lao động và định mức máy móc thiết bị được nhân với hệ số giảm là $k=1-(3 \times 0,03) = 0,91$.

3.2. Định mức kinh tế - kỹ thuật công tác thực hiện xây dựng mô hình quản lý năng lượng bao gồm các hao phí (lao động, máy móc, thiết bị, vật tư và chi phí gián tiếp) của đơn vị thực hiện cho 01 cơ sở (01 doanh nghiệp/01 đơn vị/cơ sở sử dụng năng lượng trong sản xuất công nghiệp, công trình xây dựng, giao thông vận tải, ...).

3.3. Định mức chưa bao gồm hao phí, chi phí của: thành viên thẩm định, thành viên hội đồng kiểm tra, giám sát của cấp có thẩm quyền (nếu có); chi phí tiền thưởng theo quy định của cấp có thẩm quyền; cán bộ tham gia của đơn vị/doanh nghiệp được hỗ trợ; chi phí thuê, mua ngoài.

3.4. Khi xây dựng đơn giá (phương án giá), các chi phí quy định tại mục 3.3, khoản 3, phần I của phức lục này sẽ được xác định theo khối lượng được cấp có thẩm quyền phê duyệt, quy định của cấp có thẩm quyền về chế độ tiền thưởng, quy định của Luật đấu thầu và các quy định có liên quan về mua sắm dịch vụ/hàng hóa, quy định về công tác phí, quy định về hội nghị hội thảo và các quy định hiện hành khác có liên quan.

II. QUY TRÌNH VÀ TIÊU CHÍ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ

1. Quy trình thực hiện dịch vụ

Dịch vụ “Hỗ trợ kỹ thuật xây dựng mô hình quản lý năng lượng cho các cơ sở sử dụng năng lượng trong: sản xuất công nghiệp, công trình xây dựng, giao thông vận tải...” thực hiện theo quy trình sau:

TT	Quy trình thực hiện dịch vụ
Bước 1	Tiếp nhận nhiệm vụ Hỗ trợ kỹ thuật xây dựng mô hình quản lý năng lượng (MHQLNL)
1.1	Tiếp nhận kế hoạch Hỗ trợ kỹ thuật xây dựng mô hình quản lý năng lượng sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt
1.2	Tổ chức họp phân tích yêu cầu giao chỉ tiêu, nội dung, hình thức, thời gian thực hiện để xây dựng kế hoạch chi tiết, dự toán kinh phí (nếu có) thực hiện nhiệm vụ
1.3	Trình cấp có thẩm quyền phê duyệt kế hoạch chi tiết, dự toán kinh phí (nếu có) thực hiện nhiệm vụ
Bước 2	Thành lập tổ chuyên gia xây dựng MHQLNL
2.1	Thành lập tổ chuyên gia xây dựng MHQLNL, quyết định phê duyệt danh sách chuyên gia xây dựng MHQLNL
Bước 3	Khảo sát, thu thập dữ liệu về hiện trạng quản lý về sử dụng năng lượng tại các cơ sở
Bước 4	Phân tích, đánh giá hiện trạng quản lý về sử dụng năng lượng tại các cơ sở theo nhiệm vụ được duyệt
Bước 5	Lựa chọn danh sách các cơ sở để thực hiện hỗ trợ kỹ thuật xây dựng MHQLNL
Bước 6	Phê duyệt danh sách các cơ sở để thực hiện hỗ trợ kỹ thuật xây dựng MHQLNL

TT	Quy trình thực hiện dịch vụ
Bước 7	Liên hệ trao đổi, thống nhất nội dung công việc với các cơ sở được hỗ trợ
Bước 8	Xây dựng và phê duyệt kế hoạch xây dựng MHQLNL với từng cơ sở được hỗ trợ
8.1	Làm việc với đơn vị được hỗ trợ, thu thập thông tin của doanh nghiệp (quy mô sản xuất, hệ thống thiết bị...)
Bước 9	Họp khai mạc tại cơ sở
Bước 10	Thu thập dữ liệu sẵn có tại cơ sở
Bước 11	Họp rà soát dữ liệu sẵn có tại cơ sở
Bước 12	Khảo sát hiện trạng quy trình sản xuất, thiết bị sử dụng năng lượng
Bước 13	Họp thảo luận kết quả khảo sát
Bước 14	Thực hiện đo kiểm chi tiết tại cơ sở
Bước 15	Họp đoàn khảo sát rà soát kết quả đo kiểm tại cơ sở
Bước 16	Báo cáo sơ bộ kết quả khảo sát, đo kiểm tại cơ sở
Bước 17	Tổng hợp, phân tích các dữ liệu sẵn có của cơ sở
Bước 18	Họp thảo luận kết quả phân tích dữ liệu thu thập
Bước 19	Trao đổi thảo luận với cơ sở về chính sách năng lượng, hỗ trợ xây dựng chính sách năng lượng.
Bước 20	Hỗ trợ, đề xuất, thành lập Ban QLNL
Bước 21	Xây dựng chức năng, nhiệm vụ của Ban QLNL
Bước 22	Xây dựng mục tiêu, kế hoạch sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả
Bước 23	Xây dựng quy trình quản lý năng lượng
Bước 24	Đào tạo, tập huấn, hướng dẫn vận hành hệ thống QLNL
Bước 25	Tổng hợp, xây dựng báo cáo về mô hình quản lý năng lượng
Bước 26	Duyệt báo cáo mô hình quản lý năng lượng cấp tổ chuyên gia
Bước 27	Duyệt báo cáo mô hình quản lý năng lượng cấp đơn vị
Bước 28	Xác nhận báo cáo xây dựng MHQLNL giữa đơn vị cung cấp dịch vụ với cơ sở được hỗ trợ

TT	Quy trình thực hiện dịch vụ
Bước 29	Biên bản kết thúc công việc của đơn vị cung cấp dịch vụ với cơ sở được hỗ trợ
Bước 30	Thanh quyết toán
30.1	Tổng hợp hồ sơ, chứng từ liên quan
30.2	Bàn giao hồ sơ, chứng từ cho bộ phận kế toán
30.3	Lưu hồ sơ

2. Tiêu chí chất lượng dịch vụ

Dịch vụ “Hỗ trợ kỹ thuật Xây dựng mô hình quản lý năng lượng cho các cơ sở sử dụng năng lượng: sản xuất công nghiệp, công trình xây dựng, giao thông vận tải...” bao gồm các tiêu chí chất lượng sau:

TT	TÊN TIÊU CHÍ	YÊU CẦU ĐÁP ỨNG	PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA
1	Tiêu chí đối với chức năng, nhiệm vụ của đơn vị cung cấp dịch vụ	Có đăng ký kinh doanh/Quyết định/ Giấy phép hành nghề về lĩnh vực điện lực, tiết kiệm năng lượng, hiệu quả theo quy định.	Đối chiếu đăng ký kinh doanh/ Quyết định/ Giấy phép hành nghề của đơn vị
		Có kinh nghiệm hoạt động trong lĩnh vực xây dựng mô hình quản lý năng lượng cho các cơ sở sử dụng năng lượng.	Đối chiếu các nhiệm vụ/hợp đồng/dự án đơn vị đã thực hiện có tính chất tương tự
		Có đội ngũ chuyên gia được cấp chứng nhận/chứng chỉ người quản lý năng lượng hoặc quản lý năng lượng theo tiêu chuẩn ISO 50001 của cấp có thẩm quyền	Đối chiếu hồ sơ nhân sự của đơn vị
		Có trang thiết bị đo chuyên dụng để đánh giá hiệu suất sử dụng năng lượng	Đối chiếu hồ sơ trang thiết bị của đơn vị
2	Tiêu chí về xây dựng kế hoạch	Nội dung kế hoạch xây dựng mô hình quản lý năng lượng cần phù hợp với chương trình, kế hoạch về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả đã được phê duyệt.	Đối chiếu với nội dung trong chương trình, kế hoạch đã được phê duyệt.

TT	TÊN TIÊU CHÍ	YÊU CẦU ĐÁP ỨNG	PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA
		Nội dung kế hoạch xây dựng mô hình quản lý năng lượng có tính khả thi, được cấp có thẩm quyền phê duyệt	Đối chiếu với nội dung trong kế hoạch được phê duyệt
3	Tiêu chí về lựa chọn cơ sở được hỗ trợ kỹ thuật	Danh sách các cơ sở được lựa chọn hỗ trợ thực hiện xây dựng mô hình quản lý năng lượng phải đáp ứng các yêu cầu theo kế hoạch đã được duyệt.	Đối chiếu với nội dung trong kế hoạch được phê duyệt
4	Tiêu chí về thực hiện hỗ trợ kỹ thuật	Nội dung thực hiện đáp ứng quy trình, yêu cầu theo quy định của các cấp có thẩm quyền	Đối chiếu với quy định của cơ quan có thẩm quyền, xác nhận của cơ sở được hỗ trợ về nội dung thực hiện.
		Báo cáo được xác nhận (ký, đóng dấu) của cơ sở được hỗ trợ	Kiểm tra tình trạng xác nhận của cơ sở được hỗ trợ
5	Tiêu chí về kết quả thực hiện dịch vụ	Cơ sở được hỗ trợ cam kết về việc sẽ áp dụng mô hình quản lý năng lượng để nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng	Kiểm tra, đối chiếu cam kết của cơ sở được hỗ trợ

III. ĐỊNH MỨC KINH TẾ -KỸ THUẬT

Định mức kinh tế - kỹ thuật thực hiện dịch vụ “Hỗ trợ kỹ thuật xây dựng mô hình quản lý năng lượng cho các cơ sở sử dụng năng lượng trong: sản xuất công nghiệp, công trình xây dựng, giao thông vận tải...” như sau:

1. Định mức kinh tế - kỹ thuật đối với công tác Tổ chức Hỗ trợ kỹ thuật xây dựng mô hình quản lý năng lượng

Đơn vị tính: 01 kế hoạch/ 01 nhiệm vụ

Mã	Thành phần hao phí	Đơn vị tính	Trị số định mức
06.01			
1	Định mức lao động		
	Chuyên viên A2.1 bậc 2/8	Công	5,500

Mã	Thành phần hao phí	Đơn vị tính	Trị số định mức
	Chuyên viên A1 bậc 6/9	Công	22,000
	Chuyên viên A1 bậc 5/9	Công	14,000
	Chuyên viên A1 bậc 3/9	Công	195,500
2	Định mức máy móc, thiết bị		
	Máy tính để bàn	Ca	140,000
	Máy tính xách tay	Ca	90,000
	Máy in A4 đen trắng	Ca	0,021
	Máy chiếu	Ca	0,500
	Ô tô 4 chỗ	Ca	15,000
	Máy điện thoại di động	Ca	15,000
3	Định mức vật tư		
	Giấy in A4	Ram	0,64
	Mực in A4 đen	Hộp	0,071
4	Chi phí gián tiếp	%	21%

2. Định mức kinh tế - kỹ thuật đối với công tác thực hiện xây dựng mô hình quản lý năng lượng

Đơn vị tính: 01 cơ sở

Mã	Thành phần hao phí	Đơn vị tính	Trị số định mức
06.02			
1	Định mức lao động		
	Chuyên viên A2.1 bậc 2/8	Công	2,000
	Chuyên viên A1 bậc 6/9	Công	4,500
	Chuyên viên A1 bậc 5/9	Công	54,500
	Chuyên viên A1 bậc 3/9	Công	152,500
2	Định mức máy móc, thiết bị		
	Máy tính để bàn	Ca	138,000
	Máy tính xách tay	Ca	72,500

Mã	Thành phần hao phí	Đơn vị tính	Trị số định mức
	Máy in A4 đen trắng	Ca	0,217
	Máy chiếu	Ca	1,500
	Ô tô 7 chỗ	Ca	19,000
	Bộ máy đo chuyên dụng (Danh sách các máy đo kèm theo)	Ca	9,000
	Máy ảnh	Ca	3,000
	Máy điện thoại di động	Ca	29,500
3	Định mức vật tư		
	Giấy in A4	Ram	6,676
	Mực in A4 đen	Hộp	0,742
	Pin 9v	Cái	22
4	Chi phí gián tiếp	%	22%

Ghi chú: Bộ máy đo chuyên dụng gồm danh sách các máy đo như sau:

- + Đồng hồ ampe kìm
- + Đồng hồ đa năng
- + Thiết bị phân tích điện năng
- + Thiết bị đo nhiệt độ hồng ngoại
- + Thiết bị đo độ rọi lux kế (độ chiếu sáng)
- + Đo nồng độ CO₂
- + Máy phân tích khí thải
- + Thiết bị đo độ ẩm, nhiệt độ, tốc độ gió
- + Thiết bị đo lưu lượng bằng siêu âm
- + Máy chụp hình Hồng ngoại
- + Máy đo cách nhiệt SHGC

PHỤ LỤC SỐ 07

ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

Tên dịch vụ: Hỗ trợ đánh giá hiệu quả áp dụng trang thiết bị, công nghệ tiết kiệm năng lượng cho các cơ sở sử dụng năng lượng trong sản xuất công nghiệp, công trình xây dựng, giao thông vận tải và hộ gia đình

(Ban hành kèm theo Quyết định số 42/2025/QĐ-UBND ngày 15 tháng 7 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội)

Hà Nội, 2025

MỤC LỤC**Trang****I. QUY ĐỊNH CHUNG**

1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng
2. Nội dung định mức kinh tế - kỹ thuật
3. Áp dụng định mức

II. QUY TRÌNH VÀ TIÊU CHÍ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ

1. Quy trình thực hiện dịch vụ
2. Tiêu chí chất lượng dịch vụ

III. ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

I. QUY ĐỊNH CHUNG

1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1.1. Phạm vi điều chỉnh:

Định mức kinh tế - kỹ thuật ban hành quy định quy trình, tiêu chí chất lượng dịch vụ, định mức kinh tế - kỹ thuật với các thành phần cơ bản: định mức lao động, định mức vật tư, định mức máy móc, thiết bị và các chi phí gián tiếp để hoàn thành một dịch vụ “Hỗ trợ đánh giá hiệu quả áp dụng trang thiết bị, công nghệ tiết kiệm năng lượng cho các cơ sở sử dụng năng lượng trong sản xuất công nghiệp, công trình xây dựng, giao thông vận tải và hộ gia đình” của các đơn vị cung ứng dịch vụ.

1.2. Đối tượng áp dụng:

a) Đối tượng áp dụng định mức kinh tế - kỹ thuật:

Các cơ quan, tổ chức, đơn vị có chức năng phục vụ quản lý nhà nước lĩnh vực công thương và cung cấp dịch vụ sự nghiệp công trong lĩnh vực công thương được giao theo quy định của pháp luật.

Các cơ quan, tổ chức khác có liên quan đến tổ chức thực hiện dịch vụ sự nghiệp công lĩnh vực công thương thành phố Hà Nội sử dụng ngân sách nhà nước.

b) Khuyến khích cơ quan, tổ chức không sử dụng ngân sách nhà nước áp dụng định mức kinh tế - kỹ thuật này.

2. Nội dung định mức kinh tế - kỹ thuật

Định mức kinh tế - kỹ thuật được xây dựng trên cơ sở quy trình và tiêu chí chất lượng dịch vụ đã quy định. Nội dung định mức kinh tế - kỹ thuật bao gồm các hao phí về lao động, máy móc, thiết bị, vật tư và chi phí gián tiếp để hoàn thành việc thực hiện một dịch vụ “Hỗ trợ đánh giá hiệu quả áp dụng trang thiết bị, công nghệ tiết kiệm năng lượng cho các cơ sở sử dụng năng lượng trong sản xuất công nghiệp, công trình xây dựng, giao thông vận tải và hộ gia đình”.

2.1. Định mức lao động

Định mức lao động là mức hao phí cần thiết tính bằng ngày công của các loại lao động trực tiếp (thực hiện) phù hợp yêu cầu, để hoàn thành một dịch vụ “Hỗ trợ đánh giá hiệu quả áp dụng trang thiết bị, công nghệ tiết kiệm năng lượng cho các cơ sở sử dụng năng lượng trong sản xuất công nghiệp, công trình xây dựng, giao thông vận tải và hộ gia đình” theo quy trình và tiêu chí chất lượng dịch vụ đã quy định.

Mỗi công lao động tương ứng với 8 giờ làm việc; loại lao động yêu cầu được xếp ngạch trong bảng lương ban hành kèm theo Nghị định 204/2004/NĐ-CP ngày 24/12/2004 của Chính phủ và các quy định hiện hành khi có sự thay đổi về chính sách tiền lương thay thế Nghị định 204/2004/NĐ-CP của các cơ quan có thẩm quyền.

Trường hợp đơn vị, tổ chức thực hiện dịch vụ sự nghiệp công không có các chức danh lao động như trong bảng định mức thì có thể áp dụng lao động khác đảm bảo yêu cầu về trình độ lao động và kinh nghiệm của lao động tương đương với bậc lao động qui định trong bảng định mức.

2.2. Định mức máy móc, thiết bị

a) Định mức máy móc, thiết bị là mức hao phí cần thiết trực tiếp của các loại máy móc, thiết bị phù hợp yêu cầu để hoàn thành một sản phẩm dịch vụ “Hỗ trợ đánh giá hiệu quả áp dụng trang thiết bị, công nghệ tiết kiệm năng lượng cho các cơ sở sử dụng năng lượng trong sản xuất công nghiệp, công trình xây dựng, giao thông vận tải và hộ gia đình” theo quy trình và tiêu chí chất lượng dịch vụ đã quy định; Mức hao phí máy móc, thiết bị tính bằng ca máy, mỗi ca tương ứng với 8 giờ.

b) Khi xây dựng đơn giá: Giá ca máy móc, thiết bị được tính theo giá công bố của đơn vị có thẩm quyền tại thời điểm tính giá hoặc tính như sau:

Giá ca máy móc, thiết bị có sử dụng điện năng (hoặc nhiên liệu khác) được tính bao gồm chi phí khấu hao máy, chi phí điện năng (hoặc nhiên liệu khác) sử dụng máy tương ứng với công suất tiêu thụ của máy móc thiết bị.

Giá ca máy ô tô được tính theo giá thị trường tại thời điểm tính giá và phù hợp với quy định của pháp luật về dịch vụ thuê, mua ngoài.

2.3. Định mức vật tư

Định mức vật tư là mức hao phí cần thiết của nguyên liệu, vật liệu trực tiếp (bao gồm nguyên liệu, vật liệu, nhiên liệu, động lực, công cụ, dụng cụ,... tiêu hao và hao hụt), tính bằng số lượng và chủng loại các loại vật tư phù hợp yêu cầu để hoàn thành một sản phẩm dịch vụ “Hỗ trợ đánh giá hiệu quả áp dụng trang thiết bị, công nghệ tiết kiệm năng lượng cho các cơ sở sử dụng năng lượng trong sản xuất công nghiệp, công trình xây dựng, giao thông vận tải và hộ gia đình” quy trình và tiêu chí chất lượng dịch vụ đã quy định.

2.4. Chi phí gián tiếp

Là các chi phí gián tiếp, được quy định theo tỷ lệ phần trăm (%) của tổng các hao phí về lao động, máy móc, thiết bị và vật tư trong quá trình triển khai thực hiện hoàn thành một sản phẩm dịch vụ “Hỗ trợ đánh giá hiệu quả áp dụng trang thiết bị,

công nghệ tiết kiệm năng lượng cho các cơ sở sử dụng năng lượng trong sản xuất công nghiệp, công trình xây dựng, giao thông vận tải và hộ gia đình”; bao gồm chi phí lao động, máy móc, thiết bị, vật tư gián tiếp (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ) và chi phí gián tiếp khác (nếu có).

Khi xây dựng đơn giá, chi phí gián tiếp được tính bằng tỷ lệ % nhân với tổng chi phí lao động, máy móc, thiết bị và vật tư theo quy định tại bảng định mức.

3. Áp dụng định mức

3.1. Định mức kinh tế - kỹ thuật công tác tổ chức “Hỗ trợ đánh giá hiệu quả áp dụng trang thiết bị, công nghệ tiết kiệm năng lượng cho các cơ sở sử dụng năng lượng trong sản xuất công nghiệp, công trình xây dựng, giao thông vận tải và hộ gia đình” bao gồm các hao phí (lao động, máy móc, thiết bị, vật tư và chi phí gián tiếp) của đơn vị thực hiện dịch vụ, được áp dụng đối với quy mô 01 kế hoạch/01 nhiệm vụ tổ chức hỗ trợ tính định mức là 30 doanh nghiệp/đơn vị.

a) Trường hợp quy mô tăng 01 doanh nghiệp/đơn vị để thực hiện hỗ trợ thì định mức lao động và định mức máy móc, thiết bị được nhân với hệ số tăng là $k=1+(1 \times 0,025)$.

Ví dụ nếu tăng 02 doanh nghiệp/đơn vị thì định mức lao động và định mức máy móc thiết bị được nhân với hệ số tăng là $k=1+(2 \times 0,025) = 1,05$.

b) Trường hợp quy mô giảm 01 doanh nghiệp/đơn vị để thực hiện hỗ trợ thì định mức lao động và định mức máy móc, thiết bị được nhân với hệ số giảm là $k=1-(1 \times 0,025)$.

Ví dụ giảm 03 cơ sở sản xuất thì định mức lao động và định mức máy móc thiết bị được nhân với hệ số giảm là $k=1-(3 \times 0,025)=0,925$.

3.2. Định mức chưa bao gồm hao phí, chi phí của: thành viên thẩm định, thành viên hội đồng kiểm tra, giám sát của cấp có thẩm quyền (nếu có); chi phí tiền thưởng theo quy định của cấp có thẩm quyền; cán bộ tham gia của đơn vị/doanh nghiệp được hỗ trợ; chi phí thuê, mua ngoài.

3.3. Khi xây dựng đơn giá (phương án giá), các chi phí quy định tại điểm 3.2, khoản 3, phần I của phụ lục này sẽ được xác định theo khối lượng được cấp có thẩm quyền phê duyệt, quy định của cấp có thẩm quyền về chế độ tiền thưởng, quy định của Luật đấu thầu và các quy định có liên quan về mua sắm dịch vụ/hàng hóa, quy định về công tác phí, quy định về hội nghị hội thảo và các quy định hiện hành khác có liên quan.

II. QUY TRÌNH VÀ TIÊU CHÍ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ

1. Quy trình thực hiện dịch vụ

Dịch vụ “Hỗ trợ đánh giá hiệu quả áp dụng trang thiết bị, công nghệ tiết kiệm năng lượng cho các cơ sở sử dụng năng lượng trong sản xuất công nghiệp, công trình xây dựng, giao thông vận tải và hộ gia đình” thực hiện theo quy trình sau:

TT	Quy trình thực hiện dịch vụ
Bước 1	Tiếp nhận nhiệm vụ
1.1	Tiếp nhận kế hoạch sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt
1.2	Tổ chức họp phân tích yêu cầu giao chỉ tiêu, nội dung, hình thức, thời gian thực hiện để xây dựng kế hoạch chi tiết thực hiện nhiệm vụ
1.3	Xây dựng kế hoạch chi tiết, dự toán kinh phí (nếu có) chuẩn bị thực hiện nhiệm vụ
1.4	Trình cấp có thẩm quyền phê duyệt kế hoạch chi tiết, dự toán kinh phí (nếu có) thực hiện nhiệm vụ
Bước 2	Thành lập tổ chuyên gia thực hiện nhiệm vụ
Bước 3	Khảo sát, thu thập nội bộ dữ liệu về hiện trạng quản lý và sử dụng năng lượng của trang thiết bị, công nghệ tiết kiệm năng lượng
Bước 4	Phân tích, đánh giá hiện trạng quản lý và sử dụng năng lượng trang thiết bị, công nghệ tiết kiệm năng lượng toàn bộ các đơn vị
Bước 5	Lựa chọn danh sách các cơ sở thực hiện hỗ trợ đánh giá hiệu quả áp dụng trang thiết bị, công nghệ tiết kiệm năng lượng
5.1	Lựa chọn danh sách các cơ sở thực hiện hỗ trợ đánh giá hiệu quả áp dụng trang thiết bị, công nghệ tiết kiệm năng lượng đáp ứng nhiệm vụ được giao
Bước 6	Phê duyệt danh sách các cơ sở thực hiện hỗ trợ đánh giá hiệu quả áp dụng trang thiết bị, công nghệ tiết kiệm năng lượng
Bước 7	Xây dựng văn bản gửi các đơn vị liên quan
7.1	Xây dựng, trình phê duyệt văn bản gửi các đơn vị liên quan phối hợp triển khai nhiệm vụ
7.2	Gửi văn bản đến các đơn vị
Bước 8	Làm việc với cơ sở được lựa chọn, thu thập thông tin của doanh nghiệp (qui mô sản xuất, hệ thống thiết bị...); Xây dựng kế hoạch chi tiết

TT	Quy trình thực hiện dịch vụ
Bước 9	Họp triển khai tại cơ sở
Bước 10	Thu thập dữ liệu sẵn có tại cơ sở
Bước 11	Họp rà soát dữ liệu sẵn có tại cơ sở
Bước 12	Khảo sát hiện trạng quy trình sản xuất, thiết bị sử dụng năng lượng
Bước 13	Họp thảo luận kết quả khảo sát
Bước 14	Thực hiện đo kiểm chi tiết tại cơ sở
Bước 15	Họp đoàn khảo sát rà soát kết quả đo kiểm tại cơ sở
Bước 16	Báo cáo sơ bộ kết quả khảo sát, đo kiểm tại cơ sở
Bước 17	Tổng hợp, phân tích các dữ liệu sẵn có của cơ sở
Bước 18	Tổng hợp, phân tích các kết quả đo kiểm tại cơ sở
Bước 19	Họp thảo luận kết quả phân tích dữ liệu thu thập
Bước 20	Phân tích, đánh giá hiệu quả áp dụng trang thiết bị, công nghệ tiết kiệm năng lượng
Bước 21	Họp thảo luận phân tích, đánh giá hiệu quả áp dụng trang thiết bị, công nghệ tiết kiệm năng lượng
Bước 22	Tổng hợp, xây dựng báo cáo đánh giá hiệu quả áp dụng trang thiết bị, công nghệ tiết kiệm năng lượng
Bước 23	Duyệt báo cáo đánh giá hiệu quả áp dụng trang thiết bị, công nghệ tiết kiệm năng lượng cấp tổ chuyên gia
Bước 24	Duyệt báo cáo kết quả đánh giá hiệu quả áp dụng trang thiết bị, công nghệ tiết kiệm năng lượng cấp đơn vị
Bước 25	Tổ chức hội nghị thống nhất báo cáo kết quả đánh giá hiệu quả áp dụng trang thiết bị, công nghệ tiết kiệm năng lượng với cơ sở được hỗ trợ
Bước 26	In báo cáo, xác nhận báo cáo và biên bản kết thúc công việc
Bước 27	Thanh quyết toán
27.1	Tổng hợp hồ sơ, chứng từ liên quan
27.2	Bàn giao hồ sơ, chứng từ cho bộ phận kế toán
27.3	Lưu hồ sơ

2. Tiêu chí chất lượng dịch vụ

Dịch vụ “Hỗ trợ đánh giá hiệu quả áp dụng trang thiết bị, công nghệ tiết kiệm năng lượng cho các cơ sở sử dụng năng lượng trong sản xuất công nghiệp, công trình xây dựng, giao thông vận tải và hộ gia đình” bao gồm các tiêu chí chất lượng sau:

TT	TÊN TIÊU CHÍ	YÊU CẦU ĐÁP ỨNG	PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA
1	Tiêu chí đối với chức năng, nhiệm vụ của đơn vị cung cấp dịch vụ	- Có đăng ký kinh doanh/Quyết định/ Giấy phép hành nghề về lĩnh vực sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả theo quy định	Đối chiếu đăng ký kinh doanh/ Quyết định/ Giấy phép hành nghề của đơn vị
		- Có kinh nghiệm hoạt động trong lĩnh vực hỗ trợ đánh giá hiệu quả áp dụng trang thiết bị, công nghệ tiết kiệm năng lượng (hoặc tương đương) cho các cơ sở sử dụng năng lượng	Đối chiếu các nhiệm vụ/hợp đồng/dự án đơn vị đã thực hiện có tính chất tương tự
		- Có đội ngũ chuyên gia được cấp chứng nhận/chứng chỉ kiểm toán viên năng lượng được cấp có thẩm quyền phê duyệt	Đối chiếu hồ sơ nhân sự của đơn vị
		- Có trang thiết bị đo chuyên dụng để đánh giá hiệu suất sử dụng năng lượng	Đối chiếu hồ sơ trang thiết bị của đơn vị
2	Tiêu chí về xây dựng kế hoạch	- Nội dung kế hoạch hỗ trợ đánh giá hiệu quả áp dụng trang thiết bị, công nghệ tiết kiệm năng lượng cần phù hợp với chương trình, kế hoạch về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả đã được phê duyệt	Đối chiếu nội dung trong chương trình, kế hoạch đã được phê duyệt
		- Nội dung kế hoạch hỗ trợ đánh giá hiệu quả áp dụng trang thiết bị, công nghệ tiết kiệm năng lượng có tính khả thi, được cấp có thẩm quyền phê duyệt	Đối chiếu nội dung trong kế hoạch đã được phê duyệt

TT	TÊN TIÊU CHÍ	YÊU CẦU ĐÁP ỨNG	PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA
3	Tiêu chí về lựa chọn cơ sở được hỗ trợ	- Danh sách các cơ sở được lựa chọn hỗ trợ phải đáp ứng các yêu cầu theo kế hoạch đã được duyệt	Đối chiếu với nội dung trong kế hoạch được phê duyệt
4	Tiêu chí về thực hiện hỗ trợ cho các cơ sở	- Nội dung thực hiện cần đánh giá được hiệu quả áp dụng trang thiết bị, công nghệ tiết kiệm năng lượng cho các cơ sở.	Đối chiếu với xác nhận của cơ sở được hỗ trợ về nội dung thực hiện.
		- Báo cáo được xác nhận (ký, đóng dấu) của cơ sở được hỗ trợ	Kiểm tra tình trạng xác nhận của cơ sở được hỗ trợ
5	Tiêu chí về kết quả thực hiện dịch vụ	- Cơ sở được hỗ trợ cần cam kết về việc sẽ tiếp tục duy trì áp dụng trang thiết bị, công nghệ tiết kiệm năng lượng để nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng	Kiểm tra, đối chiếu cam kết của cơ sở được hỗ trợ

III. ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

Định mức kinh tế - kỹ thuật thực hiện dịch vụ “Hỗ trợ đánh giá hiệu quả áp dụng trang thiết bị, công nghệ tiết kiệm năng lượng cho các cơ sở sử dụng năng lượng trong sản xuất công nghiệp, công trình xây dựng, giao thông vận tải và hộ gia đình” như sau:

3.1. Định mức kinh tế-kỹ thuật đối với công tác tổ chức hỗ trợ đánh giá hiệu quả áp dụng trang thiết bị, công nghệ tiết kiệm năng lượng

Đơn vị tính: 01 kế hoạch/ 01 nhiệm vụ (30 doanh nghiệp/đơn vị)

Mã	Thành phần hao phí	Đơn vị tính	Trị số định mức
07.01			
1	Định mức lao động		
	Chuyên viên loại A2.1 bậc 2/8	Công	6,25
	Chuyên viên loại A1 bậc 3/9	Công	80,38
	Chuyên viên loại A1 bậc 5/9	Công	8,13

Mã	Thành phần hao phí	Đơn vị tính	Trị số định mức
07.01			
2	Định mức máy móc, thiết bị		
	Máy tính để bàn	Ca	91,50
	Máy tính xách tay	Ca	2,00
	Máy in A4 đen trắng	Ca	0,48
	Máy điện thoại di động	Ca	9,00
	Máy chiếu	Ca	0,50
	Ô tô 4 chỗ	Ca	5,00
3	Định mức vật tư		
	Giấy in A4	Ram	2,59
	Mực in A4 đen trắng	Hộp	0,33
4	Chi phí gián tiếp	%	21%

3.2. Định mức kinh tế-kỹ thuật đối với công tác hỗ trợ đánh giá hiệu quả áp dụng trang thiết bị, công nghệ tiết kiệm năng lượng

Đơn vị tính: 01 doanh nghiệp/đơn vị

Mã	Thành phần hao phí	Đơn vị tính	Trị số định mức
07.02			
1	Định mức lao động		
	Chuyên viên loại A2.1 bậc 2/8	Công	2,75
	Chuyên viên loại A1 bậc 3/9	Công	62,00
	Chuyên viên loại A1 bậc 5/9	Công	24,00
2	Định mức máy móc, thiết bị		
	Máy tính để bàn	Ca	41,75
	Máy tính xách tay	Ca	45,50
	Máy in A4 đen trắng	Ca	1,50
	Máy điện thoại di động	Ca	9,67
	Máy chiếu	Ca	1,67

Mã	Thành phần hao phí	Đơn vị tính	Trị số định mức
	Máy ảnh	Ca	2,00
	Ô tô 7 chỗ	Ca	10,00
	Bộ máy đo chuyên dụng (Danh sách các máy đo kèm theo)	Ca	6,00
3	Định mức vật tư		
	Giấy in A4	Ram	7,59
	Mực in A4 đen trắng	Hộp	1,03
	Pin 9V	Cái	11,00
4	Chi phí gián tiếp	%	21%

Ghi chú: Bộ máy đo chuyên dụng gồm danh sách các máy đo như sau:

- + Đồng hồ ampe kìm
- + Đồng hồ đa năng
- + Thiết bị phân tích điện năng
- + Thiết bị đo nhiệt độ hồng ngoại
- + Thiết bị đo độ rọi lux kế (độ chiếu sáng)
- + Đo nồng độ CO₂
- + Máy phân tích khí thải
- + Thiết bị đo độ ẩm, nhiệt độ, tốc độ gió
- + Thiết bị đo lưu lượng bằng siêu âm
- + Máy chụp hình Hồng ngoại
- + Máy đo cách nhiệt SHGC

(Xem tiếp Công báo số 334+335)

VĂN PHÒNG UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI XUẤT BẢN

Địa chỉ: 12 Lê Lai - Hoàn Kiếm - Hà Nội
Điện thoại: 024.38253536 - 024.37739442
Fax: 024.37739443
Email: congbao@hanoi.gov.vn
Website: www.hanoi.gov.vn